

Ngựa

馬

Assa – Ásva

Horse – Cheval

(2026)

Nội dung

Phần I

Khoa học tự nhiên về ngựa

1. Đặc điểm chung về ngựa.

1.1. Nguồn gốc của ngựa.

1.2. Màu lông của ngựa.

1.3. Thuần hóa ngựa và sử dụng.

2. Ngựa - Giải phẫu đại thể.

3. Giống ngựa.

3.1. Giống ngựa cỡ lớn.

- | | |
|-------------------------------|--------------------------|
| 1) Ngựa Shire (Anh) | 2) Ngựa Brabant (Bỉ) |
| 3) Ngựa Clydesdale (Scotland) | 4) Ngựa Percheron (Pháp) |

3.2. Giống ngựa cỡ trung.

- | | |
|-----------------------------------|------------------------------------|
| 1) Ngựa Akhal-Teke (Turkmenistan) | 2) Ngựa Gypsy Vanner (Anh/Ireland) |
| 3) Ngựa Marwari (Ấn Độ) | 4) Ngựa Arabian (Ả Rập) |
| 5) Ngựa Appaloosa (Mỹ) | 6) Ngựa Friesian (Hà Lan) |
| 7) Ngựa Mustang (Mỹ) | 8) Ngựa Morgan (Mỹ) |
| 9) Ngựa Paso Fino (Puerto Rico) | 10) Ngựa Paint (Mỹ) |

- 11) Ngựa Andalusia (Tây Ban Nha) 12) Ngựa Yakut (Nga)
 13) Ngựa Quarter (Mỹ) 14) Ngựa Thoroughbred (Anh)
 15) Ngựa Hanoverian (Đức)

3.3. Giống ngựa cỡ nhỏ (E: Pony) - Giống ngựa tí hon (E: Miniature Horse).

Pony < 14.2 hh (58 inches/147 cm)

Miniature Horse < 34 to 38 inches/86 to 97 cm)

Ngựa Falabella (Argentina) nhỏ nhất thế giới, được gây giống trong thời gian 70 năm.

4. Các loài tương cận và không tương cận với ngựa.

4.1. Loài ngựa vằn (E: Zebra)

- 1) Ngựa vằn núi Hartmann (Namibia)
- 2) Ngựa vằn đồng bằng Burchell (Ethiopia)
- 3) Ngựa vằn Grévy (Kenya).

4.2. Loài lừa (E: donkey).

- Lừa đực + Ngựa cái → Zebrinny [con La (E: Mule)]
- Lừa cái + Ngựa vằn đực → Zonkey

4.3. Hà mã (河馬: Ngựa sông; E: Hippopotamus)

4.4. Hải mã (海馬: Ngựa biển, cá ngựa; E: Sea-horse)

4.5. Gấu ngựa (E: Asian black bear)

5. Cưỡi ngựa (Mã Thuật).

5.1. Lịch sử cưỡi ngựa.

5.2. Cưỡi ngựa thể thao.

- 1) Môn nhảy ngựa (E: Equestrianism). 2) Môn cưỡi ngựa du lịch (E: Equestrian tourism).
- 3) Môn cưỡi ngựa nước kiệu (E: Trotter) 4) Môn đua ngựa (E: Horse racing).

6. Nuôi dưỡng ngựa.

6.1. Phương thức chăn nuôi bầy đàn.

6.2. Phương thức chăn nuôi bán chăn thả.

- 1) Chăn nuôi ngựa theo cá thể.
- 2) Chăn nuôi ngựa theo nhóm.

6.3. Sinh sản và tuổi đời của ngựa.

7. Ngựa và Y học.

6.1. Toàn thân ngựa đều là thuốc quý.

- 1) Mã nhục (thịt ngựa)
- 2) Mã nhũ (sữa ngựa)
- 3) Mã cốt (xương ngựa)
- 4) Bạch mã âm kinh (dương vật ngựa)
- 5) Mã bảo (sỏi trong dạ dày hay túi mật ngựa)

6.2. Cao xương ngựa.

- 1) Dinh dưỡng trong cao xương ngựa.
- 2) Tác dụng của cao ngựa.
- 3) Cách sử dụng cao ngựa.
- 4) Chỉ định sử dụng cao ngựa.
- 5) Cách nấu cao xương ngựa.

6.3. Côn trùng mang tên ngựa.

- 1) Bọ ngựa.
- 2) Bọ ngựa cánh gân.

6.5. Cây thuốc mang tên ngựa.

- | | | | |
|------------------|-------------------|-----------------|--------------|
| 1) Mã tiên thảo. | 2) Mã kế. | 3) Mã xỉ. | 4) Mã đề. |
| 5) Mã đề nước. | 6) Trảm Mã Trà. | 7) Ké đầu ngựa. | 8) Môn ngựa. |
| 9) Cỏ nhạc ngựa. | 10) Cỏ đuôi ngựa. | 11) Dái ngựa. | |

Phần II

Khoa học xã hội và nhân văn về ngựa

1. Ngựa và hệ thời gian Can Chi.

Ngựa biểu tượng cho một năm, mang pháp danh là Ngọ.

2. Ngựa trong nghệ thuật.

2.1. Ngựa và hội họa.

- 1) Ngựa và hội họa phương Tây.
- 2) Ngựa và hội họa phương Đông.

2.2. Ngựa và điêu khắc.

- 1) Tượng ngựa đá.
- 2) Tượng ngựa gỗ.
- 3) Tượng ngựa kim loại.

3. Logo ngựa.

3.1. Lĩnh vực Ô tô (Biểu tượng sức mạnh và tốc độ)

3.2. Lĩnh vực Thời trang và Xa xỉ (Biểu tượng đẳng cấp)

4. Xiếc ngựa.

5. Đua ngựa.

6. Ngựa và võ thuật.

6.1. Đòn ngịch mã - tuyệt kỹ của các cao thủ.

6.2. Đòn hồi mã - tuyệt kỹ của các dũng tướng.

7. Ngựa và âm nhạc.

7.1. Nhạc không lời và Cổ điển.

7.2. Nhạc Việt Nam.

7.3. Nhạc Quốc tế (Pop, Country, Rock)

8. Ngựa và bộ môn cờ.

8.1. Cờ cá ngựa.

8.2. Cờ vua.

8. Ngựa trong văn học.

9.1. Ngựa trong tục ngữ – ca dao.

9.2. Ngựa trong tiểu thuyết.

9.3. Ngựa trong thi ca.

10. Ngựa trong tín ngưỡng – tôn giáo.

10.1. Ngựa trong tín ngưỡng.

10.2. Ngựa trong Ấn giáo.

10.3. Ngựa trong Phật giáo.

1) Ngựa Kanthaka (Kiền Trắc), ngựa Balaha.

2) Ngựa biểu tượng của tâm thức.

3) Ý nghĩa về ngựa trong các tông phái.

4) Các bài kinh ẩn dụ về Ngựa.

1. Bốn loại ngựa trong kinh Gây Thúc Ngựa (Tăng Chi Bộ kinh).

2. Bốn loại ngựa trong phẩm kinh Kesi (Tăng Chi Bộ kinh).

3. Tám loại ngựa bất trị trong Luật Tạng.
4. Ba loại ngựa tướng tốt.
5. Câu chuyện thiền sư Mã Tổ.

11. Danh nhân tuổi Ngọ trong lịch sử Việt Nam.

Tuổi Giáp Ngọ Tuổi Bính Ngọ Tuổi Mậu Ngọ Tuổi Canh Ngọ Tuổi Nhâm Ngọ

12. Những năm Ngọ vẻ vang trong lịch sử dân tộc.

NBS: Minh Tâm 01/2026

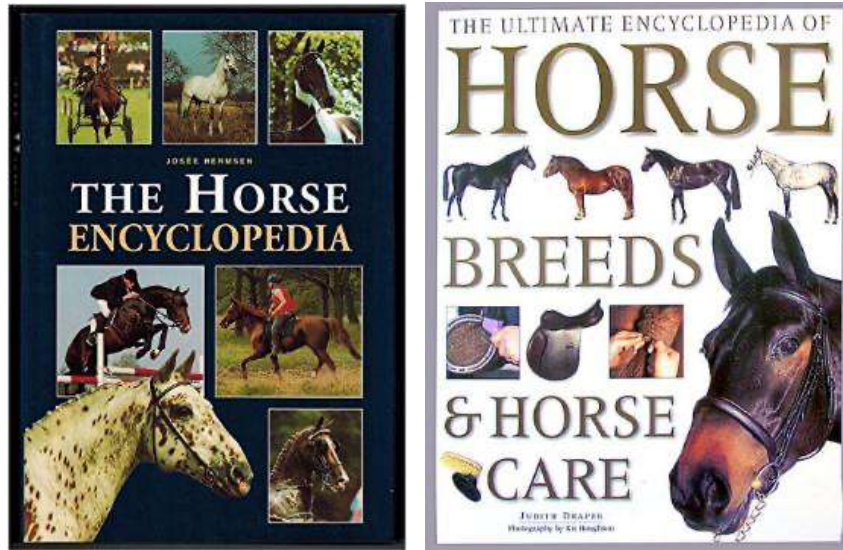


Phần I

Khoa học tự nhiên về ngựa



Ngựa Nokota là một giống ngựa hoang và bán hoang dã sinh sống ở vùng đất hoang phía tây nam, bang Bắc Dakota, Hoa Kỳ.



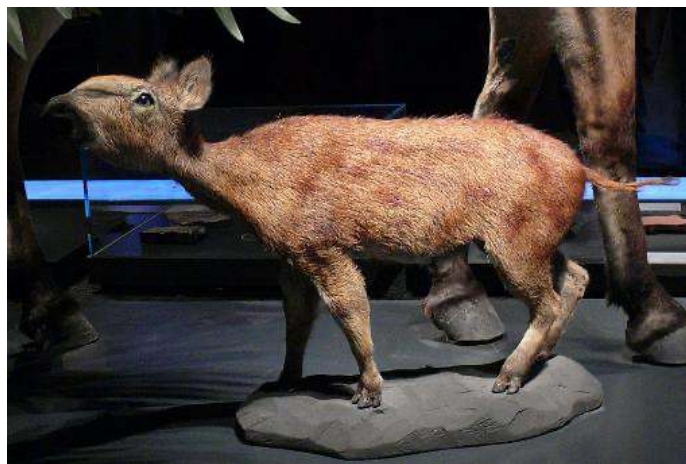
[Horse - Wikipedia](#)

[Ngựa – Wikipedia tiếng Việt](#)

1. Đặc điểm chung về ngựa.

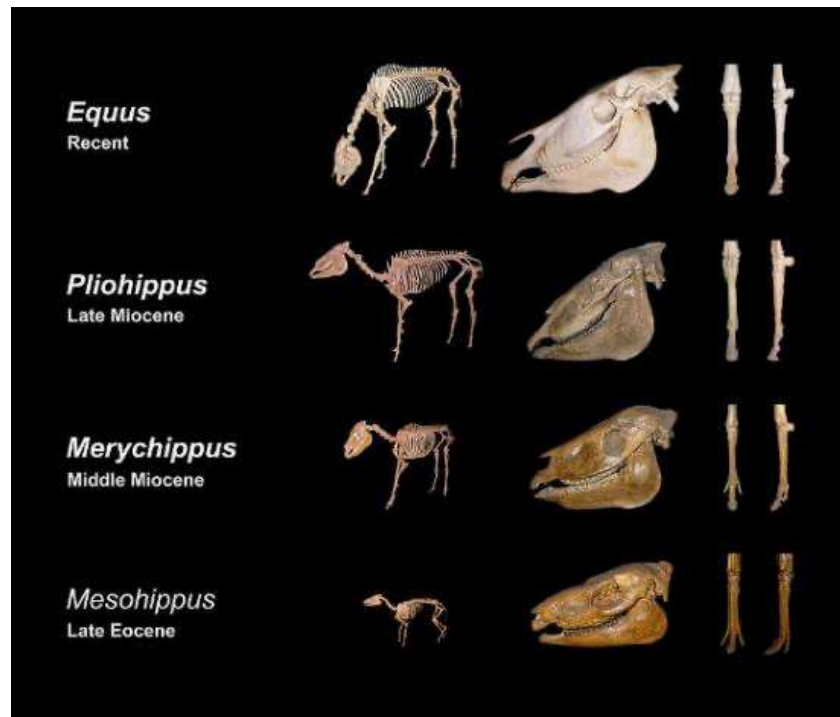
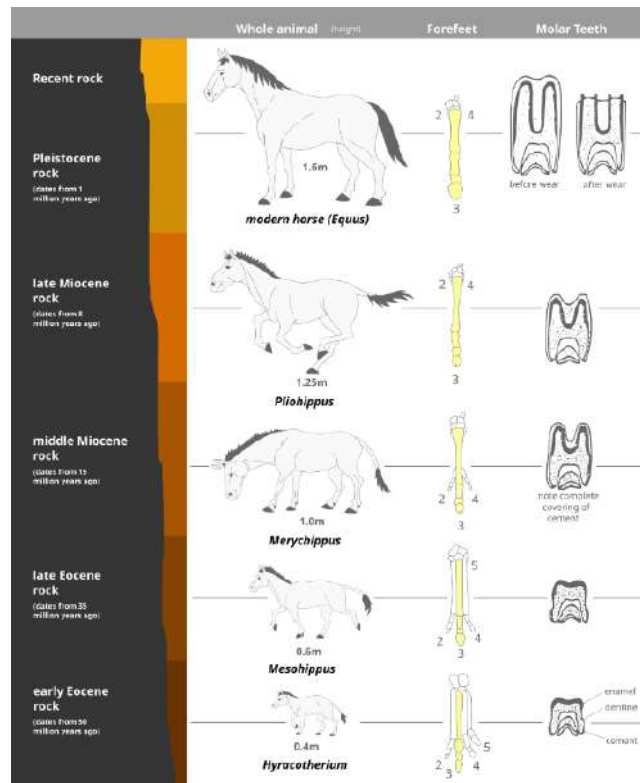
1.1. Nguồn gốc của ngựa.

Ngựa (*Equus ferus caballus*) là một loài động vật có vú trong họ Equidae, bộ móng guốc (Perissodactyla). Loài này được Linnaeus mô tả năm 1758, và là một trong số 8 phân loài còn sinh tồn cho tới ngày nay của họ Equidae. Ngựa đã trải qua quá trình tiến hóa từ 45 đến 55 triệu năm để từ một dạng sinh vật nhỏ với chân nhiều ngón trở thành dạng động vật lớn với chân một ngón như ngày nay.



Eurohippus, một trong những tổ tiên của ngựa

Sự phục hồi của *Eurohippus parvulus* , một loài ngựa thuộc thế Eocene từ giữa đến cuối ở Châu Âu
([Museum für Naturkunde](#) , Berlin)



Sự tiến hóa của ngựa và bộ xương

VIDEO

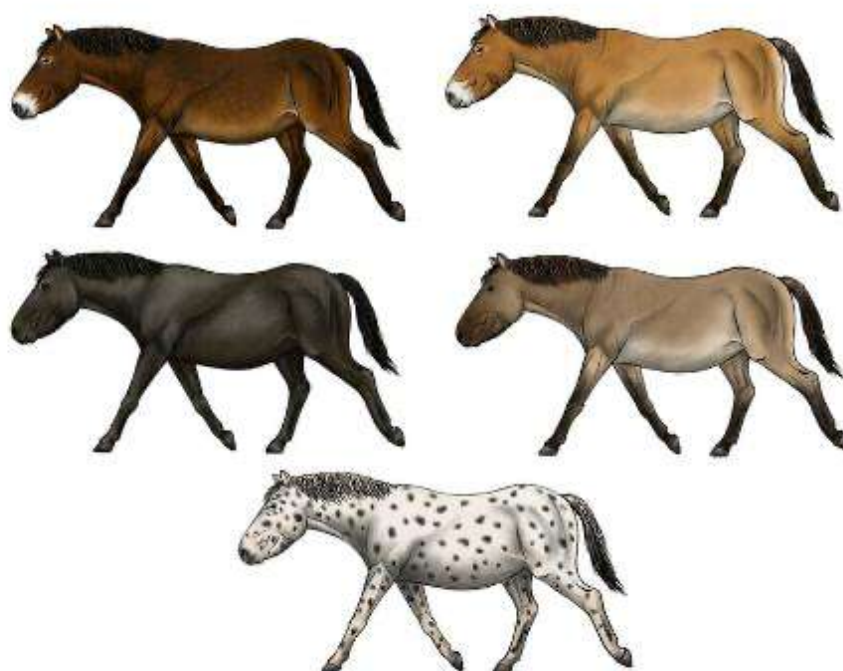
- 8 Bí Ẩn Kỳ Và Thú Vi về Loài Ngựa

1.2. Màu lông của ngựa.

Màu lông ở đây dùng để chỉ màu sắc của con ngựa . Tên gọi và định nghĩa về màu lông gắn liền với vẻ ngoài trực quan của chúng, được xác định bởi màu sắc của lông và bờm tạo nên bộ lông đó. Những màu sắc này trải dài từ **đen** đến **trắng** , bao gồm tất cả các sắc thái của "nâu" .

Từ giữa thế kỷ 20 , những tiến bộ không ngừng trong di truyền học đã cho phép chúng ta giải thích lý do màu lông ngựa một cách khoa học và chính xác hơn. Hiện nay, có thể dự đoán màu lông của ngựa con chưa sinh dựa trên trình tự gen của bố mẹ nó. Kết quả nghiên cứu này đã dẫn đến việc thiết lập các phân loại màu lông ngựa phản ánh sát hơn thực tế di truyền.

Equus ferus ferus



Trước khi được thuần hóa, ngựa được cho là có những màu lông này.



Màu lông của ngựa đã thuần hóa

1.3. Thuần hóa ngựa và sử dụng.

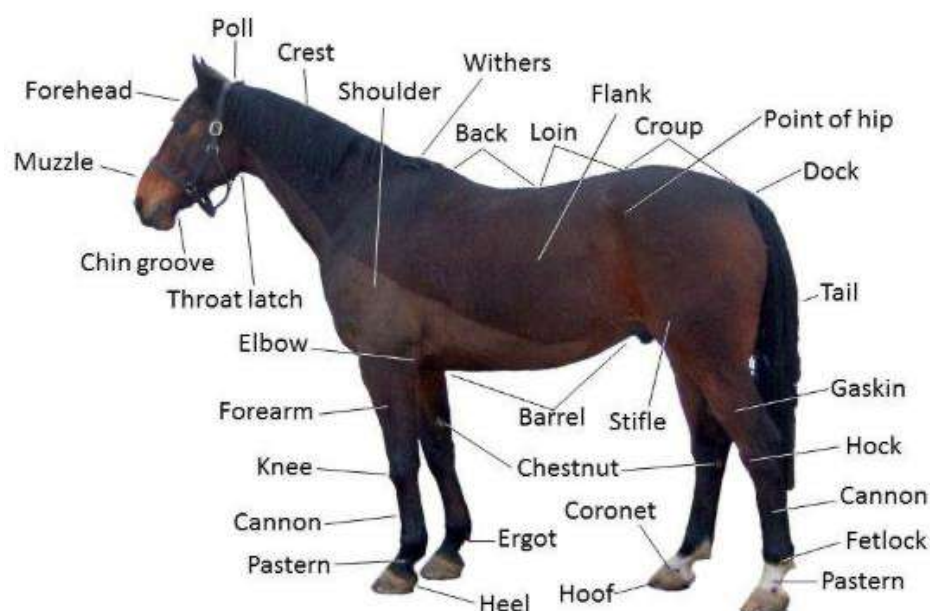
Con người bắt đầu thuần dưỡng ngựa vào khoảng 4000 – 4500 TCN, và người ta tin rằng ngựa đã được nuôi phổ biến ở châu Âu vào khoảng 3000 TCN – 2000 TCN.

Khi loài ngựa được con người thuần hóa đã bị con người biến đổi thành hàng chục, hàng trăm giống khác nhau để thích ứng với nhu cầu mong muốn của con người, như tạo giống ngựa chạy nhanh hơn, mạnh hơn, lớn hơn, hoặc nhỏ hơn ... Còn ngựa cũng đã thay đổi xã hội loài người trên toàn thế giới trong nhiều lĩnh vực như: Dùng ngựa làm phương tiện đi du lịch, thương mại, vui chơi, vận chuyển hàng hóa, tham gia hoạt động thể thao và nhất là trong chiến tranh thời xa xưa dùng ngựa làm phương tiện vận hành nhanh chóng nhất, điều này đã quyết định rất nhiều cho việc thành bại trong cuộc chiến.

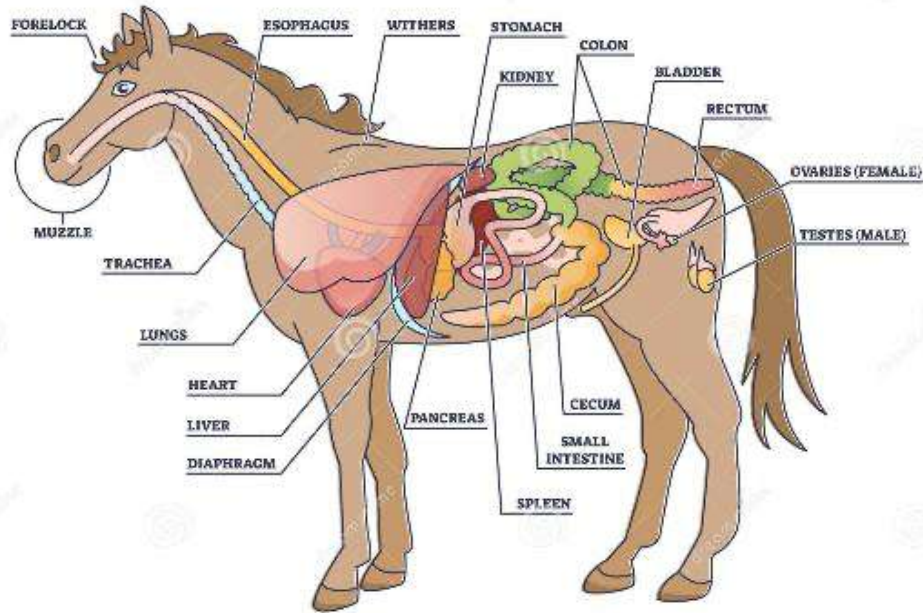
Các Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp (FAO) ước tính rằng trong năm 2008, đã có gần 59.000.000 ngựa trên thế giới, với khoảng 33.500.000 ở châu Mỹ, 13.800.000 ở châu Á, 6.300.000 ở châu Âu và các phần nhỏ hơn ở Châu Phi và Châu Đại Dương. Có được ước tính là 9.500.000 ngựa ở Hoa Kỳ.

Ngựa có sức ảnh hưởng kinh tế lớn. Các Hội đồng ngựa ở Mỹ ước tính có khoảng 4.6 triệu người Mỹ làm việc trong ngành công nghiệp ngựa rằng các hoạt động ngựa liên quan có tác động trực tiếp đến nền kinh tế của Hoa Kỳ của trên 39 tỷ USD và chi tiêu gián tiếp được coi là có tác động hơn 102 tỷ USD. Đó chỉ là con số ít ỏi cho khoảng chín triệu con ngựa ở Mỹ.

2. Ngựa - Giải phẫu đại thể.



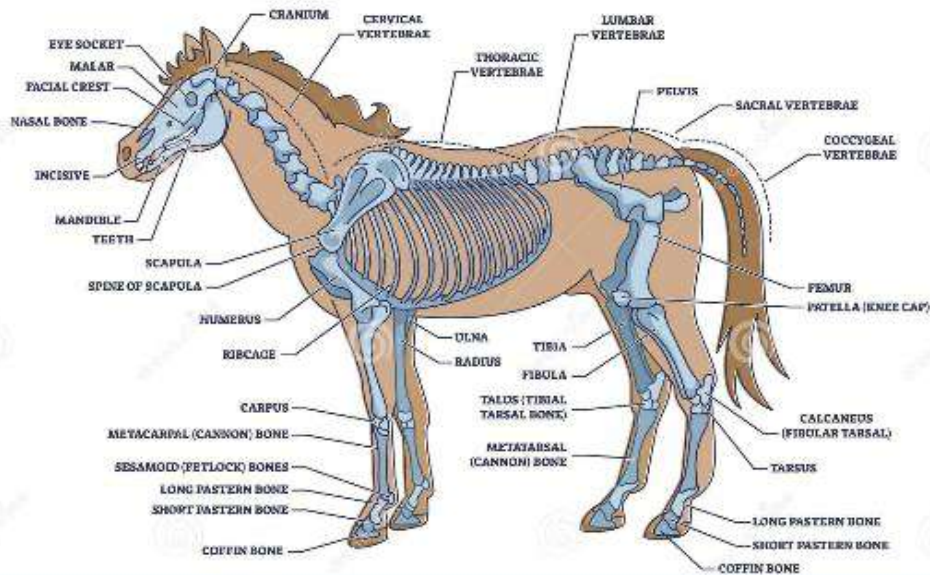
HORSE ANATOMY



dreamstime.com

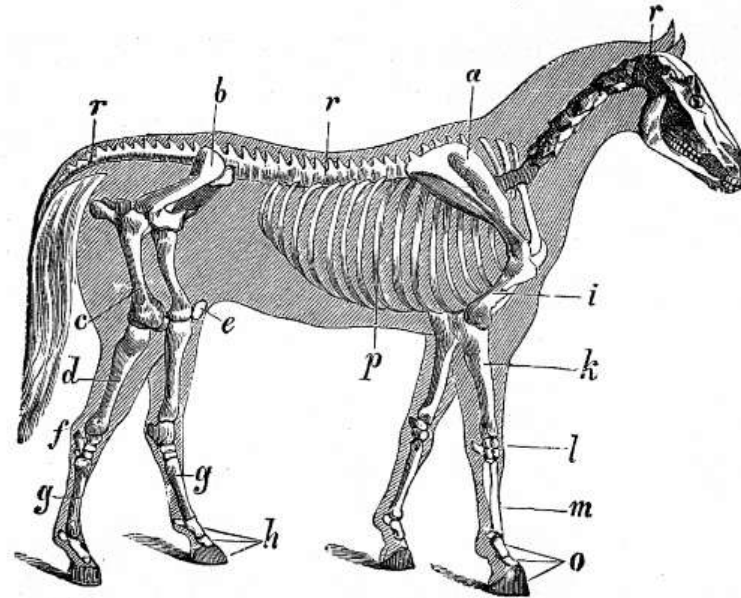
ID 228377474 © VectorMine

HORSE SKELETON



dreamstime.com

ID 256548033 © VectorMine

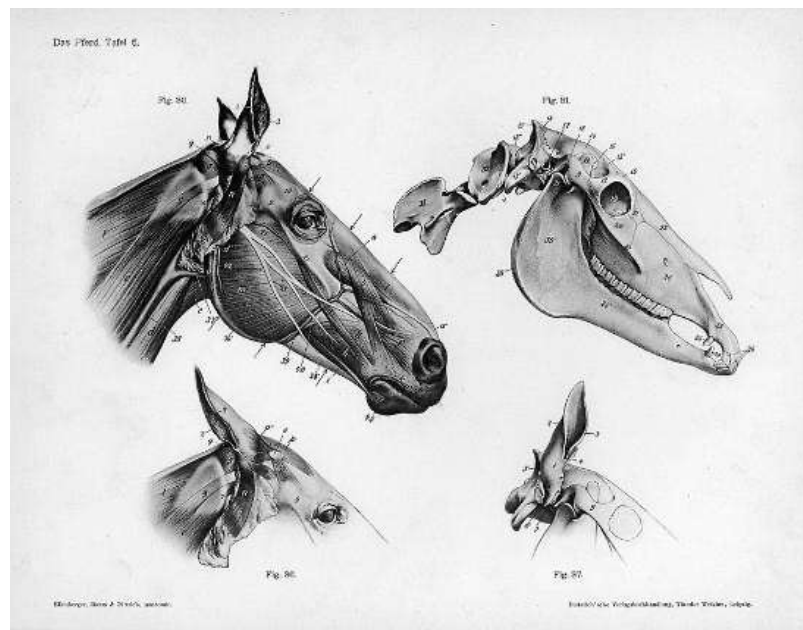


Bộ xương ngựa với các đường viền.

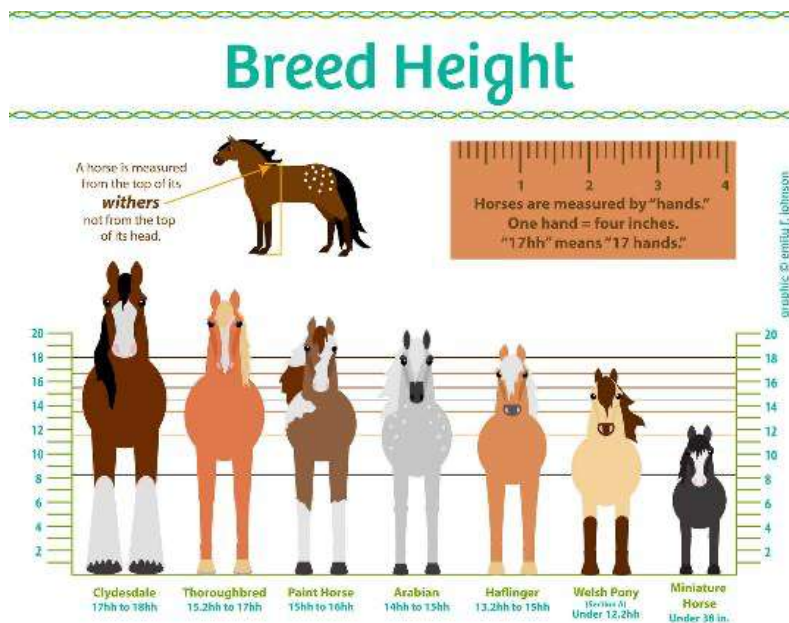
a: xương bả vai **b:** xương chậu **c:** đùi **d:** cẳng chân **e:** đầu gối **f:** gót chân **g:** xương bàn chân **h:** ngón chân **i:** cánh tay trên **k:** cẳng tay **l:** cổ tay **m:** xương bàn tay **o:** ngón chân **p:** xương sườn **r:** cột sống

Skeleton of a horse with outline.

a: scapula **b:** pelvis **c:** thigh **d:** shank **e:** knee **f:** heel **g:** metatarsus **h:** toe **i:** upper arm **k:** forearm **l:** wrist **m:** metacarpus **o:** toe **p:** costa **r:** spinal column



3. Giống ngựa.



Horse > 14.2 hh

Pony < 14.2 hh (58 inches/147 cm)

Miniature Horse < 34 to 38 inches/86 to 97 cm)



VIDEO

- [Horse Breeds In The World](#)
- [All 9 Equid Species & 9 Beautiful "Wild" Horses](#)
- [Horse Breeds from different countries - Global Data](#)
- [Horse Breeds From Different Countries - DATA SHOW](#)
- [15 Affordable Horse Breeds Perfect for First Time Owners](#)

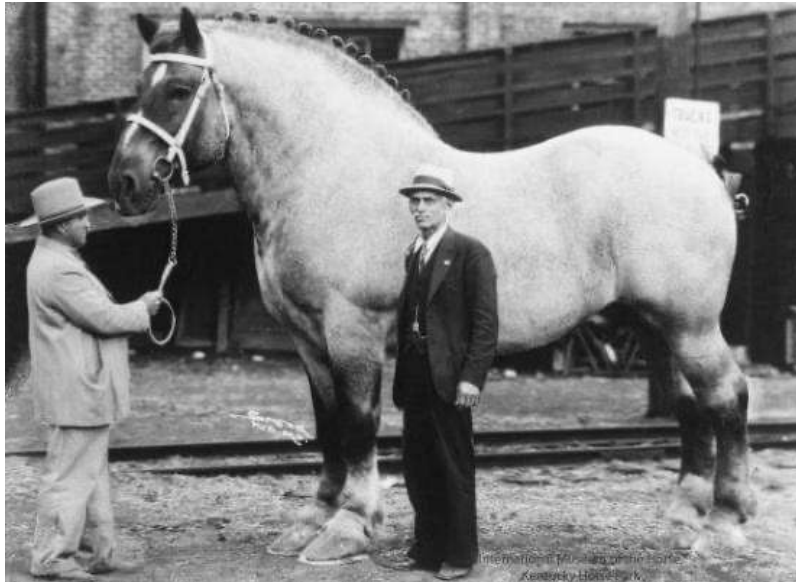
3.1. Giống ngựa cỡ lớn.

Các giống cỡ lớn bao gồm ngựa Shire, Brant, Clydesdale và Percheron. Những con ngựa hạng nặng này được lai tạo để làm công việc nông nghiệp và công nghiệp - chủ yếu là kéo những toa xe chở trọng lượng lớn. Clydesdales được sử dụng trong Thế chiến thứ nhất để vận chuyển đạn dược, vật tư và pháo binh ra chiến trường và được ca ngợi như những anh hùng.

1) Ngựa Shire.

Ngựa Shire là giống ngựa kéo có nguồn gốc từ Anh và được biết đến với sức mạnh, sức bền và sự ngoan ngoãn. Con ngựa cao nhất từng được ghi nhận là một con ngựa gelding (ngựa bị thiến) thuộc giống Shire tên là Sampson (sau đổi tên thành Mammoth). Nó sinh năm 1846 tại Bedfordshire, Vương quốc Anh và cao 2,19 m vào năm 1850. Nó nặng 1.524 kg, và điều này khiến nó trở thành con ngựa nặng nhất từng được ghi nhận.

Sampson được Thomas Cleaver tại Toddington Mills lai tạo và được sử dụng để kéo xe bò và xe ngựa. Con ngựa này sau đó đã mất năm 1878 ở tuổi 32.



Ngựa Sampson/Mammoth cao nhất và nặng nhất từng được ghi nhận

Mặc dù chưa được xác nhận nhưng bức ảnh này được cho là có hình Sampson/Mammoth, con ngựa cao nhất và nặng nhất được ghi nhận.

2) Ngựa Brabant.



Ngựa Brabant của Bỉ

Ngựa Brabant là một giống ngựa kéo hạng nặng có nguồn gốc từ vùng Brabant của Bỉ. Chúng là một trong những nguồn ảnh hưởng nền tảng của giống ngựa Bỉ và góp phần tạo nên nhiều giống ngựa kéo hạng nặng khác ở Tây Âu. Chúng được biết đến với tên gọi Ngựa kéo Bỉ ở châu Âu.

Những con ngựa Bỉ lần đầu tiên được nhập khẩu vào Hoa Kỳ vào những năm 1800. Hiệp hội các nhà nhập khẩu và chăn nuôi ngựa kéo Bỉ của Mỹ được thành lập tại Wabash, Indiana vào năm 1887. Họ là cơ quan đăng ký theo dõi ngựa kéo Bỉ tại Hoa Kỳ. (Hiệp hội này vẫn tồn tại nhưng đã đổi tên thành Tập đoàn Ngựa kéo Bỉ của Mỹ vào năm 1937.)

Giống ngựa Brabant cao lớn, mạnh mẽ và đồ sộ. Chiều cao tính từ vai thường nằm trong khoảng 163–173 cm (64–68 in), với chiều cao trung bình là 164 cm (65 in) đối với ngựa cái và 168 cm (66 in) đối với ngựa đực. Trọng lượng trung bình xấp xỉ 700 kg (1.500 lb) đối với ngựa cái và 900 kg (2.000 lb) đối với ngựa đực, nhưng trọng lượng trên 1.000 kg (2.200 lb) không phải là hiếm. Màu lông lang (E: roan) chiếm ưu thế, chiếm khoảng 80% tổng số ngựa; khoảng 12% là màu nâu đỏ (E: bay) và phần còn lại là màu hạt dẻ (E: chestnut), đen (E: black) hoặc xám (E: grey).



Big Jake World's Tallest Horse - Guinness World Record Holder

Big Jake là tên con ngựa của Bỉ sinh năm 2001 tại Nebraska, Hoa Kỳ và sở hữu chiều cao 2,10 m vào năm 2010, phá kỷ lục Guinness thế giới cho con ngựa còn sống cao nhất thế giới. Big Jake nặng 1.200 kg (2.600 lb), nặng hơn khoảng 100 lb so với mức trung bình của giống ngựa này. Big Jake thuộc sở hữu của Jerry Gilbert ở trang trại Smokey Hollow ở Wisconsin, nơi nó sống cùng những con ngựa và động vật khác. Big Jake đã thi đấu trong các cuộc trình diễn ngựa kéo trước khi nghỉ hưu vào năm 2013 và xuất hiện thường xuyên tại Hội chợ bang Wisconsin. Con ngựa này sau đó đã qua đời vào tháng 6 năm 2021 ở tuổi 20.

Ứng cử viên hiện tại cho con ngựa cao nhất còn sống tính đến tháng 12 năm 2023 là một con ngựa gelding khác của Bỉ tên là King Buck. Nó sinh năm 2015 tại trang trại và tiệm bánh Hersberger ở Millersburg, Ohio, Hoa Kỳ và có chiều cao là 2 m vào tháng 11 năm 2023. King Buck cũng nặng tới 1.418 kg, điều đó đã khiến nó trở thành một trong những con ngựa nặng nhất từ trước đến nay.



Ngựa King Buck được ghi nhận cao nhất và nặng nhất hiện nay

Ngựa Bỉ ở Hoa Kỳ thường nhỏ hơn những con ngựa Bỉ ở Châu Âu, và King Buck có thể là ngoại lệ.

3) Ngựa Clydesdale.



Ngựa Clydesdale có nguồn gốc từ vùng Lanarkshire của Scotland, gần sông Clyde, vào thế kỷ 18. Được biết đến như những "gã khổng lồ hiền lành", chúng được sử dụng cho công việc nông nghiệp và kéo tải nặng, nhưng ngày nay nổi tiếng khắp thế giới với vai trò là ngựa diễu hành và ngựa kéo xe.

Chúng thường cao từ 16 đến 18 gang tay (64–72 inch) và nặng từ 1.600 đến 2.400 pound. Ngoại hình nổi bật bao gồm trán rộng, cổ cong và bộ lông dày, mềm mượt ở phần chân dưới. Màu sắc phổ biến nhất là màu nâu đỏ (bay), nhưng cũng có các biến thể màu đen, xám và nâu hạt dẻ. Chúng thường có những mảng trắng nổi bật trên mặt và chân.

Ngựa Clydesdale nổi tiếng với bản tính hiền lành, điềm tĩnh và thông minh, chúng rất phù hợp cho người mới bắt đầu và nhiều vai trò cưỡi ngựa hoặc trị liệu khác nhau.

4) Ngựa Percheron.



Ngựa Percheron nổi tiếng thế giới có nguồn gốc từ thung lũng sông Huisne thuộc tỉnh Perche cũ của Pháp. Được mệnh danh là "gã khổng lồ hiền lành", nổi tiếng với sức mạnh phi thường, tính khí điềm tĩnh và lịch sử đa dạng, từ những con ngựa chiến thời trung cổ đến những con ngựa phục vụ nghi lễ và nông nghiệp ngày nay.

Ngựa Percheron cao từ (60–76 inch), thường nặng từ 1.800 đến 2.600 pound. Màu lông phổ biến nhất là xám và đen. Tại Hoa Kỳ, các màu như nâu đỏ, xám pha trắng và nâu hạt dẻ cũng được công nhận.

Ngựa có ngực sâu và rộng, phần thân sau vạm vỡ và cơ bắp cuộn cuộn, cùng với cái đầu thanh tú, gọn gàng phản ánh nguồn gốc Ả Rập của chúng. Không giống như một số giống ngựa kéo khác như Clydesdale, ngựa Percheron hầu như không có lông dài ở phần chân dưới.

Chúng rất thông minh, chăm chỉ, hiền lành và điềm tĩnh, phù hợp với mọi chủ nuôi có kinh nghiệm và cảm thấy thoải mái với những con ngựa lớn. Thời Trung Cổ, tổ tiên của chúng từng chở các hiệp sĩ mặc giáp ra trận. Đến thế kỷ 18-19 được lai tạo với giống ngựa Ả Rập, để sử dụng làm "ngựa kéo" để kéo những cỗ xe ngựa nặng nề với tốc độ nhanh. Cuối thế kỷ 19 do được lai tạo để có khối lượng lớn hơn, chúng trở thành nguồn sức kéo chính cho nông trại và việc vận chuyển hàng hóa. Đến những năm 1930, ngựa Percheron chiếm 70% tổng số ngựa kéo ở Hoa Kỳ.

Là những động vật lớn, chúng cần một lượng thức ăn thô đáng kể—khoảng 2% trọng lượng cơ thể mỗi ngày (ví dụ: 40 pound cỏ khô cho một con ngựa nặng 2.000 pound).

VIDEO

- [Top 10 Tallest Horses in The World](#)
- [Top 10 Tallest Horses in the World](#)
- [20 Most Biggest Horses In The World](#)
- [Top 15 Biggest Horse Breeds – Gentle Giants](#)
- [Top 15 Biggest Horse Breeds – Gentle Giants of the Equine World](#)

3.2. Giống ngựa cỡ trung.

Ngựa thường cao từ 13,3 đến 17,3 hand, tương đương 55,12 đến 70,87 inch (140 đến 180 cm) và nặng 660 đến 2.200 pound (299 đến 997 kg). Tuy nhiên, đây chỉ là những thông số khái quát về kích thước và trọng lượng của những giống ngựa phổ thông.

Dưới đây là danh sách 12 giống ngựa phổ biến và đa năng có nguồn gốc từ các quốc gia khác nhau trên toàn thế giới, phù hợp với mọi người, từ người mới bắt đầu cưỡi ngựa đến những người cưỡi ngựa dày dạn kinh nghiệm.

1) Ngựa Akhal-Teke (Turkmenistan)





VIDEO

- [Akhal-teke: The true beauty of a golden horse!](#)
- [Akhal Teke horse, purebred riding breed](#)
- [The beauty of akhal-teke horses](#)

Trên thế giới có hơn 100 giống ngựa, mỗi giống đều có hình dáng, kích thước và tính khí khác nhau. Tuy nhiên, ngựa Akhal-Teke được công nhận là giống ngựa đẹp nhất thế giới nổi bật với bộ lông óng ánh kim loại (vàng, bạc, đồng). Ngựa Akhal-Teke hay còn được gọi là "Hãn Tuyết Bảo Mã" (Ngựa Vàng), là một giống ngựa có nguồn gốc từ Turkmenistan. Tại đây chúng được tôn vinh làm biểu tượng quốc gia này, một trong những giống ngựa cổ xưa và độc đáo nhất. Giống ngựa này mang tên ốc đảo Akhal và bộ tộc Teke, là địa danh và tên người cư ngụ tại đây.

"Không có giống ngựa nào khác để lại ấn tượng khó quên như Akhal-Teke – cao quý, nhẹ nhàng và uyển chuyển với cơ thể thanh mảnh, lấp lánh ánh vàng dưới tia nắng Mặt Trời, với nước kiệu uyển chuyển và nước đại dũng mãnh". Những lời này, được viết bởi nhà lai tạo Alexander Klimuk, thực sự đã nói lên tất cả.

Akhal-Teke là một giống ngựa của Turkmenistan nổi tiếng về tốc độ, sức bền, trí thông minh và ánh kim rất đặc biệt - thứ sau này đặt cho giống ngựa này biệt danh "ngựa vàng".

Được cho là một trong những giống ngựa lâu đời nhất hiện có, giống ngựa này đã thích nghi với điều kiện khí hậu khắc nghiệt. Hiện có khoảng 6.600 con ngựa Akhal-Tekes trên thế giới, chủ yếu ở Turkmenistan, nhưng chúng cũng được tìm thấy ở khắp châu Âu và Bắc Mỹ.

2) Ngựa Gypsy Vanner (Anh/Ireland).



VIDEO

- [Gypsy Horse - The Most Beautiful Horse Breed in the World](#)
- [10 Fascinating Facts About the Gypsy Vanner Horse](#)
- [The Gypsy Vanner Horse Society](#)

Ngựa Gypsy Vanner, còn được gọi là Gypsy Cob hoặc Irish Cob, là một giống ngựa nổi tiếng với vẻ ngoài ấn tượng và tính cách hiền lành. Chúng được người Digan (Romani) ở Vương quốc Anh lai tạo có chọn lọc trong hơn nửa thế kỷ để kéo các đoàn xe ngựa (E: caravan) của họ.

Ngựa Gypsy Vanner và Clydesdale thường bị nhầm lẫn do đều có bộ lông chân (feathering) dày đặc, nhưng thực tế chúng khác biệt rõ rệt về kích thước, nguồn gốc và mục đích sử dụng. Dưới đây là các điểm khác biệt chính:

Đặc điểm	Clydesdale	Gypsy Vanner
Chiều cao	Rất cao (172–183 cm)	Trung bình (137–152 cm)
Thân hình	Cao ráo, chân dài	Thấp, đậm người, cơ bắp
Lông chân	Dày, chủ yếu ở cổ chân	Rất dày, phủ từ gối xuống móng
Tính cách	Điềm tĩnh, mạnh mẽ	Cực kỳ hiền lành, thân thiện

Về màu sắc:

- Clydesdale: Thường có màu nâu (bay) hoặc đen với các mảng trắng lớn ở chân và mặt.

- Gypsy Vanner: Rất đa dạng, nhưng phổ biến nhất là các họa tiết đốm (pinto) như đen trắng (piebald) hoặc nâu trắng (skewbald).

3) Ngựa Marwari (Ấn Độ).



VIDEO

- [Marwari Horse Breed Profile History - Price - Characteristics - Training - Grooming](#)
- [The Exploratory Horse Riding Marwari Ride, India](#)
- [The majestic Marwari horse makes a come back](#)
- [Pros & Cons of Marwari Horse Breed](#)
- [The Marwari Horse, Pride of India](#)

Ngựa Marwari là một giống ngựa quý hiếm và độc đáo đến từ vùng Marwar (bang Rajasthan), Ấn Độ. Chúng nổi tiếng với vẻ ngoài kiêu hãnh cùng lịch sử gắn liền với những chiến binh Rajput dũng cảm, cùng tính tình hiền lành và vẻ đẹp độc đáo.

Ngựa Marwari có những đặc điểm nhận dạng nổi bật sau:

- Đôi tai đặc trưng: Đây là điểm dễ nhận biết nhất với đôi tai cong vút vào trong, hai đầu tai có thể chạm nhau. Chúng có khả năng xoay tai 180 độ.

- Ngoại hình: Có vóc dáng thanh mảnh nhưng mạnh mẽ, cổ cao hình vòng cung, ngực sâu và vai vạm vỡ.

- Màu sắc: Đa dạng từ nâu, đen đến xám. Trong đó, ngựa màu xám được coi là điềm lành và có giá trị nhất; ngựa trắng thuần khiết thường dùng cho các nghi lễ tôn giáo.

- Dáng đi: Có dáng đi tự nhiên đặc biệt (gaited), giúp người cưỡi cảm thấy cực kỳ êm ái khi di chuyển trên quãng đường dài tại sa mạc.

Ngựa Marwari được lai tạo từ ngựa bản địa Ấn Độ với ngựa Ả Rập từ thế kỷ XII. Chúng nổi tiếng với lòng trung thành và sự dũng cảm trên chiến trường, có thể sống sót trong điều kiện khắc nghiệt của sa mạc.

Ngựa Marwari là một trong những giống ngựa đắt đỏ nhất thế giới. Vào cuối năm 2025, tại các hội chợ gia súc ở Ấn Độ, có những chú ngựa Marwari được chào bán với giá lên tới 44,5 tỷ VNĐ (khoảng 15 crore rupee).

Từng có nguy cơ tuyệt chủng vào thế kỷ XX, nhưng nhờ các nỗ lực bảo tồn, giống ngựa này đã dần hồi phục. Hiện nay, chúng chủ yếu được dùng trong các buổi trình diễn, lễ cưới, du lịch cưỡi ngựa và các cuộc thi về giống tốt.

4) Ngựa Arabian (Ả Rập):



Ngựa đực Ả Rập đang phi nước kiệu trên cánh đồng.

VIDEO

- [THE ARABIAN I THE JEWEL OF ARABIA I EXPLORE HORSES](#)
- [Arabian Horse - Origin, Characteristics and Temperament](#)
- [8 Fascinating Facts about Arabian Horses!](#)

Ngựa Ả Rập là một trong những giống ngựa cổ và lâu đời nhất với lịch sử hàng nghìn năm tuổi ở bán đảo Ả Rập, được tìm thấy trên khắp thế giới. Những con ngựa này được sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau, từ thi đấu thể thao cưỡi ngựa đến việc đơn giản là người bạn đồng hành đáng tin cậy trong gia đình.

Ngựa Ả Rập nổi bật với đầu nhỏ, mũi hếch, đuôi cao và sức bền bỉ, tài năng và khỏe mạnh, thông minh và cường tráng. Chúng có thể xuất sắc trong các bộ môn như cưỡi ngựa nghệ thuật, điều khiển ngựa, đua ngựa và kéo xe. Và nếu được chăm sóc đúng cách, chế độ ăn uống và tập luyện phù hợp, ngựa Ả Rập có thể sống hơn 30 năm.

5) Ngựa Appaloosa.



Ngựa đực Appaloosa đang phi nước đại trên đồng cỏ.

VIDEO

- [Appaloosa Horse Breed Info - History - Characteristics](#)
- [THE APPALOOSA HORSE MUSEUM • A SPOT IN HISTORY](#)
- [Discover the Appaloosa Horse](#)
- [TRUE APPALOOSAS - TEXAS](#)
- [Equine 411: Appaloosa](#)

Ngựa Appaloosa là giống ngựa Mỹ nổi tiếng thế giới, bắt mắt với bộ lông nhiều màu sắc và hoa văn khác nhau, chẳng hạn như màu loang, đốm và màu lông xám. Lịch sử gắn liền với bộ tộc Nez Perce tại vùng Tây Bắc Hoa Kỳ. Giống ngựa này trước đây được biết đến với tên gọi ngựa Palouse.

Các giống ngựa khác nhau có ưu thế trong các bộ môn khác nhau, nhưng ngựa Appaloosa lại đa tài và có thể thể hiện tốt trong mọi lĩnh vực, từ đua ngựa, nhảy rào, buộc dây đến uốn cọc, điều khiển ngựa và cưỡi ngựa nghệ thuật. Chúng cũng là người bạn đồng hành tốt cho việc cưỡi ngựa thông thường và hòa đồng với người cưỡi ở mọi trình độ, kể cả người trẻ tuổi và người mới bắt đầu.

Để được công nhận là ngựa Appaloosa, chúng thường sở hữu 4 đặc điểm cốt lõi sau:

- Bộ lông đốm: Có nhiều kiểu hoa văn như đốm báo (leopard), đốm phủ mông (E: blanket), hoặc lốm đốm tuyết (E: snowflake).

- Da lốm đốm (E: mottled skin): Vùng da quanh mũi, mắt và bộ phận sinh dục thường có các mảng sắc tố tối màu xen kẽ hồng.

- Củng mạc trắng (E: white sclera): Phần lòng trắng bao quanh con ngươi hiện rõ ngay cả khi mắt ở trạng thái bình thường, giống như mắt người.

- Móng có sọc dọc: Móng ngựa thường có các sọc đen và trắng chạy dọc rõ rệt.

Ngựa Appaloosa có nguồn gốc từ những con ngựa do người Tây Ban Nha đưa đến châu Mỹ vào thế kỷ 16. Vào những năm 1700, người của bộ tộc Nez Perce đã chọn lọc nhân giống để tạo ra loài ngựa không chỉ đẹp mà còn thông minh, dẻo dai và có sức chịu đựng cao cho săn bắn và chiến tranh. Tên "Appaloosa" xuất phát từ sông Palouse, nơi bộ tộc này sinh sống. Ban đầu chúng được gọi là "ngựa Palouse", sau đó biến âm dần thành Appaloosa.

Ngựa Appaloosa cao từ 1,4 đến 1,6 mét; nặng khoảng 430 đến 540 kg. Tính cách thân thiện, hiền lành, trung thành và rất dễ huấn luyện. Nhờ sự linh hoạt, chúng tham gia vào nhiều hoạt động như đua ngựa, biểu diễn, chăn nuôi gia súc và cưỡi ngựa giải trí. Năm 2026, Câu lạc bộ Ngựa Appaloosa (ApHC) tiếp tục là tổ chức hàng đầu bảo tồn và đăng ký giống ngựa này trên toàn cầu.

6) Ngựa Friesian (Hà Lan).



Ngựa Frieisan đang chạy trên cánh đồng xanh.



VIDEO

- [THE FRIESIAN HORSE - THE REAL BLACK BEAUTY I EXPLORE HORSES](#)
- [WORLD FAMOUS FRIESIAN STALLION](#)
- [The KFPS Royal Friesian Horse](#)

Ngựa Friesian là một giống ngựa có nguồn gốc từ Hà Lan, xuất xứ từ thời Trung cổ. Sở hữu bộ lông đen tuyền, bờm dài mượt và dáng dấp cao ráo, tạo cảm giác uy nghi và lẫm lạn. Những chú ngựa thân thiện này rất sẵn lòng học hỏi và làm việc, có thể xuất sắc trong nhiều lĩnh vực như săn bắn và cưỡi ngựa, kéo xe và biểu diễn nghệ thuật. Chúng cũng được sử dụng trong phim ảnh nhờ vẻ ngoài nổi bật.

Thật không may, do việc lai cận huyết trong quá khứ, ngựa Friesian có tuổi thọ ngắn hơn các giống ngựa khác (khoảng 16 năm) và dễ mắc một số vấn đề về sức khỏe. Lông chân dài, bờm và đuôi của chúng cũng cần được chăm sóc kỹ lưỡng hơn. Một chiếc lược chải bờm và đuôi chắc chắn cùng với thuốc xịt gỡ rối là những vật dụng không thể thiếu!

7) Ngựa Mustang (Mỹ).



Hai con ngựa hoang Mustang đang thách đấu nhau



VIDEO

- [The Legendary Mustang Horse | History & Characteristics](#)

- Mustang Horse | characteristics, origin & disciplines

- 10 Facts About Mustang Horses

Bạn có thể tìm thấy những con ngựa Mustang hoang dã ở miền Tây Hoa Kỳ, và nếu muốn nhận nuôi một con, bạn có thể làm điều đó thông qua Cục Quản lý Đất đai (BLM), cơ quan chịu trách nhiệm quản lý quần thể hoang dã. Sau khi được đưa ra khỏi môi trường hoang dã, ngựa Mustang cần được thuần hóa bởi một người huấn luyện ngựa giàu kinh nghiệm.

Ngựa Mustang thuần hóa là một người bạn đồng hành tuyệt vời khi cưỡi ngựa và có thể được sử dụng để làm việc hoặc tham gia các môn thể thao cưỡi ngựa như reining, dressage và barrel racing. Những con ngựa này cũng khá khỏe mạnh, với nhu cầu chăm sóc lông tiêu chuẩn.

8) Ngựa Morgan.





Ngựa Morgan

VIDEO

- [Morgan Horse : Horse Breed](#)
- [Morgan Horse Breed Profile History](#)
- [Morgan Horse Saddleseat Equitation - Carousel Charity Horse Show](#)

Ngựa Morgan là một trong những giống ngựa đầu tiên được phát triển ở Mỹ, là giống ngựa nhỏ gọn, đa năng, phù hợp với người cưỡi ở mọi trình độ. Chúng cũng tương đối dễ chăm sóc, nhờ nhu cầu chải chuốt đơn giản và sức khỏe tổng thể tốt.

Vì dễ huấn luyện và điều khiển, ngựa Morgan thường được sử dụng cho mục đích giải trí và công việc. Chúng xuất sắc trong các môn thể thao như kéo xe, nhảy và cưỡi ngựa nghệ thuật, và nổi tiếng là những con ngựa trang trại, ngựa cảnh sát và ngựa trị liệu (E: therapy horse) hiệu quả.

9) Ngựa Paso Fino (Puerto Rico).



Chân dung người chiến thắng ngựa Paso Fino

VIDEO

- [Paso Fino Documentary 2025](#)
- [Paso Fino Caballos En Puerto Rico](#)
- [MECHANICS OF THE COLOMBIAN PASO FINO HORSES](#)

Giống ngựa Paso Fino rất độc đáo nhờ dáng đi bốn nhịp tự nhiên, mang lại cho người cưỡi cảm giác êm ái và thoải mái. Một đặc điểm nổi bật khác là màu mắt "mắt hổ" - màu cam, hổ phách hoặc vàng - có thể là do di truyền.

Ngựa Paso Fino là lựa chọn tốt cho người cưỡi ngựa ở mọi lứa tuổi và trình độ kinh nghiệm. Chúng hiền lành, trung thành và thân thiện, có thể được sử dụng để cưỡi ngựa trị liệu. Chúng cũng rất muốn làm hài lòng chủ nhân, khiến việc chăm sóc chúng trở nên dễ dàng dù là tham gia các sự kiện thể thao hay làm việc trong trang trại.

Năm 2022, Lễ diễu hành Ngày Quốc khánh Puerto Rico đã vinh danh một trong những biểu tượng quốc gia được yêu mến nhất và có lẽ ít được hiểu rõ nhất của Puerto Rico, giống ngựa Paso Fino. Được đặt tên theo dáng đi nhịp nhàng, 4 nhịp, những chú ngựa "caballos de Paso Fino" hay "ngựa bước nhẹ nhàng" này sinh ra đã có dáng đi nhịp nhàng 4 nhịp độc đáo, thể hiện sự nhanh nhẹn trong từng bước chân và chuyển động ngang duyên dáng, điều đã mang lại cho chúng danh tiếng là "giống ngựa cưỡi êm ái nhất thế giới". Từ lâu đã là giống ngựa được yêu thích trong các cuộc thi, giống ngựa đa năng này xuất sắc trong nhiều bộ môn cưỡi ngựa khác nhau. (NPRDP 2022)

10) Ngựa Paint (Mỹ).



Ngựa Paint đang chạy

VIDEO

- [American Paint Horse Breed Profile History](#)
- [American Paint Horse Association: A History](#)
- [5 Fascinating Facts About The American Paint Horses](#)
- [American Paint Horse Breed Profile History - Price - Characteristics - Training - Grooming](#)

Ngựa American Horse sở hữu vẻ ngoài xinh đẹp cùng tính cách đáng yêu. Bộ lông của chúng có màu trắng pha lẫn các màu lông khác của ngựa, nhưng chính những hoa văn trên lông – overo, tobiano và tovero – mới thực sự làm nên sự nổi bật của chúng.

Ngoài việc là những thú cưng tuyệt vời trong gia đình, ngựa American Paint Horse còn có thể được huấn luyện để thành công trong các môn thể thao như nhảy rào, cưỡi ngựa nghệ thuật và điều khiển ngựa.

Ngựa Paint phù hợp với người cưỡi ở mọi trình độ, kể cả những ai đang tìm kiếm một người bạn đồng hành dễ tính, thân thiện và điềm tĩnh. Chỉ cần nhớ dự trữ dầu gội làm trắng lông trong chuồng nếu bạn dự định tham gia các cuộc thi dành cho những chú ngựa đầy màu sắc này.

11) Ngựa Andalusian (Tây Ban Nha).



Ngựa Andalusian màu xám - bức chân dung trong chuyển động.

VIDEO

- [Andalusian horse | characteristics, origin & disciplines](#)
- [10 Amazing Andalusian Horse Facts Y](#)
- [Andalusian Horses Dance Show](#)
- [Discover the Andalusian](#)

Có nguồn gốc từ thời Trung cổ, ngựa Andalusian là giống ngựa chiến quý tộc, có sức mạnh, trí thông minh, dễ bảo, nổi tiếng với nhiều đặc điểm hấp dẫn với bộ bờm dày mượt. Chúng dễ thích nghi, thông minh và sẵn sàng học hỏi, nên rất dễ làm việc cùng; và vì chúng hiền lành và thân thiện, chúng là người bạn đồng hành phù hợp cho người cưỡi ngựa ở mọi trình độ.

Ngựa Andalusian thường có màu xám, điều này khiến chúng dễ bị ung thư da hơn. Và bởi vì chúng có bờm tuyệt đẹp và đuôi dài, dày, nên chúng cần được chăm sóc đặc biệt để giữ sạch sẽ và không bị rối.

12) Ngựa Yakut (Nga).



Ngựa Yakut vào mùa hè



Ngựa Yakut vào mùa đông



VIDEO

- [Yakut Horses Surviving -60°C](#)
- [Yakutian Horse Pros and Cons](#)
- [The January day with horse breeders of Yakutia](#)
- [The Yakut Horse - The Republic of Sakha \(Yakutia\)](#)
- [The Ice Heroes: Amazing Facts About the Yakutian Horse!](#)

Ngựa Yakut là một giống ngựa độc đáo có nguồn gốc từ Cộng hòa Sakha (Yakutia) ở Siberia, Nga. Nó nổi tiếng là giống ngựa chịu lạnh tốt nhất thế giới, có khả năng sống sót ngoài trời mà không cần nơi trú ẩn ở nhiệt độ xuống tới -70°C (-94°F). Để tồn tại trong điều kiện khí hậu khắc nghiệt của Bắc Cực, ngựa Yakut đã phát triển những đặc điểm thể chất và trao đổi chất chuyên biệt:

- Khả năng giữ ấm: Chúng mọc một lớp lông mùa đông dày bất thường, thường dài tới 8–10 cm (hơn 3 inch). Chúng cũng tích lũy một lượng mỡ dự trữ đáng kể trong mùa hè ngắn ngủi để duy trì sự sống qua mùa đông.

- "Ngủ đông đứng": Trong điều kiện cực lạnh, chúng có thể giảm tốc độ trao đổi chất, nhịp tim và nhịp thở trong khi vẫn hoạt động và đứng – trạng thái này thường được gọi là "ngủ đông đứng" hoặc trạng thái hôn mê.

- Cấu tạo nhỏ gọn: Theo quy tắc Allen, chúng đã tiến hóa với thân hình nhỏ gọn, chân ngắn và tai nhỏ để giảm thiểu sự mất nhiệt.

- Tìm kiếm thức ăn: Chúng rất giỏi "tebenyovka," tức là dùng móng guốc đào xuyên qua lớp tuyết dày (lên đến 50 cm hoặc hơn) để tìm cỏ đóng băng.

Ngựa Yakut tương đối nhỏ, thường cao khoảng 135–140 cm (khoảng 13,2 gang tay) tính từ vai. Nghiên cứu di truyền cho thấy chúng đã thích nghi với môi trường Bắc Cực trong khoảng 800 năm - một trong những ví dụ về sự tiến hóa nhanh nhất ở động vật có vú. Người Yakut phụ thuộc vào những con ngựa này để lấy thịt, sữa và vận chuyển hàng hóa trên địa hình hiểm trở, nơi các loài động vật khác khó có thể sinh sống. Ngựa là biểu tượng trung tâm trong văn hóa Yakut và được thể hiện trên quốc huy của Cộng hòa Sakha .

13) Ngựa Quarter (Mỹ).



Ngựa Quarter đang chạy trên cánh đồng.

VIDEO

- [12 Things You Didn't Know About the American Quarter Horse](#)
- [Quarter Horse | characteristics, origin & disciplines](#)
- [THE GREATEST QUARTER HORSES IN HISTORY](#)

Ngựa Quarter Mỹ , giống ngựa phổ biến nhất thế giới, có thể chạy 1/4 dặm trong 21 giây – do đó mà giống ngựa này có tên như vậy. Chúng được sử dụng trong nhiều bộ môn khác nhau, bao gồm cưỡi ngựa biểu diễn, nhảy rào, cưỡi ngựa đường trường, cưỡi ngựa kiểu miền Tây và đua ngựa (chúng có thể chạy nước rút với tốc độ lên đến 55 dặm/giờ!).

Vì thông minh, ham học hỏi và thân thiện, ngựa Quarter Horse phù hợp với người cưỡi ở mọi trình độ, kể cả người mới bắt đầu. Chúng thậm chí còn được sử dụng trong liệu pháp cưỡi ngựa vì tính khí điềm tĩnh và hiền lành.

14) Ngựa Thoroughbred (Anh).



Ngựa Thoroughbred tham gia thi đấu ba môn phối hợp.

VIDEO

- [English Thoroughbred | characteristics, origin & disciplines](#)
- [What Makes Thoroughbred Horses So Special?](#)
- [Thoroughbred Origins](#)

Giống ngựa Thoroughbred hiện đại được phát triển một cách tỉ mỉ trong Nước Anh thế kỷ 17 và 18 Thông qua một chương trình lai tạo chọn lọc được thiết kế để tạo ra vận động viên đua ngựa xuất sắc nhất. Dòng dõi của giống ngựa này nổi tiếng được xây dựng trên ba con ngựa đực "nền tảng" cụ thể là ngựa đực Darley Arabian (khoảng năm 1704), mặc dù nghiên cứu di truyền gần đây đã nhấn mạnh đóng góp quan trọng không kém của những con ngựa cái bản địa Anh.

Ngựa Thoroughbred được lai tạo để có sức bền và tốc độ vượt trội, ngựa Thoroughbred có thể đạt tốc độ khoảng 40 dặm/giờ – điều này khiến chúng trở thành những con ngựa đua xuất sắc. Những con ngựa mạnh mẽ này cũng có thể thể hiện tốt trong các môn thể thao khác, bao gồm nhảy rào, cưỡi ngựa nghệ thuật và thi đấu ba môn phối hợp.

Những chú ngựa thuần chủng máu nóng có thể khó điều khiển hơn các giống ngựa khác, vì vậy chúng thường phù hợp nhất với những người cưỡi ngựa có kinh nghiệm. Những chú ngựa khỏe mạnh này cũng dễ bị chấn thương và viêm khớp hơn, đặc biệt là khi chúng già đi.

15) Ngựa Hanoverian (Đức).



Ngựa Hanoverian



Con ngựa đực Hanoverian thiên này thi đấu chuyên nghiệp trong môn thể thao cưỡi ngựa nhảy rào .

VIDEO

- [Hanoverian Horse Breed Profile History - Price - Characteristics - Training - Grooming](#)
- [German Sporthorse | characteristics, origin & disciplines](#)
- [Copernicus WF - Hanoverian Stallion](#)

Ngựa Hanoverian là một giống ngựa Đức danh giá, được biết đến là một trong những giống ngựa thể thao thành công nhất thế giới. Ngựa Hanoverian tham gia thi đấu các môn như lái xe ngựa, cưỡi ngựa nghệ thuật, nhảy rào và phối hợp ba môn - và thậm chí đã giành được huy chương vàng Olympic.

Giống ngựa này có nguồn gốc từ năm 1735 khi Vua George II thành lập trại ngựa giống quốc gia tại Celle, Đức. Đặc điểm ngoại hình:

- Khung xương lớn và vạm vỡ với thân hình chữ nhật, đầu thanh tú và phần thân sau mạnh mẽ.
- Màu lông: Phổ biến nhất là màu nâu đỏ, nâu hạt dẻ, đen và xám . Hiệp hội giống giống này không công nhận các màu như vàng da nai, vàng nhạt và kem.

- Tính khí: Bình tĩnh, điềm đạm và luôn muốn làm hài lòng chủ nhân. "Thần kinh thép" của chúng bắt nguồn từ lịch sử là những con ngựa kỵ binh.

- Phong cách di chuyển: Nổi tiếng với dáng đi nhẹ nhàng như bay và dáng chạy nước kiệu nhịp nhàng, bao phủ toàn bộ mặt đất.

Ngựa Hanover là những vận động viên đẳng cấp thế giới trong "ba môn thể thao" chính của Thế vận hội:

- Cưỡi ngựa nghệ thuật: Sức mạnh tự nhiên và dáng đi uyển chuyển khiến chúng trở thành chuyên gia trong lĩnh vực này.

- Nhảy rào: Chúng sở hữu sức mạnh và lòng dũng cảm phi thường cần thiết để nhảy qua những chướng ngại vật khổng lồ.

- Cưỡi ngựa ba môn phối hợp: Sức bền và kỹ năng đa dạng cho phép chúng xuất sắc trong thể thức cưỡi ngựa ba môn phối hợp.

Giống như các giống ngựa phổ biến khác, ngựa Hanoverian nổi tiếng với tính khí hiền lành. Chúng thông minh, dũng cảm và sẵn sàng làm việc. Và mặc dù giống ngựa này nhìn chung khỏe mạnh, chúng vẫn có thể dễ mắc một số bệnh di truyền.

VIDEO

- [25 Giống Ngựa Đẹp Nhất Thế Giới | Thiên Hà TV](#)

- [25 Most Beautiful Horses on Planet Earth](#)

- [25 Most Beautiful Horses on Planet Earth](#)

- [10 Beautifully Colored Rare Horse Breeds](#)

- [25 Most Beautiful Horses Ever Seen | Meet the World's Most Stunning Horse Breeds](#)

- [25 Most Beautiful Horses on Planet Earth - Meet the World's Most Stunning Horse Breeds.](#)

- [Beautiful Horse | 25 Most Beautiful Horses on Planet Earth - Meet the World's Most Stunning Horse](#)

3.3. Giống ngựa cỡ nhỏ (E: Pony) - Giống ngựa tí hon (E: Miniature Horse).

Pony < 14.2 hh (58 inches/147 cm)

Miniature Horse < 34 to 38 inches/86 to 97 cm)



Sự khác biệt chính giữa ngựa cỡ nhỏ và ngựa tí hon nằm ở tỷ lệ :

1) Ngựa cỡ nhỏ (E: pony) là một loại ngựa được định nghĩa bởi tầm vóc thấp, nhưng có thân hình chắc khỏe và mập hơn, chân ngắn, chắc chắn và bờm/đuôi rậm rạp, vốn là loài ngựa nhỏ gọn tự nhiên.

- Ngoại hình: Thân hình chắc nịch, vạm vỡ, chân to, ngực rộng và lưng tròn; thường có bộ lông xù xì hơn.

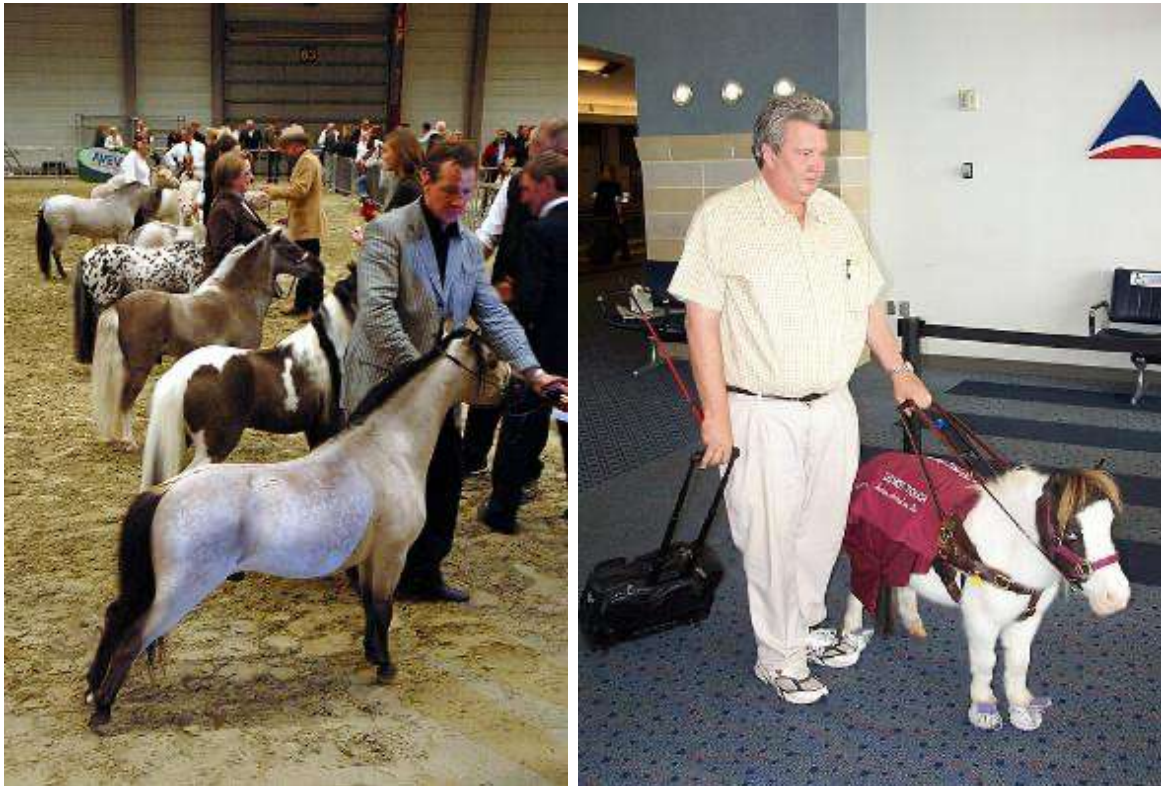
- Chiều cao: Dưới 14,2 hh (57 inch) tính từ vai, nhưng có thể thay đổi khá nhiều.

2) Ngựa tí hon (E: miniature horse) là một giống ngựa có tỷ lệ cơ thể giống ngựa cỡ trung bình trưởng thành nhưng nhỏ hơn với các đường nét tinh tế.

- Ngoại hình: Có đường nét thanh tú, xương nhỏ, cổ dài, chân thẳng. Ngựa tí hon có cổ dài hơn, chân thẳng hơn và bộ lông mịn hơn.

- Chiều cao: Dưới 34 inch (8,2 hand) tính từ vai.

Giống ngựa này được lai tạo để trở thành phiên bản thu nhỏ của những con ngựa thông thường. Loài ngựa này chỉ sống tập trung ở vùng núi Nam Carolina (Mỹ). Tuổi thọ trung bình của một chú ngựa này từ 40 đến 50 năm, trong khi đó, ngựa bình thường có tuổi thọ chỉ từ 20 đến 30 năm.



Miniature horse

Giống ngựa Falabella là một giống ngựa lùn của Argentina, chúng được xác nhận là giống ngựa nhỏ nhất thế giới, thuộc nhóm ngựa tí hơn giống nhỏ là một biến thể của nhóm ngựa cỡ nhỏ.

Ngựa Falabella có hình dáng nhỏ thó và thấp bé. Chiều cao trung bình của giống ngựa này chỉ khoảng 40 cm, chúng chưa bao giờ vượt qua chiều cao 70 cm. Những con ngựa Falabella đều rất cứng cỏi, thông minh và có lòng trung thành giống như những con chó. Ngựa Falabella được chăm sóc và phát triển trong thế kỷ 19 ở Argentina bởi bác sĩ thú y, chuyên gia di truyền học Patrick Falabella, nên giống ngựa này đã được đặt tên theo ông.

Ngựa Falabella được gây giống trong thời gian 70 năm bằng cách giao phối trong một nhóm nhỏ những con ngựa có hình dáng bé nhỏ. Với hình dáng nhỏ bé, dễ thương giống ngựa này được rất nhiều người chọn nuôi. Giống ngựa Falabella được coi là thông minh và dễ đào tạo. Do kích thước nhỏ bé, giống ngựa Falabella thường được chọn cho trẻ em tập cưỡi.



Ngựa Falabella

VIDEO

- [Top 10 smallest pony breeds](#)
- [WORLD'S SMALLEST HORSE - The Miniature Horse](#)
- [The World's SMALLEST Horse | Guinness World Records](#)
- [Top 18 Cutest Mini Horse Breeds You Can Actually Own As Pets](#)

4. Các loài tương cận và không tương cận với ngựa.

Có khá nhiều loài tương cận với ngựa. Nhưng thông thường nhất là loài ngựa vằn và loài lừa.

4.1. Loài ngựa vằn (E: Zebra): Là một số loài họ Ngựa châu Phi được nhận dạng bởi các sọc đen và trắng đặc trưng trên người chúng. Sọc của chúng có những biểu tượng khác nhau, mang tính độc nhất cho mỗi cá thể. Loài động vật này thường sống theo bầy đàn. Không giống như các loài có quan hệ gần gũi như ngựa và lừa, ngựa vằn chưa bao giờ được thực sự thuần hóa. Có ba loài ngựa vằn: Ngựa vằn núi, Ngựa vằn đồng bằng và Ngựa vằn Grevy.

1) Ngựa vằn núi Hartmann (Namibia).



Ngựa vằn núi Hartmann

Ngựa vằn núi Hartmann có nguồn gốc ở vùng Namibia và người ta tìm thấy chúng trong các khu vực miền núi hay đồi có khí hậu khô cằn và nhiều đá. Thức ăn của chúng là cỏ, vỏ, rễ và lá cây, quả. Ngựa vằn núi Hartmann thích sống thành từng nhóm nhỏ

khoảng 7-12 con. Chúng là những động vật leo trèo nhanh nhẹn, có khả năng sống trong các điều kiện khô cằn tại những vùng núi có độ dốc cao. Các vằn sáng màu của chúng có thể là hệ thống tín hiệu cho bầy đàn và cũng có thể có ích trong việc làm các kẻ thù của chúng bị nhầm lẫn.

2) Ngựa vằn đồng bằng Burchell (Ethiopia).



Ngựa vằn đồng bằng Burchell

Ngựa vằn đồng bằng (Equus quagga) là dạng ngựa vằn thông thường nhất và phân bố rộng rãi nhất, đã từng được nhìn thấy trên các đồng bằng và đồng cỏ từ miền nam Ethiopia trải dài qua miền đông châu Phi xa về phía nam tới tận Angola và đông Nam Phi. Ngựa vằn đồng bằng hiện nay về số lượng là ít hơn so với trước đây do các hoạt động của con người như săn bắn để lấy thịt và da của chúng, cũng như sự xâm lấn khu vực sinh sống của chúng, nhưng chúng vẫn còn là phổ biến trong các khu vực cấm săn bắn.

3) Ngựa vằn Grévy (Kenya).



Ngựa vằn Grévy

Ngựa vằn Grévy là một loài động vật có vú trong họ Equidae, bộ Perissodactyla. Loài này được Oustalet mô tả năm 1882.

Chúng là loài ngựa hoang dã lớn nhất còn sinh tồn và nguy cấp nhất trong ba loài ngựa vằn, hai loài còn lại là ngựa vằn đồng bằng và ngựa vằn núi. Ngựa vằn Grévy lớn hơn tất cả các loài săn chúng, lớn hơn cả sư tử, chúng dài từ 2.5-2.7m, cao từ 1.45-1.6m, nặng từ 350–450 kg. Được đặt theo tên Jules Grévy, ngựa vằn Grévy là thành viên duy nhất còn tồn tại của phân chi Dolichohippus. Ngựa vằn Grévy được tìm thấy ở Kenya và Ethiopia. So với ngựa vằn khác, nó có tai lớn, cao hơn và sọc của nó hẹp hơn.

Cuộc sống của ngựa vằn Grévy trong đồng cỏ bán khô hạn, nơi nó ăn cỏ, cây họ đậu, nó có thể tồn tại đến năm ngày mà không có nước. Ngựa vằn này được coi là nguy cấp. Dân số của chúng đã giảm từ 15.000 đến 3.000 từ những năm 1970. Tuy nhiên, đến năm 2008 dân số ổn định.

VIDEO

- 13 Differences Between Zebras and Horses

- ZEBRAS - Unique Animals of Africa

- Zebra - Africa's Wild Wonders

4.2. Loài lừa (E: donkey).

Lừa là một loài ngựa được thuần hóa. Nó có nguồn gốc từ lừa hoang châu Phi (*Equus africanus*), được thuần hóa ở châu Phi 5000–7000 năm trước và đã được sử dụng chủ yếu như một loài vật lao động kể từ thời điểm đó. Hiện có hơn 40 triệu con lừa trên thế giới, chủ yếu là tại các quốc gia kém phát triển, nơi chúng được sử dụng chủ yếu như con vật để kéo và thồ vật. Lừa làm thường gắn liền với những người sống bằng hoặc thấp hơn mức độ tự cung tự cấp. Một số lượng nhỏ lừa được giữ nuôi sinh sản, như vật nuôi tại các nước phát triển.



Một con lừa ở Clovelly, North Devon, Anh.

Lừa có kích thước rất khác nhau, tùy thuộc vào cả giống và điều kiện môi trường, và chiều cao ở vai dao động từ dưới 90 cm (35 in) đến khoảng 150 cm (59 in). Lừa làm việc ở các nước nghèo có tuổi thọ từ 12 đến 15 năm; ở các nước thịnh vượng hơn, chúng có thể có tuổi thọ từ 30 đến 50 năm.

Lừa có hệ tiêu hóa cứng cáp, trong đó thức ăn thô được phân hủy hiệu quả nhờ quá trình lên men ở ruột già, hoạt động của vi khuẩn trong manh tràng và ruột già. Nó cần ít thức ăn hơn ngựa hoặc ngựa con có chiều cao và cân nặng tương đương. Lừa cũng ít bị đau bụng hơn. Lý do cho sự khác biệt này vẫn chưa được hiểu đầy đủ; lừa có thể có hệ vi khuẩn đường ruột khác với ngựa, hoặc thời gian lưu giữ thức ăn trong ruột dài hơn.



Giống lừa Baudet du Poitou là một trong những giống lừa lớn nhất.

Lừa thích nghi với vùng đất sa mạc cằn cỗi. Không giống như ngựa hoang và ngựa sống hoang dã, lừa hoang ở những vùng khô hạn sống đơn độc và không tạo thành đàn. Mỗi con lừa trưởng thành thiết lập một phạm vi sinh sống; việc sinh sản trên một khu vực rộng lớn có thể bị chi phối bởi một con lừa đực. Hầu hết lừa đều có sọc lưng và vai, những dấu hiệu nguyên thủy tạo thành hình chữ thập đặc trưng trên lưng chúng.

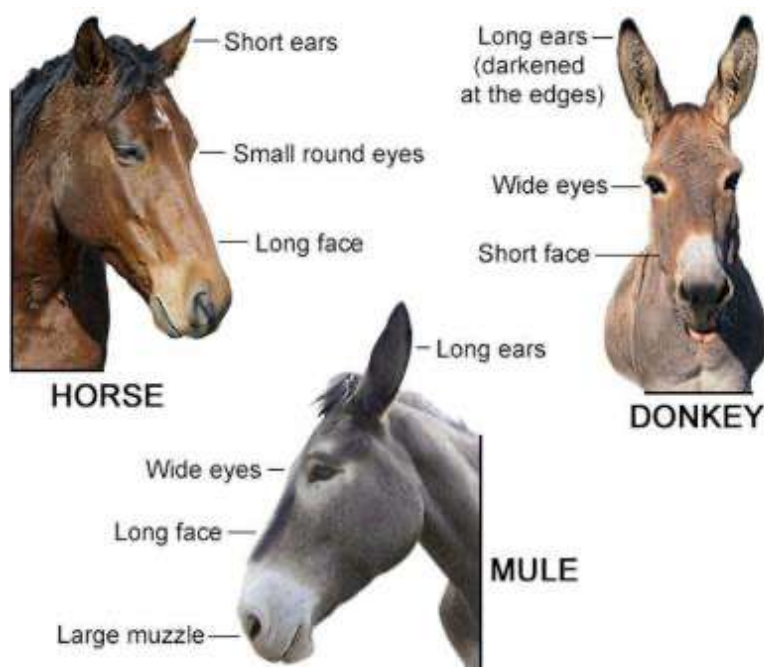
Tiếng kêu lớn hoặc tiếng rống của lừa, thường kéo dài hai mươi giây và có thể nghe thấy từ khoảng cách hơn 3 km, có thể giúp giữ liên lạc với những con lừa khác trên không gian rộng lớn của sa mạc. Lừa có đôi tai lớn, có thể nghe được những âm thanh ở xa hơn và có thể giúp làm mát máu của lừa. Lừa có thể tự vệ bằng cách cắn, đánh

bằng móng trước hoặc đá bằng chân sau. Tiếng kêu của chúng, được gọi là tiếng rống, "hee haw".

Móng lừa dài hơn móng ngựa và không bị mòn nhanh như vậy. Có thể cần phải cắt tỉa thường xuyên; việc bỏ bê có thể dẫn đến tổn thương vĩnh viễn. Lừa làm việc có thể cần phải đóng móng. Móng lừa tương tự như móng ngựa, nhưng thường nhỏ hơn và không có kẹp ngón chân.

Lừa có tiếng là bướng bỉnh, nhưng điều này được cho là do bản năng tự bảo vệ mạnh mẽ hơn nhiều so với ngựa. Việc ép buộc hoặc dọa nạt một con lừa làm điều gì đó mà nó cho là nguy hiểm vì bất kỳ lý do gì sẽ khó khăn hơn nhiều. Một khi đã giành được sự tin tưởng của chúng, chúng có thể trở thành những đối tác sẵn lòng và dễ mến, đồng thời rất đáng tin cậy trong công việc. Mặc dù các nghiên cứu chính thức về hành vi và nhận thức của chúng còn khá hạn chế, nhưng lừa có vẻ khá thông minh, thận trọng, thân thiện, hiếu động và ham học hỏi.

Một con lừa cái thường mang thai khoảng 12 tháng, mặc dù thời gian mang thai thay đổi từ 11 đến 14 tháng, và thường sinh một con.



Lừa có thể lai giống với các thành viên khác trong họ Equidae và thường được lai giống với ngựa. Con lai giữa lừa đực và ngựa cái gọi là **la** (E: mule), được đánh giá cao như một loài vật dùng để làm việc và cưỡi ở nhiều quốc gia.

Con la thường có hình dáng giống lừa nhiều hơn với tai dài, chân nhỏ và móng hẹp. Tuy nhiên, kích thước và cơ bắp của chúng lại thừa hưởng từ ngựa, giúp chúng khỏe mạnh hơn. Chúng được người nông dân ưa chuộng để chở hàng hoặc cày ruộng vì có khả năng chịu nhiệt tốt hơn và bền bỉ hơn ngựa. La nổi tiếng là loài vật thông minh nhưng đôi khi rất "bướng bỉnh". Hầu như tất cả con la đều không có khả năng sinh sản (bị vô sinh) do sự khác biệt về số lượng nhiễm sắc thể giữa lừa (62) và ngựa (64). Vì vậy, câu trả lời cho câu đố vui "Con của con la gọi là gì?" thường là "không có", vì chúng không thể đẻ con.

Giống con lai giữa các loài khác:

- Zonkey, zebroid, zebrass hoặc zedonk là con lai giữa ngựa vằn đực với lừa cái.
- Zebra hinny, zebret và zebrinny đều đề cập đến sự lai tạo giữa ngựa vằn cái với lừa đực.



Lừa chở củi tại làng Bulla Hagar ở miền bắc Kenya, ngày 19 tháng 8 năm 2022.



Những con lừa thồ hàng trong Vườn quốc gia Tayrona ở miền bắc Colombia

Ở các nước phát triển, nơi việc sử dụng lừa làm vật kéo đã biến mất, lừa được dùng để sinh ra la, để canh giữ cừu, để trẻ em hoặc khách du lịch cưỡi và làm thú cưng. Lừa có thể được chần thả hoặc nhốt trong chuồng cùng với ngựa và ngựa con, và được cho là có tác dụng làm dịu những con ngựa dễ bị kích động. Nếu một con lừa được đưa vào chuồng với ngựa mẹ và ngựa con, ngựa con có thể tìm đến con lừa để được hỗ trợ sau khi cai sữa mẹ.

Một số con lừa được vắt sữa hoặc nuôi để lấy thịt. Khoảng 3,5 triệu con lừa và la bị giết thịt mỗi năm trên toàn thế giới. Ở Ý, nơi có mức tiêu thụ thịt ngựa cao nhất ở châu Âu và nơi thịt lừa là thành phần chính của một số món ăn vùng miền, khoảng 1.000 con lừa đã bị giết thịt vào năm 2010. Sữa lừa có thể có giá tốt: giá trung bình ở Ý năm 2009 là 15 euro mỗi lít, nó được sử dụng cho xà phòng và mỹ phẩm cũng như mục đích ăn kiêng. Trong quá khứ, da lừa được sử dụng trong sản xuất giấy da. Năm 2017, tổ chức từ thiện The Donkey Sanctuary có trụ sở tại Anh ước tính rằng 1,8 triệu tấm da được giao dịch mỗi năm, nhưng nhu cầu có thể lên tới 10 triệu.

Ở Trung Quốc, thịt lừa được coi là một món ăn ngon, một số nhà hàng chuyên về các món ăn này, và nhà hàng Guo Li Zhuang còn cung cấp bộ phận sinh dục của lừa trong các món ăn. Gelatin da lừa được sản xuất bằng cách ngâm và hầm da để tạo ra một sản phẩm y học cổ truyền Trung Quốc. Ejiao, loại gelatin được sản xuất bằng cách luộc da lừa, có thể bán với giá lên tới 388 đô la Mỹ mỗi kg, theo giá tháng 10 năm 2017.

VIDEO

- [Donkeys: Smarter Than You Think](#)
- [15 Rare Mini Donkey Breeds That Will Melt Your Heart](#)
- [This is Why Farmers Sell Their Weapons and Buy Donkeys](#)

4.4. Hà mã



Hà mã và Ngựa nghe tên thì tưởng "họ hàng" (vì theo chữ Hán Việt, chữ "mã" là ngựa), và "Hà mã" có nghĩa là "ngựa sông" được gọi trong tiếng Hy Lạp cổ đại, nhưng về mặt di truyền, chúng gần gũi với cá voi, cá heo hơn là ngựa! Chúng có rất nhiều điểm khác biệt thú vị. Dưới đây là bảng so sánh nhanh cho bạn:

1) Giống nhau: Hà mã và Ngựa đều là động vật có vú (Mammals) đẻ con và nuôi con bằng sữa mẹ, là động vật ăn cỏ. Cả hai đều thuộc nhóm những loài động vật trên cạn có hình thể to lớn và sức mạnh đáng nể.

2) Khác nhau:

Đặc điểm	Hà mã (Hippopotamus)	Ngựa (Horse)
Họ hàng gần nhất	Cá voi và cá heo	Tê giác và heo rừng
Môi trường sống	Bán thủy sinh (sống dưới nước và trên cạn)	Hoàn toàn trên cạn (đồng cỏ, thảo nguyên)
Cấu tạo chân	Có 4 ngón chân (thuộc bộ Guốc chẵn)	Chỉ có 1 ngón/móng duy nhất (thuộc bộ Guốc lẻ)
Tốc độ	Chạy nhanh trên cạn nhưng nhanh nhất là dưới nước	Là vận động viên chạy nước rút xuất sắc trên cạn
Tập tính	Hàm cực khỏe, răng nanh lớn dùng để tự vệ.	Hàm khỏe nhưng không có răng nanh lớn như hà mã.
	Khá hung dữ, có tính lãnh thổ cực cao	Thường hiền lành, dễ thuần hóa và sống theo đàn
Đặc điểm da	Da trần, tiết ra "mồ hôi máu" để chống nắng	Có lớp lông dày bao phủ toàn thân và bờm

VIDEO

- [The Baby Hippo Is Caught! Dozens of Crocodiles Attack at Once!](#)
- [Mother Hippo Fights to Protect Her Calf](#)
- [True Facts: Hippopotamus](#)

4.4. Cá ngựa (E: Seahorse)

Cá ngựa (Hippocampus) còn gọi là Hải mã sống dưới biển và ngựa đất liền (họ Ngựa Equidae) sống trên cạn hoàn toàn không có họ hàng trực tiếp, chúng chỉ có tên gọi giống nhau do cá ngựa có hình dáng đầu giống đầu ngựa.

Cá ngựa thuộc họ Cá chìa vôi (Syngnathidae), có họ hàng gần với cá rồng biển. Do hình dáng bên ngoài cái đầu cong và mõm dài của cá ngựa làm người ta liên tưởng đến đầu ngựa, nên mới có tên "cá ngựa".



4.5. Gấu ngựa (E: Asian black bear)

Mặc dù có tên là "gấu ngựa", nhưng loài vật này không có họ hàng gần với loài ngựa. Chúng được gọi là gấu ngựa (hay gấu đen châu Á) chủ yếu vì dải lông trắng hình chữ V trước ngực trông giống như yên ngựa.

Gấu ngựa thuộc họ Gấu (Ursidae), trong khi ngựa thuộc họ Ngựa (Equidae). Về mặt tiến hóa, gấu gần gũi với loài chó hoặc hải cẩu hơn là ngựa. Gấu ngựa là động vật ăn tạp, leo trèo giỏi và thường sống ở các khu rừng tại châu Á.



5. Cưỡi ngựa (Mã Thuật).

5.1. Lịch sử cưỡi ngựa:

Hoạt động cưỡi ngựa của con người diễn ra từ rất sớm, ngay từ lúc con người thuần hóa ngựa dùng để cưỡi. Ngựa được xem là đã được con người thuần hóa từ vùng đồng bằng mênh mông ở Trung Á. Có những bằng chứng cụ thể chắc chắn rằng con ngựa đã được cưỡi bởi những người thời cổ trong nền văn hoá Botai thời đại đồ đồng,

khoảng 3600-3100 TCN. Bằng chứng sớm nhất cho thấy con ngựa đầu tiên được cưỡi vào khoảng năm 3500 trước Công nguyên, nơi có những bằng chứng từ những chiếc xương sọ ngựa được tìm thấy tại Kazakhstan.

Sau khi được thuần hóa và huấn luyện, ngựa được dùng để cưỡi trong các trận chiến đấu tranh thời đó. Trong những di tích mà người ta tìm thấy được, người Ai Cập cổ đại đã biết cưỡi ngựa ở 2000 năm trước. Tuy nhiên vào thời kỳ đó họ chỉ cưỡi trơn không yên cương và chưa biết cách điều khiển con ngựa. Họ ngồi chằng hắng trên mông ngựa hoặc xệch về phía vùng lưng ngực vì vào thời kỳ đó nhiều giống ngựa chưa đủ mạnh khỏe để có thể ngồi trên lưng. Phải đến khoảng thế kỷ thứ VIII trước công nguyên, sau khi lai nhiều giống ngựa khác nhau, người ta mới có được giống ngựa đủ tốt để cưỡi và đủ linh động để sử dụng cung tên khi di chuyển.



Phục dựng về kỹ sĩ người Huns với tài cưỡi ngựa đã gây khiếp đảm ở châu Âu thời cổ

Người Huns (370–469) là một nhóm người dân du cư hay bán du cư trên lưng ngựa trong một liên minh lỏng lẻo ở khu vực Trung Á, có lẽ ban đầu sinh sống trong khu vực từ ven hồ Issyk Kul (ngày nay thuộc Kyrgyzstan) tới Ulan Bator (thủ đô của Mông Cổ ngày nay). Người Huns có lẽ đã đóng vai trò quan trọng trong lịch sử sau này của cả châu Á lẫn châu Âu.

Tại Châu Âu, nghệ thuật cưỡi ngựa đã phát triển sớm từ thời Hy Lạp Cổ đại và được thế giới biết đến qua quyển thư tịch tối cổ thư "On Horseman" ghi chép về Mã Thuật của nhà văn Xenophon (430–345 TCN) vốn xuất thân từ giai cấp kỵ mã của kinh thành Nhã Điển. Thế vận hội thời Hy Lạp cũng đã có môn đua xe ngựa. Đến thời kỳ Phục Hưng (Renaissance), tại Ý đã xuất hiện trào lưu xem lại những nhận định của Xenophon về Mã thuật (Equestrianism) và từ đó bắt nguồn cho nền nghệ thuật cưỡi ngựa cận đại Châu Âu. Như vậy, cưỡi ngựa, với tính cách là một bộ môn thể quý tộc xuất phát từ Châu Âu, đã tồn tại qua hàng thế kỷ trước.

Vào thế kỷ thứ 18, một người Pháp tên Francois Robichon de la Guerinière (1688 -1751) được xem là người khởi đầu của nghệ thuật cưỡi ngựa cận đại vì ông này chuyên nghiên cứu những phương pháp huấn luyện nghệ thuật cưỡi ngựa và có tiếng trong sự nghiệp sưu tập, biên khảo những tài liệu về Mã Thuật. Sau đó, đến thế kỷ thứ XIX thì một Mã thuật gia người Đức là Gustav Steinbrecht đã có công sáng chế những tư thế và động tác cơ bản cho nền nghệ thuật cưỡi ngựa hiện đại ở nước Đức, những phương pháp huấn luyện của ông Steinbrecht về các động tác lên yên, cưỡi ngựa, điều khiển ngựa cũng chính là nền tảng của môn "Cưỡi Ngựa Nghệ Thuật" hiện nay.

Qua quá trình vận động và phát triển môn cưỡi ngựa nghệ thuật ở châu Âu đã lan tỏa ra toàn thế giới, kéo theo sự xuất hiện của nhiều Hiệp hội về đua ngựa và cưỡi ngựa nghệ thuật. Ngày nay, tổ chức vận hành các giải đấu Vô Địch Mã Thuật Phong cách Anh trên Thế Giới là Liên Đoàn Mã Thuật Quốc Tế (Fédération Equestre Internationale viết tắt là FEI), đặt trụ sở tại thành phố Lausanne ở Thụy Sĩ. FEI được các Hiệp Hội Mã Thuật của 8 quốc gia gồm Bỉ, Đan Mạch, Pháp, Ý, Na Uy, Thụy Điển, Nhật Bản và Hoa Kỳ và được thành lập từ năm 1921. Hiện nay, FEI có 314 thành viên bao gồm các Hiệp Hội Mã Thuật của các quốc gia và khu vực.

Ngay cả hệ thống giải của Liên Đoàn Mã Thuật Quốc Tế-FEI cũng đã nói lên rằng đó là một trò chơi sang trọng, đẳng cấp hơn là một môn thể thao thực thụ. Không có giải vô địch thế giới, nhưng có Cúp cưới ngựa nghệ thuật. Ngoài các cuộc thi tại Olympic, Liên quan FEI còn tổ chức riêng một đại hội là Olympic Cưỡi ngựa (Mã tài vận), cũng 4 năm tổ chức một lần. Trong khi đó, các giải đấu quốc tế của Mã Thuật Phong cách Miền Tây phần lớn đều do Liên Đoàn Mã Thuật Hoa Kỳ (United States Equestrian Federation—viết tắt là USEF) và Hiệp Hội Ngựa Quarter Mỹ (American Quarter Horse Association—viết tắt là AQHA) tổ chức và chủ yếu diễn ra trong phạm vi toàn quốc của Mỹ nhưng cũng có nhiều thành phần mở rộng.

Ngựa cũng được sử dụng cho mục đích trị liệu tâm lý, cả trong cuộc thi đua ngựa chuyên nghiệp cũng như cưỡi ngựa không cạnh tranh để cải thiện sức khỏe con người. Ngựa cũng được điều khiển trong thi đua xe ngựa, tại các triển lãm ngựa và trong các loại triển lãm khác như tái hiện lịch sử hoặc nghi lễ. Ở một số nơi trên thế giới, chúng vẫn được sử dụng cho các mục đích thực tế như cày cấy, thồ, chở, chăn thả gia súc. Ngựa tiếp tục được sử dụng trong dịch vụ công cộng: trong các nghi lễ truyền thống (diễu hành, đám tang), cảnh sát cưỡi ngựa và bộ đội biên phòng và để tìm kiếm, cứu hộ cứu nạn.

5.2. Cưỡi ngựa thể thao:

Môn cưỡi ngựa là một trong những môn thể thao quý tộc có xuất xứ từ các nước châu Âu. Môn thể thao này đã có từ thời xa xưa cho đến nay vẫn được duy trì và phát triển mạnh. Đặc biệt trong thời gian gần đây nó bắt đầu du nhập vào Việt Nam, Trung Quốc và tạo nên sức hút mạnh mẽ, thể hiện đẳng cấp sang trọng, quý phái, mạnh mẽ, còn ở Hàn Quốc cưỡi ngựa đang được nhiều người ưa thích. Tuy nhiên cưỡi ngựa được xem là môn thể thao quý tộc không dành cho mọi người do chi phí khá tốn kém. Hiện nay, bộ môn cưỡi ngựa có một số dạng chủ yếu:

- **Ngựa đi bộ** (E: to walk), **5–8 km/h (3.1–5.0 mph)**
- **Ngựa chạy nước kiệu** (E: to trot), **8–13 km/h (5,0–8,1 mph)**
- **Ngựa phi nước nhỏ** (E: to canter), **16–27 km/h (9,9–16,8 mph)**

- **Ngựa phi nước đại** (E: to gallop), **40–48 km/h (25–30 mph)**,
Kỷ lục: 70,76 km/h (43,97 mph)

[Xin xem [Horse – Wikipedia](#)]

Ngày nay có nhiều môn thể thao như Dressage (trình diễn), Nhảy cao và Eventing (mã thuật tổng hợp) có nguồn gốc từ trong chương trình huấn luyện quân sự, được tập trung vào việc phải kiểm soát và cân bằng giữa người cưỡi ngựa và con ngựa.

1) Môn nhảy ngựa (người cưỡi ngựa ngồi trên lưng ngựa giữ không bị rơi xuống khi ngựa tung nhảy) rất phổ thông ở Mexico, Tây Ban Nha hay Hoa Kỳ, Nam Mỹ, Canada và Úc hay thể thao theo phong cách săn bắn.

2) Môn cưỡi ngựa du lịch: Cưỡi ngựa còn được xem là một loại hình du lịch, ngựa thường được du khách chụp hình hoặc thử một lần ngồi trên lưng ngựa. Cưỡi ngựa cho loại hình du lịch này có 2 dạng là cưỡi ngựa tản bộ (E: trail riding) hay cưỡi ngựa dã ngoại (E: riding outdoors) với đặc trưng là cưỡi ngựa đồi dốc hay và loại hình ngồi ngựa xe với số lượng người đông. Những con ngựa này được thuần hoá, được trang bị một bộ khớp (tức yên) tương xứng với cái mã của nó để làm người mẫu cho du khách đứng gần hoặc cưỡi tại các điểm tham quan du lịch.

3) Môn cưỡi ngựa nước kiệu (E: trotter) hay cưỡi ngựa chạy: Cưỡi ngựa chạy một cách nhịp nhàng và êm, chủ yếu làm dáng. Nước kiệu là dáng đi theo đường chéo hai nhịp của ngựa trong đó các cặp chân chéo di chuyển về phía trước cùng một lúc với một thời điểm tạm dừng giữa mỗi nhịp. Nó có sự thay đổi rộng rãi về tốc độ có thể, nhưng trung bình khoảng 13 km một giờ (8,1 dặm/giờ). Theo Graemont, giá một con ngựa đẳng cấp thể giới môn cưỡi ngựa này dao động từ 125.000 cho tới 250.000 USD. Nhiều giống ngựa được lai tạo phục vụ cho nhu cầu này với dáng đẹp, chạy êm.

4) Môn đua ngựa: Đây là trò chơi thi đấu tốc độ giữa các con ngựa, đua ngựa được xem là có lịch sử hình thành và phát triển từ lâu đời, trò đua ngựa nó đem lại sự thích thú, sáng khoái và tiền bạc cho người các độ do đó ngựa có sức ảnh hưởng kinh tế lớn.

Đua ngựa có một lịch sử lâu đời và phát triển từ thời cổ đại. Nó đã được tổ chức trong nhiều nền văn minh khác nhau trên thế giới. Kể từ thời Hy Lạp cổ, La Mã cổ, Babilon, Syria, Ả Rập Tiền Hồi và Ai Cập cổ, đua ngựa đã tồn tại và gắn liền với cuộc sống của con người. Đua ngựa cũng có vai trò quan trọng trong các truyền thuyết và huyền thoại, như cuộc tranh đấu giữa những con ngựa của thần Odin và người khổng lồ Hrungrnir trong Thần thoại Bắc Âu.

Trong quá khứ, đua xe ngựa đã trở thành một trong những môn thể thao phổ biến nhất ở Hy Lạp cổ, La Mã cổ và Byzantine. Từ thời kỳ Olympic Hy Lạp cổ đại, cả cuộc đua xe ngựa và đua ngựa cưỡi đã trở thành một phần không thể thiếu của các sự kiện thể thao lớn.

6. Nuôi dưỡng ngựa.

Nuôi ngựa hay còn gọi chính xác là chăm sóc ngựa là việc thực hành nuôi dưỡng, chăm sóc những con ngựa để cho chúng sức khỏe tốt nhất và cuộc sống lâu dài. Ngựa được nuôi nhiều vì chúng có rất nhiều tác dụng đối với đời sống con người



Một con ngựa đang ăn cám tổng hợp

Nhìn chung, việc nuôi ngựa và chăm sóc ngựa là một kỳ công, đặc biệt là người nuôi (nài ngựa) phải có kinh nghiệm và sự am hiểu về tâm sinh lý của con vật. Ngựa là loài rất dễ nuôi, bởi chúng thích ăn tạp hầu như tất cả các củ, quả, rau, cỏ, thóc, ngô, cám gạo, mặc dù vậy ngựa thường rất nhạy cảm với những thức ăn không hợp vệ sinh, chỉ cần ăn hay uống phải nước bẩn thì ngựa dễ bị đau bụng dẫn đến ốm chết.

Nuôi ngựa không khó mà cũng không dễ, người nuôi phải chăm ngựa như nuôi con. Ngựa ở sạch hơn cả con người, chỉ cần nó toát mồ hôi nhiều và ngửi thấy mùi mồ hôi của mình, con ngựa lập tức tỏ vẻ khó chịu và mệt mỏi, rồi dờ dưng. Ngựa cũng ốm đau, bệnh tật, ăn ở, tắm rửa kỹ lưỡng hơn cả con người.

Ngựa được chăn nuôi rộng khắp ở các vùng địa lý, kinh tế với tập quán hướng sử dụng khác nhau đã tạo nên những phương thức chăn nuôi khác nhau. Một số phương thức chăn nuôi ngựa hiện nay

6.1. Phương thức chăn nuôi bầy đàn: Ngựa được chăn nuôi với số lượng vừa phải trong các hộ gia đình hay trong các nông trang trại với mục đích kết hợp làm việc và sinh sản. Phương thức này đã tồn tại từ lâu đời đối với những dân du mục ở các vùng thảo nguyên hoặc những vùng chăn nuôi chưa phát triển. Với phương thức này ngựa đực và ngựa cái được nuôi chung đàn, phối giống tự do, ít có sự tác động của con người.

Ở Việt Nam phương thức này đã tồn tại ở một số địa phương: Bắc Kạn, Lào Cai, Cao Bằng, Hà Giang Ngựa được quản lý trong hộ gia đình trong vụ trồng trọt từ tháng 11 năm trước đến tháng 4 năm sau. Những ngày thả rông cũng là mùa sinh sản, ngựa đực và ngựa cái phối giống tự do. Phương thức chăn nuôi này cho năng suất rất thấp, dẫn đến khả năng sinh trưởng kém.

6.2. Phương thức chăn nuôi bán chăn thả: Phương thức này được áp dụng ở những hộ chăn nuôi có định hướng, có mục đích. Người chăn nuôi có chọn giống, có tác động khoa học kỹ thuật và tuyển ngựa theo mục đích riêng. Phương thức này có hai hình thức chăn nuôi đó là:

1) Chăn nuôi ngựa theo cá thể: Phương thức chăn nuôi này đã có tổ chức phối giống, có sự theo dõi chặt chẽ ngựa đực và ngựa cái, có áp dụng kỹ thuật phối giống và theo dõi đánh giá khả năng sinh sản của ngựa. Sử dụng phương thức chăn nuôi này nếu người chăn nuôi không được trang bị đầy đủ về kỹ thuật sinh sản của ngựa thì tỷ lệ thụ thai thấp.

2) Chăn nuôi ngựa theo nhóm: Phương thức chăn nuôi này có thể áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật nhất định trong việc chọn giống và nâng cao năng suất sinh sản. Ngoài niềm đam mê, người nuôi ngựa phải biết chặt lọc kinh nghiệm, tích lũy kiến thức khoa học cần thiết.



Một con ngựa trắng đang ăn cỏ

Một thống kê từ năm 2000 đến nay, số lượng ngựa ở Việt Nam đã giảm nhanh chóng, từ 126.500 con hiện chỉ còn 88.100 con do giao thông miền núi đã được cải thiện nhưng cái chính là do phong trào nấu cao, xẻ thịt. Chỉ riêng ở huyện Phú Bình-Thái Nguyên, mỗi tuần đều có 200 con ngựa được chuyển từ trên miền núi về để thịt hoặc nấu cao. Tuy nhiên khoảng 3-4 năm gần đây, phong trào nuôi ngựa lại mạnh trở lại do nhu cầu sử dụng ngựa làm du lịch, cưỡi, làm cảnh

diễn ra khá mạnh ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Huế, Lào Cai, Hà Giang. Trại Bá Vân là lò sản xuất ngựa đua đầu tiên. Hiện nay đã có thêm một số trung tâm nuôi ngựa như ở Nha Trang (Khánh Hòa), Đức Hòa (Long An) hoặc Củ Chi.

6.3. Sinh sản và tuổi đời.

Ngựa cái mang thai kéo dài khoảng 335-340 ngày. Ngựa thường sinh một. Ngựa con có khả năng đứng và chạy một thời gian ngắn sau sinh. Ngựa bốn tuổi được coi là ngựa trưởng thành, mặc dù chúng tiếp tục phát triển bình thường cho đến khi sáu tuổi, thời gian hoàn thành sự phát triển của ngựa cũng phụ thuộc vào kích cỡ của ngựa, giống, giới tính và chất lượng chăm sóc.



Tùy thuộc vào giống, sự quản lý và môi trường, thức ăn, nước uống v.v ngày nay ngựa có tuổi thọ khoảng 25 đến 30 năm. Con ngựa sống thọ nhất có thể kiểm chứng là "Old Billy", một con ngựa sống trong thế kỷ 19 với tuổi thọ là 62 năm. Hiện nay, Sugar Puff, con ngựa được liệt kê trong Sách Kỷ lục Guinness như là con ngựa pony già nhất còn sống trên thế giới, đã chết ngày 25 tháng 5 năm 2007 ở độ tuổi 56.

VIDEO

- [Arabian horse giving birth compilation](#)

7. Ngựa và Y học.

6.1. Toàn thân ngựa đều là thuốc quý.

So với bò, trâu, lợn... ngựa là loài cho thịt có lượng đạm, chất sắt và vitamin cao nhất. Theo Đông y, thịt ngựa, xương ngựa, sữa ngựa, răng ngựa, phân ngựa, sỏi trong dạ dày hay túi mật ngựa, gan, phổi và máu ngựa đều là những vị thuốc quý.

1) Mã nhục (thịt ngựa) có vị ngọt đắng, tính nóng; có tác dụng lớn gân, mạnh xương. 100g thịt ngựa cung cấp 21,5g chất đạm, 10g chất béo. Thịt ngựa chứa 21% protid, 5-7 % lipid... các muối khoáng, vitamin A, E, B, PP, C...

Thịt ngựa chữa gân xương yếu, chứng xương cốt yếu liệt, tê bại và nhiệt khí, tiêu hóa kém, chốc lở và rụng tóc. Ăn thịt ngựa, trẻ em cứng cáp, nhanh nhẹn; thanh niên vạm vỡ cường tráng; người già không bị đau nhức xương và sống lâu. Không dùng thịt ngựa cho người bị hạ ly; không nấu thịt ngựa với ké đầu ngựa (thương nhĩ tử), hoặc với gừng.

2) Mã nhũ (sữa ngựa) có vị ngọt, tính bình, có tác dụng bổ huyết, nhuận táo, thanh nhiệt, chỉ khát; chữa huyết hư, phiền nhiệt, cốt chưng, chỉ khát.

So sánh với sữa bò, sữa ngựa chứa ít chất béo hơn và ít chất đạm hơn, nhưng lactose cao hơn (bò 4.8%). Sữa ngựa gần như sữa người và được xem là loại tốt nhất để thay cho sữa người. Sữa ngựa, tùy theo cách dùng mà có công dụng trị bệnh khác nhau, cụ thể:

- Sữa ngựa tươi thêm ít đường, đun sôi: Là thuốc bổ sinh huyết, để tiêu, chữa ho... dùng cho người bị lao phổi hoặc mắc bệnh mạn tính.

- Sữa ngựa chua: Là nước giải khát tăng lực, giúp ăn ngon, tiêu hóa tốt, góp phần làm hưng phấn thần kinh khi mệt mỏi, chữa các bệnh về hô hấp, tiêu hóa, sinh dục và nhiều loại bệnh ngoài da.

- Rượu sữa ngựa có nồng độ cồn thấp, dùng để bồi dưỡng, làm giảm béo, chữa thiếu máu và phục hồi sức khỏe với người bị lao phổi.

3) Mã cốt (xương ngựa) có vị ngọt, bổ dưỡng, ích khí, mạnh gân xương; thường dùng dưới dạng cao. Không dùng rượu cao ngựa cho trẻ em; khi dùng kiêng các chất tanh của tôm, cua, cá, chất cay, nước chè đặc, đậu xanh, rau muống.

4) Bạch mã âm kinh (dương vật ngựa) có vị ngọt mặn, tính ôn; tác dụng bổ thận ích khí. Dùng cho người suy nhược gầy gò, ốm yếu, liệt dương, tinh suy. Không dùng cho người âm hư hỏa vượng.

5) Mã bảo (sỏi trong dạ dày hay túi mật ngựa) có vị mặn, tính lạnh; có tác dụng trấn kinh hóa đờm, thanh nhiệt giải độc. Trị các chứng kinh giản điên cuồng, đàm nhiệt nội thịnh, thần trí hôn mê, nôn ra máu, chảy máu cam, mất ngủ do thần kinh, ho do co thắt.

6.2. Cao xương ngựa.

Theo sách y học cổ truyền “Nam dược thần hiệu” của danh y Tuệ Tĩnh, xương ngựa nấu thành cao dùng để chữa thể suy nhược ở người vừa mới ốm dậy và phụ nữ sau khi sinh, đau nhức gân xương, kinh nguyệt không đều rất hiệu quả.

Sở dĩ cao xương ngựa có các tác dụng trên là do xương ngựa rất giàu calcium, là nguồn bổ sung chất vô cơ cho cơ thể; chất keratin cùng với gelatin khi thủy phân cho nhiều acid amin cần thiết giúp duy trì và phát triển tế bào. Do đó, dược liệu được dùng chữa cơ thể suy nhược ở người mới ốm dậy, người cao tuổi, phụ nữ sau khi sinh, trẻ em còi xương, xanh xao, biếng ăn.

Bột bã xương ngựa cũng là thuốc bổ, mạnh gân xương và chữa được bệnh đau dạ dày thừa vị toan và tiêu chảy. Khi dùng, kiêng các chất tanh như tôm, cua, cá; chất cay (tỏi, ớt, hạt tiêu); nước chè đặc, đậu xanh, rau muống, măng.

1) Dinh dưỡng trong cao xương ngựa.

Với cao ngựa bạch nguyên chất, khi phân tích thành phần (100g) sẽ cho kết quả hàm lượng như sau:

Hàm lượng Protein > 75%

Hàm lượng Lipid: 2,6 – 7%

Hàm lượng Canxi: 192 – 1519mg

Hàm lượng Photpho: 29 – 420mg

Và 20 loại amino axit mà cơ thể không thể tự tổng hợp được.

2) Tác dụng của cao ngựa.

Trong đông y cao ngựa bạch là vị thuốc nổi tiếng đã được kết hợp Y học Cổ truyền với nhiều công dụng tốt cho sức khỏe như:

1. Hỗ trợ tiêu hóa – tăng cường khả năng hấp thu chất dinh dưỡng cho cơ thể.

- Với những người lao động nặng nhọc, người cao tuổi gầy yếu, suy kiệt sức khỏe, dùng cao ngựa sẽ ăn ngon miệng, dễ ngủ và ngủ say, dễ tiêu hóa, khắc phục được bệnh táo bón. Bồi bổ cơ thể, tốt cho người bị suy nhược, người mới ốm dậy.

- Bị bệnh viêm tá tràng kinh niên, ăn uống kém, dễ bị đi lỏng, đi kiết... dùng cao ngựa sẽ khỏi bệnh.

- Đối với trẻ em từ một tuổi trở lên nếu gầy gò do bị suy dinh dưỡng, biếng ăn, da tái, xanh xao, còi xương, cao ngựa sẽ giúp trẻ ăn khỏe, lên cân nhanh, da dẻ hồng hào.

2. Tăng cường sức khỏe xương khớp, chống loãng xương.

3. Tăng cường chức năng sinh lý.

4. Cải thiện giấc ngủ.

3) Cách sử dụng cao ngựa.

Sử dụng cao ngựa bạch thể nào cho đúng phù hợp với mọi người là vấn đề được quan tâm. Để đạt hiệu quả cao nhất khi dùng cao, bạn cần tuân thủ theo các chỉ dẫn sử dụng như sau:

Liều lượng

Dành cho người lớn: 5 – 10g chia 1 – 2 lần.

Dành cho trẻ nhỏ: 5g, ngày dùng 1 lần.

Cách dùng

Dạng dùng thông thường là thái cao thành miếng ăn trực tiếp hoặc trộn với cháo nóng mà ăn. Có thể trộn cao với mật ong (1 thìa) hấp cách thủy hoặc ngâm cao (100g) trong một lít rượu 40 độ để càng lâu càng tốt, mỗi ngày uống 2 lần, mỗi lần một chén nhỏ. Không dùng rượu cao ngựa cho trẻ em.

Có 3 cách cơ bản để sử dụng loại cao này, tùy mức độ phù hợp, bạn có thể chọn cho mình cách dùng tối ưu nhất:

- Cách thứ nhất : Cắt nhỏ vừa miệng dùng ăn (ngậm) trực tiếp hoặc có thể trộn với cháo nóng.

- Cách 2: Cắt nhỏ cao lấy 1 lượng vừa đủ cùng 1 thìa cà phê mật ong, chút nước lọc, mang đem hấp cách thủy từ 10 – 15 phút.

- Cách 3: Thái lát mỏng 100g cao đem ngâm với nửa lít rượu trắng. Dành ngày uống 2 lần. Mỗi lần 1 chén nhỏ.

Những lưu ý khi sử dụng cao xương ngựa.

Trong quá trình sử dụng, bạn cần lưu ý một số vấn đề như:

- Sử dụng liên tục trong thời gian 2-3 tháng để cao phát huy hiệu quả tốt nhất.
- Không nên dùng cho trẻ em dưới 6 tháng tuổi.
- Khi dùng cao, nên hạn chế đồ ăn tanh, tôm, cua, hải sản,...
- Phụ nữ và trẻ em không dùng cao ngâm rượu.
- Không dùng trong trường hợp mắc các bệnh cấp tính ngoài da, hay **bệnh xương khớp** do đạm cao như bệnh dờ leo, **bệnh gút**.

4) Chỉ định sử dụng cao ngựa.

- Trẻ em: Giai đoạn trẻ từ 6 – 18 tuổi là thời kỳ trẻ phát triển thể chất mạnh mẽ. Nên rất cần bổ sung đầy đủ dinh dưỡng và các acid amin cần thiết. Cao ngựa bạch là loại thực phẩm bổ sung chất dinh dưỡng, canxi tiện lợi và hiệu quả cho trẻ.

- Phụ nữ mang thai và sau sinh: Trong quá trình mang thai cơ thể người phụ nữ có sự chuyển biến sinh lý rất lớn. Vì thế việc bổ sung nguồn protein và acid amin từ cao xương ngựa bạch sẽ giúp cho sự phát triển của cả mẹ và bé từ lúc mang thai cho đến lúc chào đời. Phụ nữ đang cho con bú cần có lượng dinh dưỡng tốt để cung cấp cho bé. Ăn cao ngựa giúp tăng chất sữa mà không gây béo.

- Người già: Cao ngựa hỗ trợ rất tốt cho các bệnh thoái hoá xương khớp, các bệnh lý xương khớp.

- Người làm việc nặng nhọc : Làm việc với cường độ cao, yêu cầu có sức bền và sự dẻo dai cần có khẩu phần dinh dưỡng thích hợp.

- Các vận động viên trong thời gian tập luyện: Chế độ dinh dưỡng trong thời gian luyện tập của các vận động viên được luôn rất được quan tâm và xem xét cẩn thận để đảm bảo họ có đủ sức khỏe cho các kỳ thi đấu sắp diễn ra. Rất nhiều vận động viên đã lựa chọn cao ngựa bạch Ngô Gia để bổ sung nguồn protein và acid amin cần thiết trong quá trình luyện tập.

- Người bệnh sau ốm hoặc phẫu thuật: Cao xương ngựa có khả năng hỗ trợ người bệnh phục hồi sau ốm hoặc phẫu thuật cực kì hiệu quả út ngắn. Những người suy dinh dưỡng, yếu sinh lý, loãng xương và thiếu hụt canxi, ung thư đều có thể sử dụng để hỗ trợ điều trị.

- Người mập muốn giảm cân: Người mập đang trong chế độ giảm cân có thể sử dụng cao ngựa bạch để bổ sung protein kết hợp với giảm chất béo và bột đường sẽ nhanh chóng đạt được số cân lý tưởng.



Thuốc mạnh gân xương: Cao xương ngựa

5) Cách nấu cao xương ngựa.

Cao ngựa được nấu từ bộ xương sau khi đã luộc, lọc hết thịt, mỡ, tủy, não, phơi thật khô. Cao xương ngựa được chế biến như sau:

- Lấy xương ngựa đun sôi với nước trong 30 phút, rồi róc hết thịt, gân và mỡ còn dính ở xương, rửa thật sạch. Phơi xương cho trắng và hết tanh trong nắng to hoặc sấy ở nhiệt độ 50-60 độ C cho khô.

- Đập vỡ xương và nạo sạch tủy, rồi ngâm với nước gừng (5 lít rượu 40 độ và 1kg gừng tươi cho 50kg xương) trong 1-2 giờ. Cho xương vào thùng nhôm, nấu với nước liên tục trong 24 giờ (luôn giữ nước ngập xương).

- Lấy nước chiết lần thứ nhất lọc, cô riêng. Tiếp tục nấu để được hai nước chiết nữa. Dồn các nước chiết lại, cô nhỏ lửa và đánh đều đến khi được cao đặc. Đổ cao vào khay đã bôi dầu lạc hoặc mỡ lợn.

- Để nguội, cắt thành bánh, gói giấy nylon, để ở nơi khô và mát. Thông thường từ một bộ xương ngựa có thể nấu được 5-6kg cao đặc.

Có thể tận dụng xương ngựa đã nấu cao để bào chế thành bột xương theo cách làm sau: Bã xương đem rửa sạch, phơi khô, nung ở lò than đang cháy đỏ trong 15 phút. Xương nung xong trở nên nhẹ, xốp, trắng muốt như thạch cao, dễ vỡ. Cho xương đã nung vào máy xay hoặc cối giã rồi rây thành bột mịn. Đổ bột này vào nước sạch với tỷ lệ 1kg bột xương với 3 lít nước. Đun sôi trong một giờ. Để nguội, gạn lấy bột đem phơi hoặc sấy khô. Rây lại cho bột thật mịn. Đóng gói kín, tránh ẩm.

6.3. Côn trùng mang tên ngựa.

Họ: Bộ ngựa Mantidae

Bộ: Bộ ngựa Mantoptera

Nhóm: Côn trùng

1) Bộ ngựa.



(E: European mantis)

Bọ ngựa là loài côn trùng cỡ lớn dài (con cái 48 - 76 mm; con đực 40 - 61 mm), có hai cánh trước và hai cánh sau phát triển rộng. Đôi chân trước có dạng lưỡi kiếm, bờ trong có răng, dùng để bắt mồi và chiến đấu với kẻ thù. Màu sắc thay đổi theo màu của nơi ở (nhất là khi rình mồi), màu thường xuất hiện xanh lá cây, màu cỏ úa hoặc vàng, nâu. Bọ ngựa là loài phân bố rộng ở cả vùng ôn đới và nhiệt đới thuộc các châu lục: châu Âu, châu Á, châu Phi, thậm chí cả ở Bắc Mỹ và Australia.

Thức ăn là các loại côn trùng khác nhau. Thậm chí Bọ ngựa còn ăn thịt lẫn nhau, đặc biệt là con cái có thể ăn thịt con đực ngay trong thời gian giao phối hoặc sau khi đó. Thời gian đẻ trứng từ đầu hè tới cuối thu. Một lần đẻ khoảng 100 - 300 trứng sắp đều đặn trong tổ trứng. Trứng nở ngay ra con sau một thời gian ngắn (trên dưới 1 tháng).

Bọ ngựa phân bố khắp trên lãnh thổ Việt Nam, đây là loài duy nhất thuộc bộ bọ ngựa Mantodea được đưa vào sách đỏ Việt Nam. Ở Việt Nam trẻ em thường bắt để chơi. Nhiều nước xếp chúng vào loại côn trùng hiếm. Đây là loài côn trùng có lợi nhiều hơn có hại vì chúng tiêu diệt nhiều côn trùng có hại, đặc biệt chúng còn ăn rất nhiều các loài rệp hại cây (Aphididae). Chúng còn làm đẹp cho thiên nhiên. Tuy nhiên đôi khi chúng còn ăn cả ong mật và các loại côn trùng có lợi khác.

2) Bọ ngựa cánh gân.



(E: Mantis-flies)

Trong thế giới nhỏ bé của ao hồ, Mantis-flies (còn gọi là Ochthera) là một kẻ săn mồi đáng gờm. Ấu trùng của chúng là những sát thủ nhỏ bé, chuyên săn các ấu trùng của ruồi muỗi khác. Chúng ẩn nấp trong bùn, chờ đợi con mồi đến gần rồi tấn công bằng những chiếc càng sắc bén. Khi trưởng thành, Mantis-flies vẫn là loài ăn thịt. Chúng bay lượn trên mặt nước, tìm kiếm những con ruồi muỗi để bắt làm thức ăn.

Một trong những loài Mantis-flies nổi tiếng nhất là *Ochthera chalybescens*. Loài này có khả năng săn mồi các vector của bệnh sốt rét châu Phi. Điều này rất có ý nghĩa, bởi vì sốt rét là một bệnh nguy hiểm gây ra bởi ký sinh trùng *Plasmodium*, và muỗi là những vật chủ trung gian. Mantis-flies này xử đẹp lũ muỗi, giảm thiểu được sự lan truyền bệnh.

Một nghiên cứu khoa học gần đây, người ta quan sát loài *Ochthera chalybescens* săn các loài muỗi *Anopheles gambiae* (truyền bệnh sốt rét Châu Phi). Kết quả cho thấy, loài này săn muỗi ở mọi giai đoạn sống, trừ trứng. Nó có thể săn trung bình 10-19 ấu trùng muỗi trong 24 giờ. Kích thước ấu trùng muỗi và độ sâu của nước không ảnh hưởng đến khả năng săn mồi.

6.5. Cây thuốc mang tên ngựa.

Trong các dược liệu cổ truyền, hai khái niệm ngựa và mã thường được sử dụng để chỉ tên nhiều vi thuốc có giá trị, thậm chí là tên của nhiều họ cây thuốc. Xin giới thiệu một số cây thuốc, vi thuốc chính có liên quan đến hai khái niệm này.

1) Mã tiên thảo.



Cây mã tiên thảo.

Mã tiên thảo hay còn gọi là cỏ roi ngựa (*Verbena officinalis* L.), họ cỏ roi ngựa (Verbenaceae), trông hình dáng giống như cái roi ngựa. Vị thuốc là bộ phận trên mặt đất, thu hái lúc cây sắp ra hoa, phơi khô hoặc sấy khô, với liều 6 - 12g dùng trị các bệnh sốt rét, lỵ, ngứa lở hạ bộ, sưng đau tuyến vú, mụn nhọt, bế kinh, khí hư bạch đới.

2) Mã kế.

Cây Mã kế còn mang nhiều tên của loài vật (Hổ kế, Ngưu kế, Miêu kế). Còn có tên đại kế, ô rô cạn. Tên khoa học (*Cirsium japonicus* (DC.) Maxim), họ Cúc (Asteraceae), dùng toàn cây. Vị thuốc có vị ngọt, đắng, tính mát.

- Trị bạch đới: dùng đại kế, bồ hoàng (sao), tông bì (sao cháy), nấu nước nửa thang uống.

- Trị thổ huyết, máu cam, trĩ ra máu, tiểu tiện ra máu, băng huyết, chấn thương chảy máu. Khi dùng để cầm máu thường được sao đen.



- Trị băng huyết và kinh nguyệt quá nhiều: mã kế 20g, bồ hoàng 8g, cả hai vị này đều sao đen, táo 10 quả. Dùng dưới dạng nước sắc, ngày 1 thang. Uống liền 5 - 7 thang.

Mã kế là cây thuốc cả đông lẫn tây y đều chú ý dùng trong chữa ung thư. Ngoài ra, mã kế còn được dùng chữa cao huyết áp. (Xin xem [Cây mã kế chữa ung thư](#))

3) Mã xỉ.



Mã xỉ hiện còn gọi là rau sam (Portulaca oleracea L.), họ Rau sam (Portulacaceae), mọc hoang hoặc được trồng để làm thuốc hoặc làm rau ăn. Có thể dùng tươi hoặc khô để trị lỵ trực khuẩn, giun kim, dưới dạng nước sắc 15 - 20g ngày. Dùng ngoài, trị ngứa lở, nước ăn chân, lấy cây tươi rửa sạch, giã nát, chấm vào chỗ bị bệnh, ngày 1 - 2 lần sau khi đã rửa sạch chỗ bị bệnh và lau khô.

4. Mã đề.

Mã đề còn gọi là Xa tiền thảo (Plantago major L.), họ Mã đề (Plantaginaceae). Hai chữ mã đề là ám chỉ "móng chân của con ngựa".

Mã đề cho nhiều vị thuốc hay, toàn cây có tác dụng lợi tiểu, lợi mật,



chống viêm loét, trừ đờm, chống ho, chống lỵ... Dùng trị bí tiểu, tiểu vàng, đỏ, tiểu ra máu, sỏi đường tiết niệu, viêm gan, mật... Từ mã đề có thể thu được các vị thuốc: bông mã đề, cụm hoa, hạt mã đề (xa tiền tử) có cùng tác dụng: lợi tiểu, lợi mật... Mặt khác, xa tiền tử còn chứa nhiều chất nhầy, có khả năng bao phủ các vết loét, nhất là ở dạ dày, tá tràng. Do vậy, vị thuốc này cũng như tịch chiết của lá tươi của nó được dùng để trị viêm loét dạ dày, tá tràng rất tốt. Các vị thuốc của mã đề có thể dùng dưới dạng nước sắc, ngày 10 - 16g. Trị sỏi tiết niệu, viêm nhiễm đường tiết niệu: mã đề, tỳ giải mỗi vị 20g, kim tiền thảo 40g, trạch tả uất kim, ngư tử mỗi vị 12g, kê nội kim 8g. Sắc uống ngày 1 thang trước bữa ăn 1,5 - 2 giờ.

5) Mã đề nước.



Mã đề nước còn gọi là Trạch tả (*Plantago plantago-aquatica* L. tên đồng danh *Alisma orientale* Sam. Juzep.), họ Trạch tả (*Alismataceae*). Gọi là mã đề nước vì lá của cây trạch tả trông rất giống với lá của cây mã đề, song cây này lại mọc ở dưới ruộng nước.

Y học cổ truyền dùng thân rễ của trạch tả được thu hái vào khoảng tháng 4 - 5 hàng năm để làm thuốc chữa các bệnh phù thũng, viêm thận, viêm bể thận, tiểu tiện khó

khăn, đái ra máu với liều 6 - 9g/ngày, dạng thuốc sắc hoặc thuốc tán. Trị âm hư hỏa vượng, nóng bốc từng cơn, đau đầu hoa mắt, chóng mặt: trạch tả, mẫu đơn bì, bạch phục linh, hoài sơn mỗi vị 6g, sơn thù du 8g, thực địa 16g. Dùng dưới dạng thuốc sắc, ngày 1 thang hoặc thuốc hoàn, ngày uống 2 - 3 lần, mỗi lần 12 - 16g.

6) Trăm Mã Trà.

Trăm Mã Trà còn gọi là Đoạt Mã Trà là một loại trà quý hiếm, huyền bí của Trung Hoa, thu hoạch từ cây trà mọc hoang trên núi Vu Sơn, Tứ Xuyên, được chế biến theo phương pháp độc đáo: ngựa ăn lá trà non, sau đó uống nước suối Ô Long, dịch vị trong bụng ngựa lên men lá trà, rồi moi trà từ dạ dày ngựa ra để sấy khô, tạo nên hương vị đặc trưng không chất, chỉ dành cho vua chúa.

1. Quy trình thu hoạch và chế biến:

- **Cho ngựa ăn:** Những chú ngựa bị bỏ đói vài ngày, sau đó được thả vào rừng trà trên núi Vu Sơn để ăn lá trà non cho no căng bụng.

- **Uống nước suối Ô Long:** Ngựa được lừa đến các khe suối có lá trà rụng nát, nước suối có màu đen (gọi là suối Ô Long) để uống.

- **Lên men tự nhiên:** Lá trà trong bụng ngựa được lên men bởi dịch vị và nước suối, trở nên bột chất, có hương vị đặc biệt.

- **Thu hoạch trà:** Sau một ngày, người ta giết ngựa để moi lấy lá trà đã lên men từ dạ dày.

- **Chế biến:** Lá trà được mang đi sao sấy để hoàn thiện, tạo ra loại trà độc đáo.

2. Đặc điểm và Hương vị.

- **Hương vị:** Không còn vị chát, mang hương vị độc đáo nhờ quá trình lên men trong bụng ngựa.

- **Tính chất:** Vì cách thu hoạch phức tạp, tốn kém, Trăm Mã Trà xưa kia chỉ dành cho tầng lớp hoàng gia, quý tộc thưởng thức.

7) Ké đầu ngựa.



Cây ké đầu ngựa còn gọi là Thương nhĩ, có tên khoa học là *Xanthium strumarium* L., họ Cúc, mọc hoang dại tại nhiều khu vực. Nhiều tài liệu chỉ ra rằng quê hương đầu tiên của ké đầu ngựa là vùng đất châu Mỹ, sau đó nó phát triển tại các khu vực nhiệt đới và cận nhiệt đới như vùng châu Phi, châu Á,... Ké đầu ngựa xuất hiện trên dọc lãnh thổ Việt Nam, nơi thường thấy nhất là bờ ruộng, bờ mương hay bãi đất trống, thậm chí là vùng trung du, vùng núi và đồng bằng Bắc bộ từ Nghệ An trở ra.

Thành phần hóa học của ké đầu ngựa khá đa dạng, bao gồm iot, saponin, alcaïoid, chất béo, vitamin C, chất nhựa, xanthamin, xantheti, cacboxi atratylozit,... Ngoài ra còn có những chất độc hại cho gia súc như cholin, hydroquinon,...

Ké đầu ngựa còn có chứa dầu béo màu vàng nhạt, dạng lỏng, không mùi còn vị thì tương tự như dầu thực vật. Quả của ké đầu ngựa chứa một số chất như sequiterpen lacton (xanthinin, xathanin và xanthumin), iod hữu cơ. Còn phần rễ có nhiều stigmasterol và sitosterol. Toàn cây còn chứa rất nhiều đạm, là một nguồn phân hữu cơ dồi dào.

Về mùi vị loài cây này có vị hơi đắng, ngọt nhạt, tính ấm. Theo tài liệu Đông y cổ, loài cây này nằm trong nhóm các vị thuốc "Tân ôn giải biểu". Hàm ý là loài thảo dược tính ấm, trị được bệnh cảm lạnh và các bệnh xâm nhập vào phần biểu (phần ngoài) của cơ thể.

1. Những công dụng trị bệnh của cây ké đầu ngựa.

- Tác dụng kháng viêm: Hạt ké đầu ngựa có chứa rất nhiều hoạt chất sitosterol-D-glucoside, nó có công dụng loại bỏ các loại vi khuẩn gây viêm nhiễm và ức chế sự tăng sinh, hình thành vi khuẩn. Bên cạnh đó, chiết xuất hạt ké đầu ngựa còn giúp diệt khuẩn, nhất là ở miệng vết thương hở.

- Ổn định lượng đường trong máu: Hoạt chất chứa trong ké đầu ngựa có tác dụng làm chậm sự hấp thu đường vào máu, đồng thời thúc đẩy quá trình sản sinh thêm lượng insulin giúp cân bằng đường huyết.

- Hỗ trợ giảm lo âu, căng thẳng: Hoạt chất xanthumin có trong ké đầu ngựa đã được chứng minh là có công dụng giảm thiểu mệt mỏi, căng thẳng, ức chế hệ thần kinh trung ương giúp người bệnh cảm thấy thư thái, nhẹ nhàng hơn khi sử dụng.

- Hạn chế tình trạng viêm xoang: Một đặc tính khác ít ai biết đến của ké đầu ngựa đó là điều trị hiệu quả tình trạng nghẹt mũi, hắt hơi, chảy nước mũi và những biểu hiện khó chịu khác của bệnh viêm xoang nhờ hoạt chất kháng sinh, ngăn ngừa virus, hạn chế tổn thương và bảo vệ niêm mạc mũi.

- Điều trị lở loét, mụn nhọt trên da: Ké đầu ngựa được coi là vị thảo dược duy nhất có chứa thành phần xanthium, đây là một loại hoạt chất giúp kháng khuẩn và chống viêm mạnh mẽ, thúc đẩy nhanh quá trình làm lành vết thương, điều trị mụn nhọt và lở loét ngoài da.

- Điều trị các bệnh lý về da liễu như mụn, ngứa ngáy, ghẻ, eczema hay vết sâu bọ cắn đều đem lại hiệu quả khả quan với bột nghiền từ hạt và quả ké đầu ngựa phơi khô. Đặc biệt, dầu ép từ quả ké đầu ngựa còn có công năng hỗ trợ điều trị bệnh về bàng quang, herpes hay viêm quầng do liên cầu.

- Phòng bệnh bướu cổ, hỗ trợ hạ nhiệt, ra mồ hôi, điều trị cảm lạnh, thấp khớp, giúp an thần, lợi tiểu.

Đặc biệt bộ phận lá còn được ứng dụng trong điều trị bệnh lao hạch, dự phòng giang mai. Phần rễ dùng để chữa một số loại bệnh ung thư, khi nấu thành cao còn được sử dụng để cải thiện tại chỗ những vết loét, áp xe và mụn nhọt.

2. Những lưu ý cần lưu ý khi sử dụng:

Công dụng đối với cơ địa của từng người là khác nhau, do đó bạn nên kiên trì khi điều trị bằng dược liệu Đông y.

- Ké đầu ngựa được khuyến cáo là không dùng cho trẻ em, phụ nữ có thai và đang cho con bú;

- Khi dùng ké đầu ngựa, người bệnh nên kiêng thịt ngựa và thịt lợn vì đối với những trường hợp mẫn cảm có thể gặp tình trạng nổi quầng trên da.

- Không dùng ké đầu ngựa khi bạn đang bị nhức đầu do khí huyết kém.

8) Môn ngựa.



Môn ngựa (Alocasia Sarian, Họ thực vật: Ráy), nguồn gốc xuất xứ ở Philippin, thân cây mảnh, thon dài với chiều cao có thể lên tới 50-100 cm. Thân được bao phủ bởi các sọc màu đen và trắng xen kẽ, giống như da ngựa vằn, nên còn gọi là cây lá ngựa vằn hoa vàng. Cây mang vẻ đẹp sang trọng, hiện đại và tinh tế thích hợp với mọi không

gian sống và làm việc, từ phòng khách, phòng làm việc đến các quán cà phê hay khách sạn.

Cây môn ngựa cũng như cây ngũ gia bì còn có khả năng thanh lọc không khí, loại bỏ các chất độc hại. Điều này giúp mang lại không gian sống trong lành và tốt cho sức khỏe. Sắc màu tươi mới của những chiếc lá xanh mát giúp cải thiện tinh thần, giảm căng thẳng. Đặt cây môn ngựa ở ban công, góc đọc sách hoặc phòng ngủ sẽ giúp tạo cảm giác thư giãn.

9) Cỏ nhạc ngựa.



Cỏ nhạc ngựa (*Aristolochia debilis* - Cây Nhạc Ngựa) là một loại dây leo thân thảo thuộc họ Mướp (*Aristolochiaceae*), nổi tiếng với hoa hình loa kèn màu nâu tím có mùi hôi đặc trưng, nhốt ruồi nhỏ để thụ phấn (như bị giam trong phòng tối, sau đó được thả ra). Tuy có cái tên giống với gỗ Mahogany (còn gọi là Nhạc ngựa gỗ), nhưng chúng hoàn toàn khác nhau: một bên là dây leo thảo mộc (*Aristolochia*), bên kia là cây gỗ quý.

Hoa cỏ nhạc ngựa có nhụy chín trước, sau đó nhị được chín và phát tán phấn hoa. Hoa có mùi hôi đặc trưng, thu hút ruồi nhỏ (côn trùng). Ruồi bị nhốt trong hoa, giúp quá trình thụ phấn diễn ra, sau đó được thả ra.

Công Dụng Dược Lý (Y học cổ truyền):

- Trị ho & hen suyễn: Giúp làm dịu cơn ho, giảm co thắt phế quản, thích hợp cho ho khan, ho có đờm.
- Giảm viêm đường hô hấp: Làm giảm sưng, viêm niêm mạc phế quản, giúp dễ thở hơn.
- Làm ấm cơ thể: Hơi nóng từ trà cỏ nhấc ngựa giúp giảm nghẹt mũi, thông thoáng đường thở.
- Hỗ trợ cảm cúm: Giúp giảm các triệu chứng cảm lạnh, cảm cúm.

Cách dùng phổ biến: dưới dạng trà (phơi khô) hãm uống 2-3 lần/ngày, giúp giảm các triệu chứng hô hấp.

Lưu ý độc tính: Cây thuộc họ Aristolochia (Thần lẩn), chứa axit aristolochic, có thể gây độc cho thận và ung thư nếu dùng dài ngày. Thận trọng: Không tự ý dùng liều cao hoặc kéo dài; phải có chỉ định của thầy thuốc Đông y có kinh nghiệm.

Cần phân biệt với cỏ đuôi ngựa (Equisetum arvense) cũng có công dụng tương tự, nhưng cỏ đuôi ngựa không có độc tính như Aristolochia.

10) Cỏ đuôi ngựa.



Cỏ đuôi ngựa (*Equisetum arvense*) có nhiều dược tính nhờ giàu silica, flavonoid và khoáng chất, giúp tăng cường sức khỏe xương khớp (loãng xương), lợi tiểu, chống viêm, kháng khuẩn, hỗ trợ sức khỏe da, tóc, móng, làm nhanh lành vết thương, và có lợi cho hệ tiết niệu và hô hấp (sỏi thận, viêm phế quản).

1. Thành phần hóa học chính:

- Silica (Silicon dioxide): Khoáng chất quan trọng giúp hình thành collagen, củng cố xương, da, tóc, móng.
- Flavonoid, Axit phenolic: Các chất chống oxy hóa mạnh, giúp giảm viêm và bảo vệ tế bào khỏi gốc tự do.
- Alkaloid, Glycoside, Phytosterol: Các hợp chất khác góp phần vào tác dụng dược lý.

2. Công dụng và ứng dụng:

- Xương khớp & Móng: Tăng mật độ xương, hỗ trợ điều trị loãng xương, giúp móng tay, tóc chắc khỏe.
- Lợi tiểu & Thận: Giúp lợi tiểu, hỗ trợ điều trị sỏi thận, nhiễm trùng đường tiết niệu.
- Chống viêm & Kháng khuẩn: Giảm viêm da, mụn nhọt, viêm đường hô hấp nhờ đặc tính kháng khuẩn, chống viêm.
- Làm lành vết thương: Dùng ngoài da giúp cầm máu, chữa bỏng, vết thương.
- Hô hấp: Giảm ho, viêm phế quản, cảm cúm.
- Tiểu đường: Hỗ trợ kiểm soát đường huyết.
- Chống oxy hóa: Chống lão hóa, bảo vệ cơ thể khỏi tổn thương tế bào.

11) Dải ngựa.



Dái ngựa hay Nhạc ngựa, Xà cừ Tây Ấn, Dái ngựa Tây Ấn (danh pháp khoa học: *Swietenia mahagoni*) là một loài trong chi Dái ngựa (*Swietenia*) của họ Xoan (*Meliaceae*). Chúng là loài bản địa miền nam Florida, Cuba, Jamaica và Hispaniola. Có chủ yếu ở các nước Đông Nam Á, Ấn Độ, Trung Quốc và một số nước thuộc Châu Phi.

Dái ngựa là cây thân gỗ với lá bán thường xanh, kích thước trung bình, có thể cao tới 30–35 m. Các lá kép lông chim chẵn, dài 12–25 cm, với 4 tới 8 lá chét, mỗi lá chét dài 5–6 cm và rộng 2–3 cm; không có lá chét ở đầu cùng. Hoa nhỏ, mọc thành chùm hoa ở nách lá. Quả là dạng quả nang hóa gỗ hình trứng ngược, dài 5–10 cm và rộng 3–6 cm, chứa nhiều hạt có cánh.

Cây Dái ngựa là một loài cây chịu hạn tốt, có khả năng sinh trưởng phát triển ở những vùng sinh thái khắc nghiệt. Cây Dái ngựa thường được trồng làm cây công trình, cây bóng mát đường phố, cây xanh đô thị. Hay tạo cảnh quan cho công viên, sân vườn biệt thự, khuôn viên trường học, bệnh viện, nhà máy, xí nghiệp. Cây thường xanh, tuy nhiên vào mùa khô (khoảng từ tháng 11 tới tháng 1 năm sau) cây rụng lá. Vào mùa mưa cây ra lá mới, màu xanh nõn chuối, đẹp.

Cây Dái ngựa cho gỗ đỏ tốt để gia công, không nứt nẻ, không cong vênh và dễ đánh bóng, thường được dùng trong xây dựng gỗ xà gồ hay gỗ đòn tay, đóng đồ gia dụng, mộc mỹ nghệ và trang trí nội thất. Vì vậy hiện nay gỗ Dái ngựa trở nên rất quý, được ưa chuộng, cho giá trị kinh tế cao.

11) Trăm Mã Trà.

Trăm Mã Trà còn gọi là Đoạt Mã Trà là một loại trà quý hiếm, huyền bí của Trung Hoa, thu hoạch từ cây trà mọc hoang trên núi Vu Sơn, Tứ Xuyên, được chế biến theo phương pháp độc đáo: ngựa ăn lá trà non, sau đó uống nước suối Ô Long, dịch vị trong bụng ngựa lên men lá trà, rồi moi trà từ dạ dày ngựa ra để sấy khô, tạo nên hương vị đặc trưng không chất, chỉ dành cho vua chúa.

1. Quy trình thu hoạch và chế biến:

- **Cho ngựa ăn:** Những chú ngựa bị bỏ đói vài ngày, sau đó được thả vào rừng trà trên núi Vu Sơn để ăn lá trà non cho no căng bụng.

- **Uống nước suối Ô Long:** Ngựa được lừa đến các khe suối có lá trà rụng nát, nước suối có màu đen (gọi là suối Ô Long) để uống.

- **Lên men tự nhiên:** Lá trà trong bụng ngựa được lên men bởi dịch vị và nước suối, trở nên bột chất, có hương vị đặc biệt.

- **Thu hoạch trà:** Sau một ngày, người ta giết ngựa để moi lấy lá trà đã lên men từ dạ dày.

- **Chế biến:** Lá trà được mang đi sao sấy để hoàn thiện, tạo ra loại trà độc đáo.

2. Đặc điểm và Hương vị.

- **Hương vị:** Không còn vị chát, mang hương vị độc đáo nhờ quá trình lên men trong bụng ngựa.

- **Tính chất:** Vì cách thu hoạch phức tạp, tốn kém, Trăm Mă Trà xưa kia chỉ dành cho tầng lớp hoàng gia, quý tộc thưởng thức.

Phần II

Khoa học xã hội và nhân văn về ngựa

1. Ngựa và hệ thời gian Can Chi.



[Sexagenary cycle - Wikipedia](#)

[Can Chi – Wikipedia tiếng Việt](#)

Can Chi (干支), còn gọi dài dòng là Thiên Can Địa Chi (天干地支) hay Thập Can Thập Nhị Chi (十干十二支), là hệ thống đánh số thành chu kỳ được dùng tại các nước có nền văn hóa Á Đông như: Trung Quốc, Việt Nam, bán đảo Triều Tiên, Nhật Bản, Đài Loan, Singapore và một số quốc gia khác. Nó được áp dụng với tổ hợp chu kỳ sáu mươi (60) trong âm lịch nói chung để xác định tên gọi của thời gian (ngày, giờ, năm, tháng) cũng như trong chiêm tinh học.

Theo cách phân chia thời gian năm tháng Can chi trên, con Ngựa cũng là một biểu tượng cho một năm. Trong 12 địa chi (thập nhị chi), ngựa mang pháp danh là **Ngọ**, đứng hàng thứ sáu sau Tý và đứng trước 5 con vật khác, 12 con vật được đứng trong sách lịch pháp trên nay là đại diện cho các loài. Về tính âm dương, 12 con vật được chia xếp thành hai cực âm và dương đứng đan xen nhau, trong đó con ngựa (Ngọ) thuộc âm.

“**Ngọ**” là một từ chỉ thời gian mở đầu buổi sáng của một ngày (ước từ 11 giờ sáng đến 13 giờ chiều).

Xem thêm:

- [12 con Giáp từ đâu ra? - KhoaHoc.tv](#)

2. Ngựa trong nghệ thuật.

Phương Tây: Trong nghệ thuật, ngựa thường đại diện cho sự lẫm liệt, khỏe khoắn và được tôn vinh trong nghệ thuật như điêu khắc, hội họa trên đền đài, lăng tẩm. Danh họa Leonardo da Vinci đã từng dành 10 năm để nghiên cứu và khắc họa những chú ngựa đầy sức sống và dũng mãnh.

Phương Đông: Trong nghệ thuật ngựa gắn liền với sự kiên nhẫn, bền bỉ và may mắn. Các tác phẩm nổi tiếng bao gồm tranh dân gian Đông Hồ với nội dung sinh động, câu chuyện rõ rệt. Ngựa còn xuất hiện trong các bộ tranh như "Bát Tuần Đồ" (8 con ngựa) hay "Mã đáo thành công".

2.1. Ngựa và hội họa.

1) Ngựa và hội họa phương Tây.

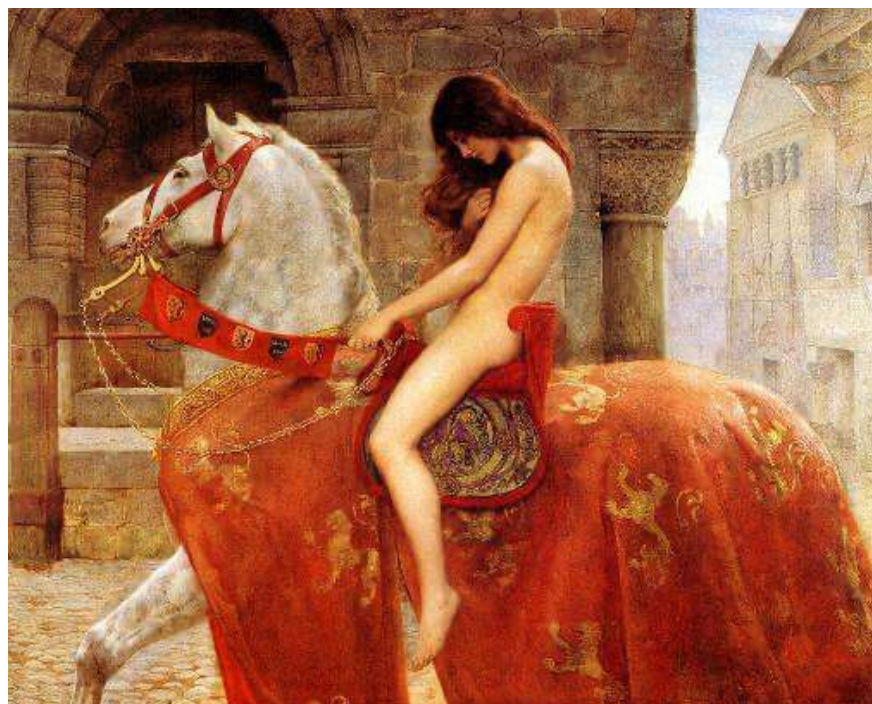


Hình một con ngựa vẽ trên vách hang động Lascaux, cách đây chừng 16.000 năm

Lascaux là một hệ thống hang động tại phía Tây Nam nước Pháp, nổi tiếng bởi những hình vẽ hang động. Chúng bao gồm những tác phẩm nổi tiếng nhất của thời kì hậu đồ đá cũ. Các bức vẽ này được ước tính 16.000 năm tuổi. Chúng chủ yếu bao gồm các bức vẽ tả thực về các loài động vật lớn, phần lớn trong số chúng được biết đến nhờ những bằng chứng hóa thạch cho thấy rằng đã tồn tại trong khu vực đó và thời gian đó. Lascaux trở thành Di sản thế giới UNESCO vào năm 1979.



**Bản phác thảo bằng bút chì bạc của Leonardo da Vinci cho bức tranh Con ngựa ,
khoảng năm 1488**



Một họa phẩm xuất sắc của John Collier về Nàng Godiva đang cưỡi trên một con ngựa trắng



Tượng đài Lady Godiva ở trung tâm Coventry

Lady Godiva - Bá tước phu nhân xứ Mercia (khoảng 980 – 1067) là một nữ Bá tước, vợ của Bá tước Leofric. Theo truyền thuyết Anh, Godiva là một phụ nữ tuyệt đẹp đã yêu cầu chồng giảm thuế nặng cho dân chúng Coventry. Leofric hứa sẽ giảm thuế cho dân nếu vợ ông khóa thân cưỡi ngựa dạo quanh thành phố Coventry. Leofric tin chắc rằng Godiva không bao giờ chịu làm như vậy. Không ngờ Godiva đồng ý, mặc dù có một chút khôn vặt – nàng đề nghị dân chúng vào một ngày hẹn trước đóng hết cửa và không nhìn ra đường phố. Và thế là Godiva khóa thân cưỡi ngựa đi hết một vòng quanh thành phố Coventry. Ngài bá tước vô cùng kinh ngạc trước tinh thần dám xả thân của vợ mình nên đã giữ lời hứa, giảm thuế nặng cho dân chúng.

Câu chuyện về hành động quên mình vì nghĩa lớn của Lady Godiva cách đây gần 1000 năm đã trở thành đề tài của rất nhiều tác phẩm thơ, văn, hội họa, điện ảnh...

Gần nhà thờ chính Coventry đặt bức tượng Lady Godiva ngồi trên ngựa, mái tóc buông xoã. Hình của bức tượng này khắc trong con dấu của Hội đồng thành phố Coventry.

Từ năm 1678 dân chúng Coventry tổ chức ngày lễ hằng năm để tưởng nhớ Lady Godiva, ngày lễ này đến nay vẫn không thay đổi. Đây là ngày lễ như ngày hội Carnavan, người ta hát hò, biểu diễn âm nhạc còn buổi tối bắn pháo hoa. Những người tham dự mặc trang phục của thế kỷ 11 diễu hành từ nhà thờ cổ, theo con đường mà ngày xưa Lady Godiva đã cưỡi ngựa đi, rồi trở về tập trung ở tượng Lady Godiva để tổ chức nhiều cuộc thi, đặc sắc nhất cuộc thi bầu chọn Lady Godiva đẹp nhất. Tham dự cuộc thi này là những phụ nữ đẹp mặc đồ lót phụ nữ thế kỷ 11. Người thắng cuộc thường là người đẹp có mái tóc dài vàng óng.

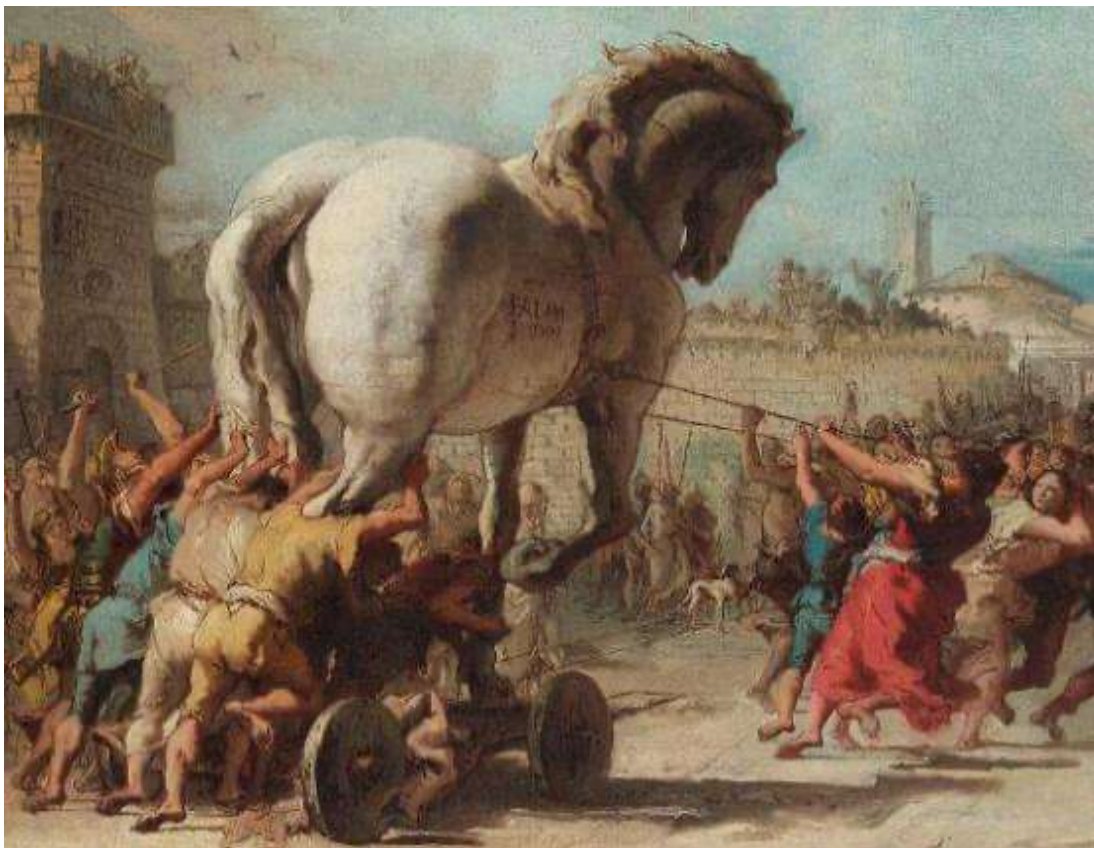
- Có vẻ như ngược đời, nhưng ở Anh có nhiều cửa hàng bán quần áo mang tên Lady Godiva.

- Một nhà sản xuất sô-cô-la nổi tiếng có tên là Godiva (Lady Godiva).



- Bài hát "Don't Stop Me Now" của ban nhạc nổi tiếng Queen về Lady Godiva.
- Bài hát "My Girl" của Aerosmith có câu, "My girl's a Lady Godiva."
- Ban nhạc Boney M có bài hát "Lady Godiva".
- Nhà thơ Osip Mandelstam viết bài thơ "Lady Godiva", lấy cảm hứng từ bức tranh Lady Godiva ngồi trên ngựa.

Trên thế giới thỉnh thoảng có những người bảo vệ động vật hoang dã tổ chức biểu tình khóa thân tập thể để chống sản xuất áo lông thú... Tuy nhiên, so với việc làm đơn độc của phu nhân Godiva sùng đạo vào thời trung cổ, có thể nói không một hành vi khóa thân nào sánh kịp.



Tranh Đám rước con ngựa thành Troia ở Troia, họa sĩ Giovanni Domenico Tiepolo



Tranh sơn dầu trên vải “Hội chợ ngựa ở Paris” 1852–55, của Rosa Bonheur

Rosa Bonheur đã vẽ 'Hội chợ ngựa' từ một loạt các bản phác thảo về ngựa Percheron và các loại ngựa kéo khác mà bà đã thực hiện tại chợ ngựa Paris trên Đại lộ de l'Hôpital rợp bóng cây, gần Bệnh viện Pitié-Salpêtrière, có thể nhìn thấy ở hậu cảnh của bức tranh.



Guernica, tranh sơn dầu, Pablo Picasso (1937)

Được hỏi về tranh “Guernica” có lần Picasso đã nói rằng hình tượng ngựa là tượng trưng cho loài người, và ông cũng còn sử dụng hình tượng này trong nhiều tác phẩm khác cho thấy điều kiện xã hội trong đó ông đang sống và phản ánh bằng ngôn ngữ nghệ thuật, trở thành một tiếng kêu thét, một sự vùng vẫy cố gắng thoát khỏi sự áp bức của bạo lực.

2) Ngựa và hội họa phương Đông.

- Trung Hoa.

Trong lịch sử hội họa Trung Quốc đã xuất hiện nhiều họa sĩ vẽ ngựa nổi tiếng như:

- Thời Đường có Hàn Cán (韓幹) ông này nổi tiếng về vẽ ngựa và vẽ nhân vật, Tào Bá (曹霸) chuyên vẽ ngựa và chân dung các công thần. Hàn Cán là người lột được tướng ngựa và ngựa do Hàn Cán vẽ ra đạt được mọi thứ tướng quý của loài ngựa. Đến nỗi, những nhà xem tướng ngựa phải thốt lên rằng được một con ngựa này có thật thì có nghìn vàng bỏ ra mua cũng không tiếc, bức tranh ngựa nổi tiếng nhất của Hàn Cán là “**Chiếu Dạ Bạch Đồ** * 照夜白图 * Blanc Lueur-nocturne * Night-Shining White * Đêm trắng chiếu sáng”, thể hiện hình ảnh một con ngựa trắng tương truyền ngời sáng trong đêm một trong những con ngựa quý nhất của vua Đường Huyền Tông. Ngoài ra thời Đường còn có Lý Công Lân (李公麟), Đồng Nguyên (董源) và Lý Thành (李成). Đời Đường có nhiều họa gia giỏi về vẽ ngựa, nhưng nổi bật nhất là Hàn (Cán) và Tào (Bá).



Chiếu Dạ Bạch Đồ của Hàn Cán (thời Đường)



Mục Mã Đồ của Hàn Cán (thời Đường)

- Thời Tống có Lý Long Miên với Bức "Bách mã đồ" vẽ 100 con ngựa nhưng lột tả được tính ngựa mà người xem có thể đoán tính của từng con một.
- Thời Nguyên có Trần Mạnh Phủ (hay Phú) (趙孟頫) tự là Triệu Tùng Tuyết giỏi vẽ ngựa, nhân vật, trúc thạch, sơn thủy, giới thưởng ngoạn xem ông là người đứng đầu hội họa đời Nguyên, thời Nguyên còn có Nhiệm Nhân Phát.



Tranh "Người cưỡi ngựa" của Triệu Mạnh Phủ (thời Nguyên)

- Thời Thanh có Giuseppe Castiglione tên Hán là Lang Thế Ninh (Lang Shining), một nhà truyền giáo người Ý được giữ lại trong cung nhà Thanh dưới. Ông vẽ nhiều bức tranh truyền thần màu rất đẹp, trong đó có những bức tranh vẽ người Tây Vực tiến cống ngựa.

Sau này, Ngoài Tử Bi Hồng (徐悲鴻 – 1895-1953), còn có Diệp Túy Bạch là họa gia hiện đại cũng rất nổi tiếng về vẽ ngựa.



“Bát tuần đồ-Mã đáo thành công” của Từ Bi Hồng

Bức tranh Tám Con Ngựa (八駿全圖) là tác phẩm nổi tiếng nhất của Xu Beihong. Được vẽ bằng mực tàu vào năm 1943, bức tranh mô tả tám con ngựa đang vui vẻ phi nước đại về phía người xem, biểu

tượng của hạnh phúc và thành công. Đây là một trong những tác phẩm tiêu biểu nhất của hội họa hiện đại Trung Quốc.

- Việt Nam

Tranh vẽ ngựa cũng xuất hiện khá sớm với các bức địa mã (ngựa ăn cỏ), tòng giá (theo hầu ngựa), tỳ giá (dong ngựa). Vào dịp Tết đến, người dân thường sắm tranh Tết có tranh con ngựa. Ở nhiều tranh thờ, ngựa hồng được thay bằng ngựa trắng hay đôi khi bằng ngựa ô. Sự thay đổi màu lông có những lý do tín ngưỡng. Tranh ngựa thờ thường đi một cặp như tranh ngựa hồng, ngựa bạch trong đền Độc Lôi.

Đến đầu thế kỷ XX, vẫn còn có cảnh cưới ngựa về làng có lính hầu (lính lệ) và lọng che mà một người Pháp tên là Henry Oger sưu tầm được trong tranh khắc gỗ. Tranh dân gian về ngựa tại các tỉnh miền Trung còn gọi là tranh ông Ngựa.



Tranh Đông Hồ "Vinh quy bái tổ" trên giấy dó

Trong tranh dân gian con ngựa ghi ấn tượng mạnh mẽ, sâu sắc nhất là Ngựa Thánh của ông Gióng. Loại ngựa chiến được thấy trong tranh Phù Đổng Thiên Vương đại phá giặc Ân. toàn thân ngựa đang tung vó trên chiến trận được khắc họa đỏ rực như than hồng toát lên một khí thế hùng dũng oai phong. Ở bức tranh Quang Trung, ngựa chiến được khắc họa cao lớn oai hùng. Con chiến mã với bộ vó chắc khỏe đang mở to

đôi mắt, đăm đăm nhìn phía trước với cái mõm hé mở và đôi cánh mũi dường như đang phập phồng.



Tranh Đông Hồ “Phù Đồng Thiên Vương” trên giấy dó.

Hình ảnh con ngựa còn có thể bắt gặp trong nhiều tranh dân gian khác của tranh Đông Hồ, tranh Hà Nội. Tranh dân gian Đông Hồ về ngựa rất sinh động và có cốt truyện. Trong tranh Đông Hồ, con ngựa không có người cưỡi mà lại có lông che rất trang nghiêm. Trong dòng tranh dân gian Đông Hồ có cảnh "đám cưới chuột" với họa tiết chú rể chuột đang vênh râu nghênh ngang cưỡi ngựa. Con ngựa hồng vui vẻ đang nhịp bước trong tác phẩm tranh Đông Hồ Đám cưới chuột(hay còn gọi là Ông nghè vinh quy). Dòng tranh Hàng Trống có cảnh ông Hoàng cưỡi ngựa.

Ở Việt Nam cũng có những người vẽ ngựa, mặc dù số người theo nghề chuyên về vẽ ngựa không nhiều và cũng không nổi tiếng như bên Trung Quốc. Có bậc cao niên là Nguyễn Tư Nghiêm vẽ ngựa Gióng, nói đến khí thế quật cường của người Việt, biểu trưng ở sức mạnh của Thánh Gióng. Có 2 quyển sách về hai tác giả vẽ ngựa là Đỗ Đức và Lê Trí Dũng. Đỗ Đức là ngựa trên núi còn Lê Trí Dũng là mượn có đó, hình tượng đó để tạo nên nguồn hứng. Nhờ có ngựa mà nguồn hứng ấy trở nên tràn trề và cũng nhờ có ngựa mà ngòi bút trở nên có khí lực hơn.



Lê Trí Dũng - Ngựa 30 - acrylic trên giấy dó



Lê Trí Dũng - Ngựa 6 - acrylic trên toan

2.2. Ngựa và điêu khắc.

1) Tượng ngựa đá.

Trong kho tàng di sản văn hóa vật thể, thì hình ảnh ngựa sớm nhất là tượng ngựa ở chùa Phật Tích (niên đại dựng chùa năm 1057) dưới hình thức chạm tròn nguyên khối đá với đôi ngựa nằm ngang cùng với voi, sư tử, trâu và tê giác. Cả 10 con thú đá dàn hàng châu trước tòa trước trước sân chính điện chùa có cùng niên đại tạo tác vào năm 1057, nay vẫn còn.

Trong số hàng trăm hiện vật được khai quật ở chùa Phật Tích, phát hiện nhiều tượng thiên thần Khẩn Na La (Kinnari) là hình tượng phổ biến trong Phật giáo ở Ấn Độ, được mô tả là vị thần nhạc công nửa người nửa ngựa với những kích cỡ khác nhau. Ngựa được miêu tả có mắt, mõm dài, thân thon, 4 chân được đặt trên bệ đá có hoa văn cánh sen, ngựa còn thấy xuất hiện trên đài sen, hàm nghĩa nó được Phật giác ngộ rồi tự

nguyện chở kinh đi khắp nơi để giáo hoá chúng sinh. Những hoa văn trang trí hình ngựa thuộc loại khá hiếm.

Việt sử còn đề cập đến chuyện con ngựa đá thời nhà Trần. Trong lúc làm lễ ở chùa Lăng sau khi dẹp tan quân Mông Cổ, nhân lúc thấy các con ngựa đá đứng chầu trước các miếu, vua Trần Nhân Tông có câu thơ:

"Sơn hà thiên cổ điện Kim âu

Xã tắc lưỡng hồi lao thạch mã"

"Xã tắc hai phen chôn ngựa đá/

Non sông nghìn thuở vững âu vàng".

Cái đẹp của những con ngựa thời Trần là dáng khỏe, dũng mãnh, hùng hực như hào khí Đông A thẳng trận Nguyên Mông. Am Ngọa Vân trên núi Yên Tử (Quảng Ninh) còn dấu vết nền móng ba bệ hoa sen, một tượng voi và một tượng ngựa bằng đá.

Thế kỷ XVI, tượng ngựa có khi được tạo tác bằng đá, lớn hơn kích thước ngựa thật (mộ quận Đẳng ở Thanh Hóa năm 1629) hay là nhóm tượng giám mã (đình Hương, Bắc Ninh) đầu thế kỷ XVIII, Ngựa thờ ở mồ mã là để làm tăng thêm sự giàu sang, phú quý của chủ nhân. Đặc sắc như hình ảnh ngựa đá nhau được chạm trổ trên hương án chùa Bút Tháp (Bắc Ninh) vào thế kỷ XVII, khi cưỡi ngựa trên vách chùa Tây Mỗ (Hà Nội) thuộc thế kỷ XIX, những chú ngựa vượt qua hoa lá chạm đá trên văn bia tại chùa Linh Quang (Hải Phòng). Cảnh ngựa đá đứng chầu với voi đá ở các lăng miếu thời nhà Nguyễn cũng rất phổ biến.

Thời Lê Trung Hưng cũng là lúc rộ lên các vị quan Quận Công đem tiền về quê xây lăng mộ cho mình phòng khi hậu sự, nhất là ở vùng Bắc Giang. Nhiều lăng được xây bề thế, hai bên đường vào lăng có tượng quan hầu dắt ngựa. Người và ngựa đá có kích thước gần với thực tế. Ngựa được mô tả chi tiết với cả mắt, mũi, bờm, yên cương. Quan hầu thì cầm kiếm, đội mũ có cả trang phục áo khoác, quần dài, đôi ngựa đá đẹp nhất thuộc về lăng Dinh Hương (xã Đức Thắng, huyện Hiệp Hòa, Bắc Giang) được tạc năm 1729 thờ La Quận Công. Vào thời điểm này, những con ngựa đá cũng là cái mới được

người xưa đặt ở sân đình như ở đình Hoàng Mai, đình Tả Thanh Oai, Cũng có khi thay cho ngựa đá là ngựa thờ bằng gỗ đặt trên 4 bánh xe đặt trong nhà tiền tế của đình.





Tượng đá Lăng Dinh Hương



Tượng ngựa đá tại lăng vua Minh Mạng

2) Tượng ngựa gỗ.



Thờ ngựa gỗ ở đền Hiệp Hòa, Bắc Giang

3) Tượng ngựa kim loại.



Tượng đài Thánh Gióng Phù Đổng Thiên Vương (扶董天王)

3. Logo ngựa.

Logo con ngựa là biểu tượng phổ biến thể hiện sức mạnh, tốc độ, sự bền bỉ và đẳng cấp sang trọng của các thương hiệu hàng đầu thế giới, tiêu biểu như Ferrari (siêu xe Ý), Porsche (xe sang Đức), Ford Mustang (xe cơ bắp Mỹ), cùng các thương hiệu thời trang xa xỉ như Hermès, Burberry và Polo Ralph Lauren.

3.1. Lĩnh vực Ô tô (Biểu tượng sức mạnh và tốc độ)

- **Ferrari (Ý):** Logo "ngựa chồm" (Cavallino Rampante) màu đen trên nền vàng tượng trưng cho thành phố Modena và phía trên là 3 màu của cờ Ý, là biểu tượng của sự sang trọng, tốc độ và di sản đua xe Ý lừng lẫy.

Logo được lấy cảm hứng từ biểu tượng may mắn trên máy bay chiến đấu của phi công Francesco Baracca trong Thế chiến I, được nhà sáng lập Enzo Ferrari đưa vào sau khi gặp gia đình phi công này. Logo biểu tượng của siêu xe thể thao đẳng cấp cao.



- **Porsche (Đức):** Hình ảnh chú ngựa nằm ở trung tâm huy hiệu, tượng trưng cho nguồn gốc của thương hiệu tại Stuttgart - thành phố nổi tiếng với các trại nuôi ngựa giống.

Logo hình con ngựa đen nằm ở trung tâm của huy hiệu, được bao quanh bởi các biểu tượng của bang Württemberg đại diện cho sức mạnh và tốc độ, cũng như dấu ấn quê hương của hãng xe Stuttgart (được coi là "trại ngựa giống" - stud farm). Bao quanh chú ngựa là các họa tiết gác nai và sọc màu đỏ - đen đặc trưng.



- **Ford Mustang (Mỹ):** Hình ảnh chú ngựa hoang đang phi nước đại về phía bên trái (pony), biểu tượng cho sự phóng khoáng và sức mạnh của dòng xe cơ bắp Mỹ.

Logo gốc thường đi kèm với ba vạch màu đỏ, trắng và xanh dương phía sau chú ngựa, tượng trưng cho di sản Hoa Kỳ và niềm tự hào dân tộc. ượng trưng cho sự tự do, tốc độ và tinh thần hoang dã của thảo nguyên Mỹ, đồng thời lấy tên từ máy bay chiến đấu P-51 Mustang thời Thế chiến II. Logo biểu tượng ra mắt lần đầu năm 1964.



3.2. Lĩnh vực Thời trang và Xa xỉ (Biểu tượng đẳng cấp)

- **Hermès:** Logo hình cỗ xe ngựa và người đánh xe, phản ánh di sản lâu đời của hãng bắt đầu từ việc sản xuất yên cương và đồ da cho giới quý tộc. Logo của Hermès là một trong những biểu tượng xa xỉ và dễ nhận diện nhất trên thế giới, phản ánh di sản lâu đời của thương hiệu bắt nguồn từ thế kỷ 19.

Logo Hermès nổi bật với hình ảnh cỗ xe ngựa Duc và con ngựa, lấy cảm hứng từ tranh của Alfred de Dreux, thể hiện di sản lâu đời trong ngành sản xuất yên ngựa. Thiết kế thanh lịch, mang đậm nét cổ điển này ra đời năm 1949, cùng màu cam đặc trưng từ năm 1923, tượng trưng cho sự sang trọng và tay nghề thủ công đỉnh cao. Tính đến năm 2026, logo chính thức của Hermès vẫn giữ nguyên thiết kế kinh điển.



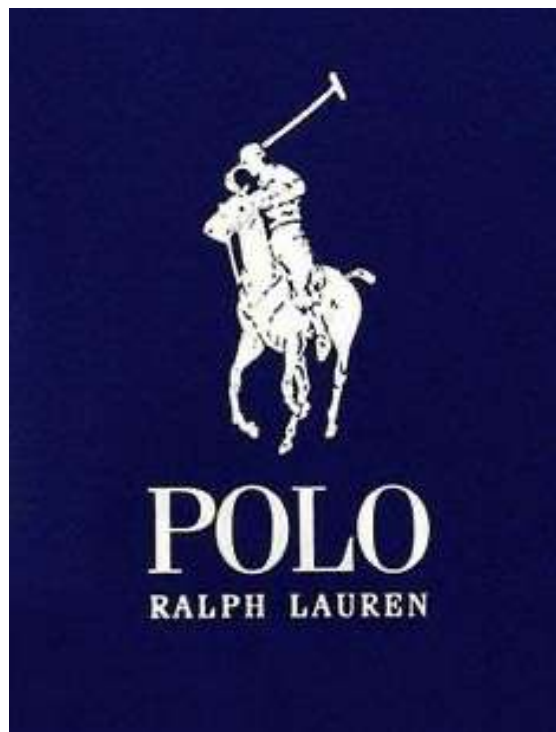
- **Burberry:** Hình ảnh hiệp sĩ cưỡi ngựa cầm cờ (Equestrian Knight), thể hiện sự bền bỉ, tin cậy và phong cách cổ điển Anh Quốc.



- **Polo Ralph Lauren** (Pony Logo): Hình ảnh người kỵ sĩ chơi khúc côn cầu trên lưng ngựa (chơi polo trên lưng ngựa), tượng trưng cho phong cách sống thượng lưu, thể thao và sang trọng. Tính đến tháng 1 năm 2026, Polo Ralph Lauren không thay đổi hoàn toàn bộ nhận diện thương hiệu mà tiếp tục duy trì và tôn vinh các biểu tượng di sản lâu đời. Logo cốt lõi và phổ biến nhất, đại diện cho phong cách thời thượng và cổ điển của Mỹ. Trong các bộ sưu tập mới năm 2026, logo này thường được thu nhỏ tinh tế trên ngực áo.

Thiết kế đặc biệt cho Olympic 2026: Ralph Lauren đã ra mắt bộ đồng phục và logo đặc biệt cho đội tuyển Mỹ tại Thế vận hội Mùa đông Milano Cortina 2026. Thiết kế này kết hợp hình ảnh kỵ sĩ truyền thống cùng các họa tiết cờ Mỹ và biểu tượng Olympic.

Trong năm 2025 và 2026, thương hiệu tập trung vào việc làm mới các thiết kế lưu trữ (archival designs) từ thập niên 80 và 90, giữ nguyên vẻ ngoài cổ điển nhưng cải thiện phom dáng hiện đại hơn.



4. Xiếc ngựa.



Màn biểu diễn thăng bằng trên lưng ngựa tại rạp xiếc Rambo ở Mumbai, Ấn Độ.

Xiếc ngựa (E: equestrian circus/vaulting) là nghệ thuật biểu diễn tạp kỹ kết hợp khéo léo giữa con người và sức mạnh, kỷ luật của loài ngựa, bao gồm các động tác nhào lộn, uốn dẻo điệu nghệ trên lưng ngựa đang di chuyển. Đây là môn thể thao giải trí lâu đời, giúp rèn luyện sự dũng cảm và kết nối cảm xúc, thường biểu diễn tại các Rạp Xiếc.

Xiếc ngựa là một phần của nghệ thuật xiếc thú lâu đời, đem lại trải nghiệm giải trí thú vị và mang lại niềm vui cho khán giả mọi lứa tuổi. Xiếc giúp trẻ em yêu thương động vật hơn, giải tỏa căng thẳng và rèn luyện trí óc cho thiếu nhi.

Xiếc ngựa đòi hỏi quy trình chăm sóc, huấn luyện khoa học, đảm bảo dinh dưỡng và an toàn cho ngựa, còn diễn viên thì thực hiện các động tác khó như đứng, lộn nhào, hoặc tạo dáng trên lưng ngựa đang chạy.

VIDEO

- [Lorenzo – The Flying Frenchman](#)
- [Horseman Lorenzo - The Flying Frenchman](#)
- [Das Lustige Pferd Scout / The Funny Horse Scout](#)

- [Funniest Horse Act Ever! Tommie Turvey and Pokerjoe!](#)
- [Gala D'oro "Meraviglia" - Fieracavalli 2022 - ACTION & EMOTIONS by Lorenzo](#)

5. Đua ngựa.



Quý tộc Anh đua ngựa tại Apsley House, Luân Đôn khoảng năm 1850



Đua ngựa tại Golden Gate Fields, 2017

Đua ngựa là một môn thể thao trình diễn kỹ thuật cưỡi ngựa, trong đó hai hoặc nhiều con ngựa được điều khiển bởi các nài ngựa (E: jockey) cạnh tranh về tốc độ để về đích đầu tiên trên một quãng đường xác định.

Đua ngựa có nguồn gốc từ Hy Lạp cổ đại và đế chế La Mã, đua ngựa là một trong những môn thể thao cổ xưa nhất thế giới. Đua ngựa được mệnh danh là "thú vui hoàng gia" và là biểu tượng của sự xa xỉ, đẳng cấp, đặc biệt phát triển mạnh mẽ tại Anh dưới sự bảo trợ của giới quý tộc. Ngày nay, đua ngựa gắn liền với ngành công nghiệp chăn nuôi ngựa thuần chủng, các hệ thống cá cược hợp pháp và các sự kiện văn hóa lớn.

1. Các thành phần chính của đua ngựa:

- Nài ngựa: Là người trực tiếp điều khiển ngựa. Đây là nghề đòi hỏi kỹ năng cao và đối mặt với rủi ro chấn thương lớn.

- Ngựa đua: Thường là các giống ngựa thuần chủng được huấn luyện khắc khe từ nhỏ để đạt tốc độ và sức bền tối ưu.

- Đường đua: Có thể là đường chạy bằng phẳng (E: flat racing) hoặc đường đua có chướng ngại vật (E: jump racing).



Trường đua ngựa "triệu đô" tại Bình Dương đã đi vào hoạt động.

2. Đua ngựa tại Việt Nam: Tại Việt Nam, đua ngựa không chỉ là môn thể thao mà còn là nét văn hóa đặc sắc với nhiều lễ hội truyền thống:

- Lễ hội đua ngựa Bắc Hà (Lào Cai): Diễn ra vào dịp xuân về và vào tháng 6 hàng năm, đây là nét văn hóa độc đáo của đồng bào dân tộc vùng cao Tây Bắc, nơi những "kỵ mã chân đất" tranh tài trên lưng ngựa thồ.

- Hội đua ngựa gò Thì Thùng (Phú Yên): sử dụng những chú ngựa thồ bình dị của người dân địa phương.

- Trường đua chuyên nghiệp: Như trường đua Đại Nam (Bình Dương) được đầu tư bài bản cho các cuộc đua chuyên nghiệp.

3. Các giải đua ngựa quốc tế lớn (World Horse Racing)

Năm 2026 tiếp tục là năm bùng nổ của các giải đua danh giá thế giới:

- The Kentucky Derby (Mỹ): Được mệnh danh là "Hai phút hấp dẫn nhất trong thể thao," thường diễn ra vào tháng 5.

- The Royal Ascot (Anh): Sự kiện đua ngựa hoàng gia nổi tiếng với những quy định khắt khe về trang phục và sự góp mặt của giới quý tộc.

- Dubai World Cup (UAE): Một trong những giải đua có giá trị tiền thưởng cao nhất thế giới.

- Melbourne Cup (Úc): Giải đua khiến cả nước Úc phải dừng lại để theo dõi.

VIDEO

- [Trường đua ngựa Sài Gòn, từ Mã Ngưu đến huyền thoại Phú Thọ](#)

- [Preliminaries and horse racing in Saigon--outtakes | Đua ngựa ở Sài Gòn - Đông Dương](#)

- ["Võ Trần" Chung Kết Lễ Hội Đua Ngựa Bắc Hà 2025](#)

- [Đua ngựa địa hình tại trường đua Thiên Mã Madaqui – Lâm Đồng](#)

- [Horse Racing - Đua ngựa ở Mỹ](#)

6. Ngựa và võ thuật.



Các đòn nghich mã cước có sức công phá rất lớn.

Hầu hết trong chiến tranh, thời cổ trung đại thì kỵ binh luôn là lực lượng chủ lực, quyết định sự thắng bại trên chiến trường. Cũng chính vì vậy, võ ngựa được ra đời và phổ biến từ rất sớm và là một trong những thành tựu của nền võ thuật nhân loại.

Trong võ thuật, võ ngựa là một trong những di sản của võ thuật dân tộc cũng như võ thuật nhân loại. Ngựa là một trong thập nhị hình (Long, Hổ, Xà, Hạc, Hầu, Mã, Báo, Sư, Miêu, Tượng, Gấu, Đường Nam - bộ ngựa).

Tuy không có một bài võ ngựa hoàn chỉnh nhưng các đòn đánh của võ ngựa lại phổ biến trong các bài đánh đi kèm với binh khí (như thương, đao, kiếm, roi) và các thế đá **nghich mã**. Lối đánh của võ ngựa đòi hỏi kỹ thuật cao, chính vì vậy, nó thường được các cao thủ áp dụng. Đặc điểm nổi trội nhất của võ ngựa đó là sự nhanh nhẹn, bất ngờ, mang tính sát thương cao, triệt hạ đối phương.

Võ ngựa trước hết phải nhắc đến việc dùng ngựa di chuyển trong chiến đấu. Trong các thế di chuyển độc đáo nhất là thế di mã và thế phi hành mã. Các thế di chuyển này

luôn được kỵ binh thời xưa ứng dụng nhằm tận dụng tốc độ và sức mạnh của ngựa để di chuyển, luồn lách trong chiến đấu, tạo ra sự lấn lướt, tiếp cận và tiêu diệt kẻ thù.

Phần quan trọng nhất của võ ngựa đó chính là các đòn, thế mô phỏng hình ảnh con ngựa. Võ học gọi thủ pháp ngựa tức là thủ pháp **đào mã**. Hiện có 3 thủ pháp đào mã cơ bản gồm, trực tiền mã - di chuyển phía trước; âm dương mã - cách di chuyển hai bên và hậu mã - ngựa lùi. Trong chiến đấu, các thủ pháp đào mã được ứng dụng để phá thế của đối phương và tạo thế tung những đòn nghich mã.

Cùng với đó, võ cổ truyền còn sáng tạo ra các bộ pháp của ngựa như mã tấn (thế đứng ngựa), thủ mã (thế thủ của ngựa), hợp mã (các bộ pháp kết nối của ngựa), mã cước (cú đá của ngựa), đỉnh cao nhất là các thế đá nghich mã cước (đá hậu). Tất cả các thủ pháp di chuyển đều tạo điều kiện để thực hiện các đòn nghich mã cước. Nghich mã cước chính là tinh hoa của võ ngựa.

6.1. Đòn nghich mã - tuyệt kỹ của các cao thủ.

Đến nay, có ba cú đá cơ bản và quan trọng nhất mà các cao thủ lâu nay vẫn tu luyện và thường dùng. Đòn đá này đòi hỏi sự khổ luyện và kỹ thuật cao, do đó không phải cao thủ không dùng được. Chỉ những người luyện võ đạt đến độ điêu luyện mới sử dụng thành thạo được nó. Trong thể thao, các đòn đá này được ứng dụng ở nhiều môn võ khác nhau và thông thường nó được "ăn" thang điểm cao nhất.

- Thứ nhất, đòn Lạc mã cước, đây là cú đá khi đối phương tấn công, ta vịn người sang bên và thực hiện cú đá hậu khiến đối phương bất thần.

- Thứ hai, đòn Nghich mã cước, đây là cú đá hiểm hóc nhất trong võ ngựa, cú đá này vừa để hoá giải địch thủ, vừa để tấn công địch thủ. Đối phương càng tấn công nhanh, càng dùng lực, thì càng nguy hiểm cho chính họ. Khi thực hiện, ta tấn công đối phương một cú đá, bị bắt chân, ta phản đòn bằng cách tung người trên không, đá ngược về phía sau làm đối phương ngã vật về phía sau, có thể gây tổn thương nặng về lực phủ ngũ tạng.

- Thứ 3 là cú đá Bạt mã cước. Đây là cú đá khá phức tạp để phản cước đối phương. Khi đối phương tấn công bằng một đòn đá (đòn cước), ta dùng nhu quyền (tay) để cản

phá, vô hiệu, và tung lên ngọn cờ sấm sét vào mặt đối phương và bay lên trên không một cú đá úp sọt quật ngã đối phương.

6.2. Đòn hồi mã - tuyệt kỹ của các dũng tướng.

Nói về võ ngựa trong võ thuật, cần phải nhắc đến các đòn hồi mã của binh khí dài trong tư thế đang cưỡi ngựa chiến đấu. Trong lịch sử dân tộc thời cổ trung đại, cha ông ta thường chiến đấu trên chiến trường rộng lớn nên sử dụng binh khí dài để tấn công và phòng thủ đối phương. Người xưa gọi các binh khí (thương, đao, kiếm, côn, xích) là vua chiến trường.

Trong các đòn thế nguy hiểm khi dùng các binh khí này phải kể các thế đánh hồi mã. Các đòn đánh này đều là đòn hiểm, được các dũng tướng áp dụng trong hoàn cảnh khi đối phương rượt đuổi. Các dũng tướng luôn sử dụng thành thạo các đòn đánh này để giải thế nguy, thậm chí đoạt mạng đối phương khi dụ được đối thủ vào thế rượt đuổi trên chiến trường.

- Đòn hồi mã thương (trong cưỡi ngựa dùng *thương*) là đòn đánh tổ hợp, công thủ với nhiều biến ảo. Khi đối phương rượt đuổi trên chiến trường, ta ngoắt thương về phía sau để khống chế đòn đánh của đối thủ, rồi dùng một đòn hồi mã thương trên đỉnh đầu. Tiếp đó, dùng thương đánh vào yết hầu đối phương và quật xuống hạ đòn phóng vào hạ bộ.

- Đòn ngịch mã đao (trong cưỡi ngựa dùng *đao*), được dùng khi đối phương tấn công bằng một đòn chém trên đỉnh đầu. Khi đang thế phi ngựa tiến hành cân bằng đao thượng thủ (đưa ngang trên đỉnh đầu để hoá giải đòn chém đòn bổ đầu của đối phương). Sau đó, dùng đòn chém xung thiên (Loan đao chém hình vòng cung từ trước ra sau theo hướng nhắm đầu của đối phương).

- Đòn hồi mã kiếm (trong cưỡi ngựa dùng song *kiếm*), dùng thế thượng trấn hậu triệt, hoành đảo tàng vân. Trong thế này, thượng trấn hậu triệt, một thế hoành đảo tàng vân, tiến đến thượng đỉnh, hậu thích.

Võ ngựa nổi trội nhất đó chính là cách di chuyển như di mã, phi mã độc đáo không thế võ nào hơn. Trong đòn cước, võ ngựa là đệ nhất (đột ngột, nguy hiểm). Ở bốn

phương tứ hướng của các thế đánh thì thế hồi mã, nghịch mã, hậu mã đều là thế độc thủ và nguy hiểm cho đối phương.

7. Ngựa và âm nhạc.



Âm nhạc về chủ đề ngựa rất phong phú, từ các bản nhạc giao hưởng cổ điển mô phỏng tiếng vó ngựa đến những bài hát hiện đại tôn vinh sự tự do và sức mạnh của loài vật này.

Dưới đây là một số tác phẩm tiêu biểu:

7.1. Nhạc không lời và Cổ điển.

- **William Tell Overture** (Phần kết): Sáng tác bởi Gioachino Rossini, đây là bản nhạc kinh điển nhất mô phỏng nhịp điệu ngựa phi nước đại, thường được dùng trong các bộ phim về cao bồi ([Rossini William Tell Overture Final](#)).

- **Light Cavalry Overture**: Một tác phẩm nổi tiếng của Franz von Suppé, tái hiện hình ảnh đoàn kỵ binh oai hùng ([Franz von Suppé - Light Cavalry - Overture](#)).

7.2. Nhạc Việt Nam.

LÝ NGỰA Ô (DÂN CA NAM BỘ)



- **Lý Ngựa Ô:** Một làn điệu dân ca quen thuộc với nhiều biến thể ở cả ba miền (Bắc, Trung, Nam), thể hiện sự gắn bó giữa người và ngựa trong đời sống văn hóa ([Lý Ngựa Ô - Dân Ca Nam Bộ](#)).

- **Ngựa Phi Đường Xa** (Sáng tác: Lê Yên): Ca khúc mang âm hưởng hào hùng, hồi hả của những bước chân ngựa trên dặm dài đất nước ([Ngựa Phi Đường Xa - Cao Minh](#)).

- **Chú Ngựa Gõ:** Giai điệu nhẹ nhàng về món đồ chơi quen thuộc của tuổi thơ ([Ngựa Gõ - Nhong Nhong Nhong](#)).

- **Vó Ngựa Trên Đồi Cỏ Non** (Sáng tác: Ngân Giang): Bản nhạc trữ tình nổi tiếng với hình ảnh chú ngựa tự do trên thảo nguyên, thường được trình bày qua giọng ca của các ca sĩ như Duy Khánh hoặc Quang Lê ([Quang Lê & Ngọc Hà - Vó Ngựa Trên Đồi Cỏ Non](#)).

7.3. Nhạc Quốc tế (Pop, Country, Rock)

- **Old Town Road** (Lil Nas X ft. Billy Ray Cyrus): Bản hit đình đám kết hợp Country và Trap với hình ảnh cưỡi ngựa xuyên suốt ([OLD TOWN ROAD \(Lời Dịch Anh Việt\) 2020 Grammy Award](#) // [Mashup Old Town Road & Ngựa Ô Thương Nhớ - Mây Bae](#)).

- **Wild Horses (The Rolling Stones / Susan Boyle):** Một bản ballad sâu lắng mượn hình ảnh "những chú ngựa hoang" để nói về sự kiên định và tình yêu ([Wild Horses - Susan Boyle - Lyrics](#)).

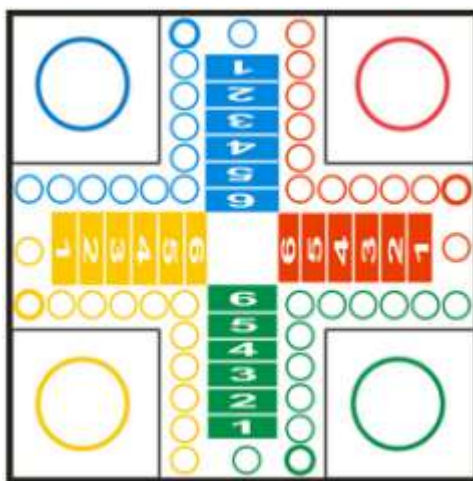
- **A Horse with No Name (America):** Bài hát kinh điển dòng Folk-rock kể về hành trình băng qua sa mạc ([America - A Horse With No Name \(Lyrics\)](#)).

- **Dark Horse (Katy Perry):** Sử dụng hình ảnh ngựa đen như một biểu tượng của sức mạnh bí ẩn và khó lường ([Katy Perry ft. Juicy J - Dark Horse](#) // [Katy Perry - Dark Horse \(Lyrics\)](#)).

8. Ngựa và môn cờ.

Môn cờ là một loại hình trò chơi trí tuệ có bàn cờ (E: board game) dành cho hai người hoặc nhiều người, dựa trên chiến lược, tư duy logic để di chuyển các quân cờ theo luật định, với mục tiêu nhất định. Đây là trò chơi phổ biến toàn cầu, giúp rèn luyện sự kiên nhẫn, tập trung và khả năng phán đoán.

8.1. Cờ cá ngựa: Cờ cá ngựa hay còn gọi là Cờ đua ngựa là một trò chơi giải trí với bàn cờ. Trò chơi này bắt nguồn từ trò Pachisi của Ấn Độ, du nhập sang Mỹ trở thành Parcheesi và phiên bản giản thể Ludo. Người Pháp gọi là Petits chevaux (ngựa nhỏ), cuối cùng du nhập sang Việt Nam và được gọi là Cờ cá ngựa. Trò chơi này có thể từ hai đến bốn người chơi, diễn ra trên một bàn cờ hình vuông.



Bàn chơi cờ cá ngựa



Xúc xắc

Một bộ cờ cá ngựa bao gồm:

- 1 bàn cờ hình vuông chia làm bốn phần mỗi phần một màu (xanh dương, vàng, đỏ và xanh lá).

- 4 viên xúc xắc.

- 16 quân cờ chia ra 4 màu giống như màu của bàn cờ, mỗi màu bốn quân. Vì gọi là Cờ cá ngựa nên các quân cờ đều làm hình con ngựa giống như quân mã trong Cờ vua.

Nguyên tắc chơi: Là di chuyển quân cờ của mình đủ 1 vòng ngược chiều kim đồng hồ quanh bàn cờ để về đến đích. Khả năng di chuyển nhanh hay chậm đều phụ thuộc vào lượt tung xúc xắc của mình. Người nào có đủ bốn quân cờ về đến đích đầu tiên và đã xếp đúng vào các ô số 6, 5, 4 và 3 trong chuồng là người thắng cuộc. Những người còn lại có thể chơi tiếp để tranh vị trí số 2 và số 3. Người về đích cuối cùng coi như thua cuộc.

8.2. Cờ vua.



Thế cờ ban đầu của cờ vua

Cờ vua (E: Chess), đôi khi còn được gọi là Cờ quốc tế để phân biệt với các biến thể như cờ tướng, là một trò chơi board game dành cho hai người. Sau thời gian phát triển từ các trò chơi cổ tương tự có nguồn gốc từ Ấn Độ và Ba Tư, hình thức chơi hiện tại của cờ vua bắt đầu xuất hiện ở Nam Âu ở nửa sau của thế kỷ 15. Ngày nay, cờ vua là một trong những trò chơi phổ biến nhất thế giới, được hàng triệu người trên toàn thế giới chơi tại nhà, ở câu lạc bộ, trên trực tuyến, qua thư từ, và trong các giải đấu. Cờ vua được yêu thích ở nhiều quốc gia, đặc biệt là ở Nga.

Trò chơi sử dụng một bàn cờ hình vuông chia thành 64 ô vuông nhỏ hơn với 8 hàng ngang và 8 hàng dọc. Mỗi người chơi sẽ bắt đầu với 16 quân cờ, bao gồm 8 tốt (chốt), 2 mã, 2 tượng, 2 xe, 1 hậu và 1 vua. Mục tiêu của người chơi là cố gắng chiếu hết vua đối phương. Vua được gọi bị "chiếu hết" khi đang bị chiếu mà không có cách nào thoát ra. Khi một người chơi bị chiếu hết, trò chơi kết thúc hay nói cách khác người chơi đó đã thua.

Cũng có một số trường hợp mà trò chơi có thể kết thúc với tỷ số hòa. Trong suốt ván cờ, hai người chơi thay phiên nhau di chuyển một quân cờ của mình đến một vị trí khác trên bàn cờ. Một người chơi sẽ cầm quân cờ màu trắng và người còn lại sẽ cầm quân cờ đen. Có các quy tắc nhất định về việc di chuyển các quân cờ cũng như việc ăn quân của đối thủ. Người chơi cầm quân cờ trắng sẽ đi trước. Do đó, người chơi cầm quân trắng thường sẽ có một lợi thế nhỏ và có tỷ lệ thắng cao hơn.

Cờ vua với hình thức có tổ chức xuất hiện vào thế kỷ 19. Ngày nay, việc thi đấu cờ vua quốc tế được quản lý bởi FIDE (Liên đoàn Cờ vua quốc tế). Năm 1886, Wilhelm Steinitz trở thành Nhà vô địch Cờ vua Thế giới đầu tiên được công nhận trên toàn thế giới; và đến nay, đương kim vô địch thế giới là Gukesh Dommaraju. Một phần lớn lý thuyết cờ vua đã được phát triển từ khi trò chơi ra đời. Nhiều khía cạnh nghệ thuật được tìm thấy trong bố cục cờ vua; cờ vua đã ảnh hưởng đến văn hóa và nghệ thuật phương Tây, cũng như có mối liên hệ với các lĩnh vực khác như toán học, khoa học máy tính và tâm lý học.

Ban đầu, một trong những mục tiêu của các nhà khoa học máy tính là tạo ra một cỗ máy chơi cờ. Năm 1997, sau khi đánh bại Garry Kasparov trong một trận đấu, Deep Blue trở thành máy tính đầu tiên đánh bại nhà đương kim vô địch thế giới. Mặc dù không hoàn hảo, nhưng các công cụ cờ vua ngày nay mạnh hơn đáng kể so với ngay cả những kỳ thủ giỏi nhất, và đã ảnh hưởng sâu sắc đến sự phát triển của lý thuyết cờ vua.

9. Ngựa trong văn học.

9.1. Ngựa trong tục ngữ – ca dao.

➤ Trong tục ngữ Việt Nam, ngựa cũng là con vật rất quen thuộc được dùng để ẩn dụ về cá tính cũng như đời sống của con người:

“Ngựa anh đi trước, võng nàng theo sau”: Câu này ý nói sự thành công, thành đạt của một sĩ tử sau kỳ vượt “vũ môn” và trên đường về quê để “vinh quy bái tổ”.

“Mồm chó, vó ngựa”: Câu này có ý nói về những người “ruột để ngoài da”, những người bạ đâu nói đó, những người không biết giữ miệng, nói không đúng lúc, không đúng chỗ và không đúng đối tượng.

“Như ngựa bất kham”: Câu này ý nói về những người hư hỏng, những người không biết vâng lời cha mẹ, khó giáo dục, khó dạy bảo.

“Thiếu voi phải dùng ngựa”: Ý nghĩa của câu này là chỉ những trường hợp bất đắc dĩ, vì không có cái tốt hơn nên phải dùng cái không tốt bằng vào việc đó. Câu này đồng nghĩa với câu: “Không có trâu bắt bò đi cày”.

“Mó dái ngựa”: Câu này ý nói những người đại dột, ngờ nghệch, ngớ ngẩn và thiếu thận trọng trong cuộc sống nên thất bại và đôi khi phải gánh tai họa vì sự thiếu hiểu biết của mình hoặc những người biết hậu quả không tốt nhưng vẫn cố tình làm.

“Ngựa hay có tật”: Câu này muốn nói những người có tài thường có những tật xấu và nó đồng nghĩa với câu “người có lắm tài cũng là người có nhiều tật”.

“Ngựa nào gác được hai yên”: Chỉ việc người ta không thể đồng thời phụng sự hai sự nghiệp lớn. Câu này tương đương với “Một gáo, hai chĩnh”.

“Ngựa non háu đá”: Câu này chỉ những người trẻ tuổi thường có tính cách hung hăng, vội vàng, hấp tấp, thiếu chín chắn và ắt sẽ dẫn đến thất bại. Câu này cũng đồng nghĩa với câu “Ong non ngựa nọc”.

“Ngựa quen đường cũ” hay “Ngựa quen dấu cũ”: Câu này muốn nói người ta không dễ dàng bỏ được một thói quen xấu. Câu này còn đồng nghĩa với câu: “Chứng nào tật nấy” hay “Giang sơn dễ đổi, bản tính khó dời”.

“Ngựa xe như nước...”: Câu này dùng để chỉ việc có nhiều người qua lại tại một nơi vào một thời điểm nào đó.

“Ngưu tầm ngưu, mã tầm mã”: Chỉ việc những người giống nhau về tính cách, phẩm chất thường tập hợp lại với nhau, tìm đến với nhau và cũng có nghĩa là những người xấu thường hay tụ tập với nhau.

“Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ”: Câu này nói về tình đoàn kết giữa những người trong cùng một nhóm hay một cộng đồng có chung tình cảm hay lợi ích với nhau nên họ quan tâm đến nhau.

“Thẳng ruột ngựa”: Nói về việc không úp mở, thẳng thắn vào đề luôn, không vòng vo hay không nói bóng nói gió.

“Chạy như ngựa vía” hay **“Chạy như ngựa”:** Ý nghĩa của câu này nói chạy rất nhanh một cách vội vã, nhưng không rõ mục đích.

“Da ngựa bọc thân”: Câu này thời xưa dùng để nói về một người lính đã ngã xuống trên chiến trường (xác họ thường được bọc trong da ngựa thay cho quan tài). Ngày nay người ta dùng để chỉ sự sẵn sàng hy sinh vì lý tưởng cao đẹp mà người đó đã chọn. Trong bài Hịch tướng sĩ, Trần Quốc Tuấn có viết: Dẫu cho trăm thân này phơi ngoài nội cỏ, ngàn xác này gói trong da ngựa, ta cũng cam lòng.

“Đầu trâu mặt ngựa”: Câu này dùng để chỉ những kẻ vô lại, kẻ đại bất lương, bất nhân và không còn tính người.

“Đơn thương, độc mã” - một ngựa với một cây thương: Câu này chỉ người một mình chống lại khó khăn, không có sự trợ giúp của bất kỳ ai.

“Đường dài hay sức ngựa”: Câu này ý nói cùng với thời gian, người ta có thể tạo lập cho mình những phẩm chất tốt, một đức tính hay, một sự kiên trì, bền bỉ phấn đấu. Câu này cũng đồng nghĩa với: “Đi lâu mới biết đường dài, ở lâu mới biết con người phải chăng” hay “Thức lâu mới biết đêm dài, ở lâu mới biết con người phải chăng”.

“Lên xe, xuống ngựa”: Câu này ý nói về một người có cuộc sống xa hoa, phú quý, đồng nghĩa với câu “Ra hán vào giày” hay “Chân giày, chân dép” hay “Mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao”.

“Mặt dài như ngựa” hay **“Mặt ngay cán tàn”:** Nói về việc một người đứng lạng trước cấp trên khi bị bắt quả tang đang hoặc vừa làm một việc sai trái nào đó.

“Thay ngựa đổi chủ”: Câu này dùng để chỉ một người rời bỏ một phe phái để đi theo một phe phái khác. Tức là người đó không có bản lĩnh vững vàng, không thủy chung, không có chính kiến hoặc có lòng phản phúc.

“Được đâu voi đòi đâu ngựa”: Nói về người có lòng tham không đáy hay không biết dừng lại đúng mức. Câu này đồng nghĩa với câu: “Được voi đòi tiên”, “Được đằng chân lân đằng đầu” hay “Được con em thèm con chị” hoặc câu “Có thịt đòi xôi”...

“Một lời nói ra bốn ngựa khó tìm” - Nhất ngôn ký xuất tứ mã nan truy: Câu này có nghĩa là một lời nói vô ý khi ra khỏi miệng rất khó có thể lấy lại được.

“Tái ông mất ngựa”: Có ý chỉ trong cái rủi có cái may. Câu này có nguồn gốc từ một câu chuyện kể về một người đánh mất con ngựa tưởng là vận hạn đến, nhưng sau một thời gian con ngựa trở về dắt thêm một con ngựa nữa.

“Cầm cương này mực” hay **“Cầm cân này mực”**, **“Đứng mũi chịu sào”:** Câu này chỉ người lãnh đạo gương mẫu và khôn ngoan, xử lý mọi việc một cách trung thực, chính xác, công bằng.

“Muốn đi xa phải giữ gìn sức ngựa”: Câu này dùng để khuyên người ta muốn trụ vững hay kéo dài một công việc gì thì cần phải biết dè xẻn sức lực cũng như tiền bạc.

“Quá ngựa” hay **“Con đĩ ngựa”:** Đây là từ lóng dùng để ám chỉ về những người phụ nữ có sức mạnh tình dục cao, hiếu dục (Ngựa là biểu tượng cho sức mạnh tình dục của phái nữ).

➤ Trong ca dao Việt nam, con ngựa được chủ yếu dùng thể thơ Lục bát, phản ánh tâm hồn, tình cảm, đời sống và kinh nghiệm sống của người dân, được lưu truyền qua nhiều thế hệ.

1. Ngựa hay chẳng quản đường dài,
Nước kiệu mới biết tài trai anh hùng.
2. Đường dài ngựa chạy biệt tăm,
Người thương có nghĩa trăm năm cũng về.
3. Tiếc thay con ngựa cao bành,
Để cho chủ ấy tập tành không nên.

4. Sông sâu ngựa lội ngập kiêu,
Dầu anh có phụ, có nhiều nơi thương.
8. Đường dài ngựa chạy cát bay,
Ngãi nhân thăm thăm một ngày một xa.
9. Em đã có chồng như ngựa đủ yên,
Anh chưa có vợ như chiếc thuyền nghiêng giữa vời.
10. Gập ghềnh nước chảy qua đèo,
Ngựa xô xuống biển, thuyền chèo lên non.

9.2. Ngựa trong tiểu thuyết.

Đã từ lâu, con ngựa gắn bó với con người, giúp con người tăng tốc độ, kiếm sống, đánh trận và tăng thêm vẻ đẹp cho con người nên hình ảnh con ngựa đã được thể hiện đậm nét trong nhiều tác phẩm văn học nổi tiếng như con ngựa Rocinante trong tiểu thuyết Don Quijote là tiểu thuyết của văn sĩ Miguel de Cervantes Saavedra (1547-1616), ngựa Ô Chùy của Hạng Võ, Xích Thố của Quan Vân Trường... gần gũi hơn với người đọc Việt Nam là Con ngựa sắt trong truyện Thánh Gióng – con ngựa bay lên trời sau khi đánh thắng giặc ngoại xâm!.

Tuy vậy, những con ngựa vừa kể chỉ được thể hiện như là phương tiện, là vật trang sức cho con người. Trong văn học Việt Nam hiện đại có hai truyện ngắn đã thể hiện con ngựa như là một “nhân vật” có máu thịt, có tình cảm đến mức, khi nó phải vĩnh biệt cõi đời, hẳn không ít độc giả đã rơi nước mắt.

Truyện thứ nhất là của cây đại thụ trong làng văn Việt Nam: nhà văn Nguyễn Công Hoan. Truyện có tựa đề **“Con ngựa già”** viết năm 1938. Ông kể lại một kỷ niệm hồi nhỏ, khi có dịp quan sát con ngựa ô của quan huyện đã mua lại của một ông Tây. *“Vì lẽ đó nó cũng có tên là ngựa tây... Nó không hiền lành như ngựa ta. Nó dữ, khỏe mạnh và hung hăng lắm. Nó đã cắn đã đá cho nhiều người lính hầu cai quản nó, thậm chí có lần nó đánh đổ xe khiến bà quan huyện lăn kềnh. Chỉ riêng với ông huyện là nó chịu thuận*

phục và đã mấy lần cứu ông thoát nạn...Đó là những câu chuyện tác giả nghe kể lại, còn "cao trào" hoặc là điểm thắt nút của truyện là cảnh mấy người lính chôn sống con ngựa, khi nó về già, đau ốm. Đau đớn hơn là do cái huyết đào ngăn và cạn, phải gô cổ nó mới nhét xuống, còn "bốn cái chân lêu đêu chổng lên trời..", một anh lính "giật lấy dao và giơ thẳng cánh, chặt đôm đốp vào đầu con vật. Nó đau quá, giãy lên...Xương trắng và thịt đỏ chồi ra...con ngựa tưởng có thể chạy trốn khỏi sự đau đớn, nên nó dùng hết sức tàn để bám bằng bốn cẳng cụt. Nó bám nhanh biến như lúc nó phi nước đại. Tiếng cười và vỗ tay giòn tan..."

Tác giả mô tả cảnh thương tâm ấy với con mắt hồn nhiên của đứa trẻ chín, mười tuổi, với giọng văn vô cảm. Ông không một lời chê trách, phê phán mấy tên lính và không khoác áo đạo đức cho "đứa trẻ chín, mười tuổi". "Khi không cười được nữa, người ta lại bổ lưỡi dao vào mặt nó để nhắc nó chạy đi. Quả nhiên, nó lại lấp bắp bốn cẳng trên không và tiếng cười lại nổi lên rầm rĩ, Tôi cười, nhảy lên mà cười, vỗ tay mà cười. Vui quá!..." Nhưng trước cảnh con ngựa giãy chết, chính những tiếng cười ấy lại làm chúng ta xót xa đến rơi nước mắt!

Truyện thứ hai là của Tròn mười năm sau, năm 1948, nhà văn Trần Công Tấn viết truyện ngắn đầu tay **"Con ngựa của tôi"** viết năm 1948, tức tròn mười năm sau. Truyện được in trong mục "Kỷ niệm sâu sắc của tôi" trên báo "Quân đội nhân dân" sau đó được dịch in ở tạp chí Europe (Châu Âu) và một số nước khác. Cũng từ những hồi ức của tác giả thời thơ ấu và kết cục là cảnh con "Thiệt mã" bị giết chết, nhưng ý nghĩa của truyện lại khác hẳn.

Năm 1945, chàng quân báo Trần Công Tấn được giao con Thiệt mã, vốn là ngựa của nhà binh Nhật đầu hàng giao lại cho Việt Minh. "*Nó rất thông minh...biết nằm rạp xuống đất khi địch bắn, biết cách chạy tránh đạn và biết cả nghiêm, nghỉ đi đều bước theo khẩu lệnh. Vì thế, tôi quý nó như một người bạn chiến đấu...*". Nhưng sau ngày Mặt trận Huế vỡ, lực lượng cách mạng phải rút lên chiến khu, cuộc sống cực kỳ gian nan, "đơn vị đã hết nhẵn lương ăn, phải mổ ngựa ăn với rau rừng, con ngựa thứ sáu đã bị bắn chết, rồi đến con thứ bảy, thứ tám. Mỗi lần nghe tiếng súng giết ngựa, tiếng dao

thốt đốn lộc cộc vào sườn ngựa, lòng tôi càng rối lên. Tôi lo cho số phận Thiết Mã. Tuy thế vẫn chưa đến phiên nó chỉ vì lý do: trong đơn vị, tôi bé nhất, mới mười ba tuổi..."

Thế rồi vào một chiều mưa lạnh, sau hai tiếng súng, "tôi nghĩ đến Thiết Mã. Tay chân rã rời bủn rủn... Tôi rẽ đám đông bước vào ôm cổ ngựa khóc òa lên. Mắt Thiết Mã mở trừng trừng, máu nó ứa trên ngực, trên đầu... Chị Diêm liền đến ôm lấy tôi. Chị cũng khóc, chị nói: "Đừng khóc em ạ. Em muốn các anh chị sống để đánh giặc hay phải chết đói ?..."

Cái chết của Thiết Mã là một sự hy sinh vì nghĩa lớn, vì sự sống của nhiều người, nhưng với cậu chiến sỹ quân báo trẻ tuổi, thì đó vẫn là một bi kịch, một nỗi xót xa không dễ nguôi ngoai: "Rét chiến khu vẫn kéo dài. Đêm đến, gió lạnh, tôi khoác chiếc bao tải đệm lưng Thiết Mã còn ấm hơi. Nhớ nó, tôi ước mình sẽ có con ngựa khác, óc tôi lại hiện lên từng đoàn kỵ binh gươm tuốt trần vung lên, xông tới trước kẻ thù".

Với "Con ngựa của tôi", sự hy sinh gian khổ của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp được thể hiện một cách sắc nét và độc đáo. Một câu chuyện thương tâm mà vẫn ấm áp tình người. Cũng có thể đây là một vở "bi kịch lạc quan".

Trong văn học Việt Nam hiện đại, con ngựa được lấy làm tên truyện còn phải kể "Con ngựa bốn vó trắng" – tiểu thuyết của Văn Linh – và gần đây là "Con ngựa Mãn Châu" của Nguyễn Quang Thân, nhưng trong hai tiểu thuyết này, con ngựa không phải là trung tâm của câu chuyện. Nhà văn Nguyễn Công Hoan còn có truyện ngắn "Ngựa người và người ngựa" rất nổi tiếng, nhưng truyện này không hề nói gì đến ngựa, chỉ là số phận của hai con người - gã kéo xe và ả gái điếm - phải sống kiếp ngựa mà thôi!

Suy cho cùng thì cả hai truyện ngắn "Con ngựa già" và "Con ngựa của tôi" cũng chỉ là truyện về con người, về tiếng cười, tiếng khóc của con người trong những hoàn cảnh oái ăm. Dù sao thì người đọc có lẽ cũng nên biết ơn các tác giả đã khéo dùng con ngựa để giúp con người có dịp hiểu rõ mình hơn. Phải! Không có con ngựa thì đã không có hai truyện ngắn ấy lưu lại cho hậu thế.

(Trích bài của N.K.P - Nguyễn Khắc Phê)

9.3. Ngựa trong thi ca.

Trong tác phẩm Truyện Kiều, thi hào Nguyễn Du đã có ít nhất 24 lần nhắc đến loài ngựa, như:

Ngựa xe như nước áo quần như nêm (câu 48).

Đầu trâu mặt ngựa ào ào như sôi (câu 378).

Vó câu thẳng ruổi nước non quê người (câu 1602).

Ngựa gắn liền với rất nhiều nền văn hóa, với những đặc ngữ quen thuộc. Trong các loại ngựa hoang, ở tột đỉnh của sự thăng hoa, hình ảnh ngựa trắng là vật cưỡi của các anh hùng, thánh nhân vĩ đại. Trong sử thi Chăm Akayet Dewa Murno, hoàng tử Dêva cưỡi ngựa trắng bay, lao vào cuộc chiến, vượt qua mọi trở lực và đánh thắng mọi kẻ thù, mang thanh bình cho quê hương. Thời hiện đại, ngựa được các nhà phân tâm học biến thành biểu tượng của tâm vô thức hoặc linh hồn phi nhân tính, hay cao hơn: Sự cuồng nhiệt vô bờ của dục vọng bất khả cưỡng.

Trong văn chương Việt Nam hiện đại, trước hết, ngựa biểu tượng cho tinh thần tự do, mơ mộng đắm chất lãng mạn. Từ ngựa của Xuân Diệu thời Thơ Mới: *Và hồn tôi như ngựa trẻ không cương/ Con ngựa chiến ngất ngây đường viêu viễn*. Sang Hoàng Hưng thời hiện đại chủ nghĩa, ngựa đã là ngựa cô độc đầy kiêu hãnh lạc giữa tập thể bầy: *Em là con ngựa non thon vó/ Lạc giữa rừng người hoang vu*.

Nhưng dẫu lãng mạn hay kiêu hãnh tới đâu, con ngựa vô thức vẫn bị nhốt chặt giữa cộng đồng bầy đàn, bởi dè nén và chịu ức chế bởi muôn vàn trói buộc. Sự cuồng nhiệt vô bờ của dục vọng bị nén chặt bởi bao khuôn phép của xã hội và nhân quần, ngựa cần phải bùng phá, xô lồng để thể hiện tối đa tiềm lực của mình. Thời đại hôm nay sẵn sàng cho ngựa tinh thần mới đó. Trong thơ ca, các nhà thơ trẻ đương đại đã làm được gì?

Từ Trần Lê Sơn Ý:

Thức dậy đi hồi chú ngựa non của đồng ngực trẻ

Thức dậy và tung bồm cất vó

Phóng như điên...

Thức dậy đi ơi chú ngựa đã ngủ sâu trong đáy tim nhiều năm tháng.

(Bài ca ngựa non, Thơ hôm nay, NXB Đồng Nai, 2003, tr. 213)

Cho đến tận ngựa của Khương Hà:

Em là con ngựa bất kham vừa chạy trốn vừa chạy theo những ám ảnh...

(Khương Hà, Bên trái là đêm, Dự báo phi thời tiết, NXB Hội Nhà văn, 2006, tr. 32)

Ngựa của các bạn thơ nữ trẻ hôm nay nhất tề đòi tháo cũi sổ lồng. Cho mọi sức sống trào lên, tràn ra, phun vọt mà không phải bị nén lại bởi bất kỳ lực cản nào. Lâu nay đời sống và cả thơ ca bị gò bó, đóng khung trong ngôi nhà chật chội, thể thức chật hẹp. Ta đã từng cựa quậy, nhưng vùng vẫy thế nào rồi cũng bị vướng kẹt. Với chung quanh và cả với chính ta. Ta Thơ Mới, nhưng mới thế nào rồi cũng cũ. Ta thơ tự do, nhưng tự do ta vẫn lớn lên từ tiếp nhận truyền thống. Nghĩa là vẫn bị vướng kẹt. Phải tự do, tự do tuyệt đối, là thế. Cần "phóng như điên..." là vậy. Ngựa năm nay có hứa hẹn một khám phá mới, thành tựu mới cho văn học Việt Nam?

Dưới đây là bài thơ mang tính triết lý tựa là "Góa phụ" của Đặng tử Tô Thùy Yên, sáng tác khoảng cuối thập niên 1960. Tô Thùy Yên tên thật là Đinh Thành Tiên, sinh năm 1938 tại Gò Vấp (Sài Gòn), mất năm 2019 tại Texas, là cựu học sinh Trung học Petrus Trương Vĩnh Ký, và theo học ở Trường Đại Học Văn Khoa Sài Gòn, Ban Văn Chương Pháp.

Ông bắt đầu có thơ đăng trên báo Đời Mới (thập niên 1950) trước khi xuất hiện và nổi tiếng trên tạp chí Sáng Tạo. Tô Thùy Yên, Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền là những người nòng cốt của nhóm Sáng Tạo, một nhóm sáng tác đã từng được biết đến với phong trào khai sinh "Thơ Tự Do" trên văn đàn miền Nam vào thập niên 1960. Ông là người miền Nam duy nhất trong nhóm Sáng Tạo.

*Con chim nhào chết khô trên cửa,
Cửa đóng tự ngàn năm bất âm,
Như đạo bùa thiêng yếm cổ mộ
Sao người khai giải chưa về thăm?*

*Em chạy tìm anh ngoài cõi gió
Lửa oan khóc giỡn cười ghê hồn,*

*Tiếng kêu đá lở long thiên cổ
Cát loạn muôn trùng xóa dấu chôn*

*Em độc thoại lời kinh ánh xanh.
Trắng lu, khuya mới, nén nhang tàn.
Chó tru thăm thăm ngậy thiên địa.
Mái ngói nghiêng triển trái rụng lặn.*

*Ngọn đèn hư ảo chong linh vị
Thắp trắng thời gian mái tóc em
Tim đập đuổi ngoài thân nổi lạnh
Hồn xa con đóm lạc sâu đêm.*

*Cỏ cây sống chết há ta thán
Em khóc hoài chi lẽ diệt sinh?
Thảng như con ngựa già vô dụng
Chủ bỏ ngoài trắng đứng một mình*

10. Ngựa trong tín ngưỡng – tôn giáo.

10.1. Ngựa trong tín ngưỡng.

Trong quan niệm cổ xưa, ngựa là con vật có bản tính mau lẹ, hăng hái, sung mãn, được xếp dưới nguyên lý Dương của tự nhiên, và được coi là biểu trưng cho yếu tố Hỏa. một số nơi người ta dùng biểu tượng ngựa để tượng trưng cho Mặt Trời, có nơi, ngựa là vật hiến tế trong tín ngưỡng thờ thần Mặt Trời. Sự mau lẹ của con ngựa cùng với sức mạnh và năng lực có thể đi được chặng đường rất xa của nó khiến cho người ta gán cho nó những tên gọi như Gió Tây, Chân Mau, Tia Chớp, Thiên Lý Mã, Phi Mã...

Ngựa là linh vật liên quan mật thiết với nước. Từ con vật đời thường, với bản tính tốt đẹp mà con người đã gán cho nó, thần thánh nó, huyền thoại nó do đó ngựa đã trở thành hình tượng nghệ thuật, trở thành con vật linh thiêng, hoá thân vào đời sống văn hoá tâm linh.



Bellerophon cưỡi ngựa Pegasus tiêu diệt Chimera, phù điêu trung tâm của một bức tranh khảm Gallo-Roman từ Autun, Bảo tàng Rolin , thế kỷ thứ 2 đến thế kỷ thứ 3 sau Công nguyên.

- Người ở Phương Tây quan niệm rằng ngựa có cánh xuất phát từ con ngựa có cánh của thần thoại Hy Lạp.
- Người ở Tây Âu, Nam Á, mơ thấy ngựa hoặc ra đường gặp ngựa là điềm may.
- Người ở bộ tộc Bouriate có tập tục buộc ngựa của người mắc bệnh vào gần chỗ bệnh nhân nằm để chóng khỏi.
- Người La Mã thường cúng thần Mars một con ngựa trước cuộc xuất binh hoặc mùa thu hoạch để hy vọng thắng lợi.
- Người Ailen, trong ngày lễ thánh Jean, người nông dân hân hoan rước và chào đón một chú ngựa to làm bằng gỗ, mà theo họ là biểu tượng cho tất cả gia súc.

- Người ở Nam Âu quan niệm con ngựa nào đi qua vùng hạn hán mà đột nhiên dừng lại, đập mạnh ngón chân xuống đất thì trời sắp mưa hoặc có mạch nước ngầm gần đó.

- Người ở bộ tộc Bambara ở Mali trong các lễ cầu mưa thường cưỡi những con ngựa gỗ có cánh tượng trưng cho các thần linh mà họ cầu khẩn đem mưa tới.

- Người ngư dân ở Ấn Độ, Hy Lạp, Nga... muốn đánh bắt được nhiều cá thường cúng dâng ngựa cho thần biển, thần sông.

- Người Mông (Việt Nam) xem ngựa là vật duy nhất hóa thành chiếc cáng đưa người chết về cõi vĩnh hằng. Ngựa còn là biểu tượng cho sự mau lẹ, sức mạnh, nghị lực, sáng tạo, giàu sang.

- Người dân Mông Cổ coi ngựa là điển hình của sự thông tuệ và hùng hậu.

- Người ở các bộ tộc Ural - Altai (Bắc Á) coi ngựa là biểu tượng tươi trẻ, là chủ thể sung mãn trong sinh sản.

- Người dân Hồi giáo ở Đông Nam Á cũng có tục thờ ngựa, họ coi ngựa là con vật linh thiêng.



Di chỉ về ngựa của người Hồi giáo

Ngựa là một trong những chòm sao của hoàng đạo phương Tây, nó được hình tượng hoá qua người bắn cung Sagittarius xuất hiện ở vòng cung thứ chín dưới dạng hình nhân mã, cũng tương tự như cung ngọc trong mười hai cung của phương Đông.

Một dáng hóa thân khác của kỳ lân là con long mã, bao giờ cũng được thể hiện chạy trên sóng nước (lấy từ tích Vua Vũ trị thủy). Người ta thường hiểu rằng: long là rồng, rồng thì bay lên, nghĩa là tung, tượng trưng cho kinh tuyến, thời gian - mã là ngựa, chạy ngang, là hoành, tượng trưng cho vĩ tuyến, không gian. Như vậy long mã tượng trưng cho sự tung hoành của nam nhi, cho thời gian và không gian, long mã chạy là biểu hiện cho vũ trụ vận động, đồng thời tượng trưng cho thánh nhân. Ở Việt Nam còn có đền Bạch Mã - thờ thần chính khí Long Đỗ, hay thành hoàng Hà Nội gốc. Ngựa trắng - là biểu tượng thần thoại của mặt trời.



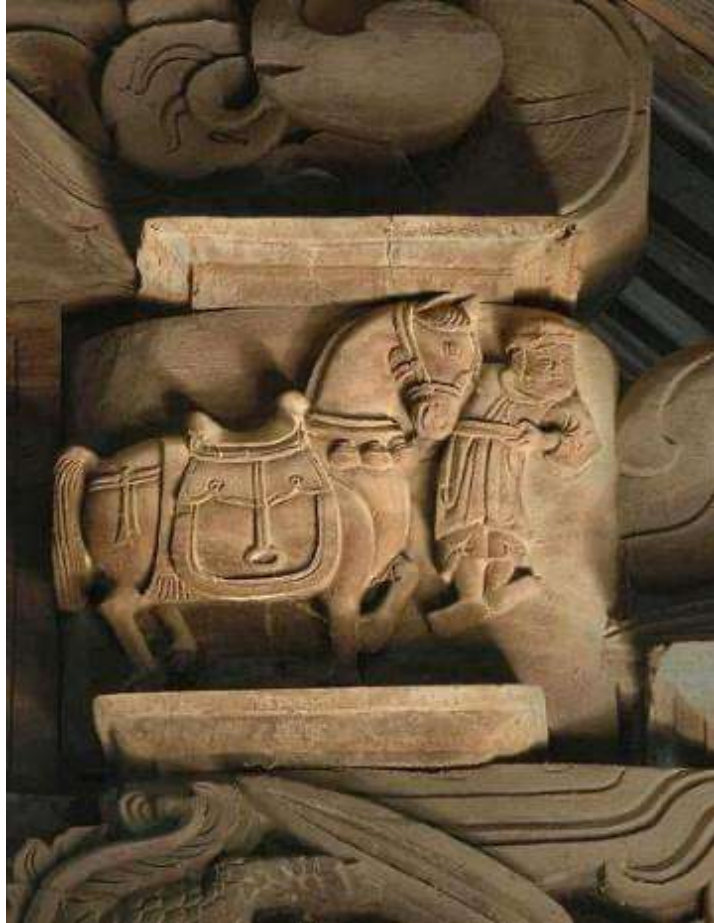
Ngựa trắng được thờ trong đền Bạch Mã

Hình tượng ngựa của Việt Nam cổ nhất có thể tìm thấy qua những nét vẽ còn để lại trong những viên gạch (vẽ để làm khuôn đúc) thuộc mỹ thuật Đại La được phát triển trong thời Bắc thuộc (từ thế kỷ II TCN đến thế kỷ X). Trong mỹ thuật Đại La người ta cũng tìm thấy nhiều di tích vẽ ngựa khác hoặc in trên những mảnh gốm, hoặc đúc thành những mảnh trang trí nhỏ gắn vào các kiến trúc đời này. Tượng đồng ngựa xưa nhất lại tìm thấy trên các vật dụng thờ ở Huế từ thế kỷ thứ XI.[6] Trên đồ gốm cổ Việt Nam cũng trang trí những hình ngựa có cánh, những con ngựa này được diễn tả trong tư thế đang bay trong không trung, con ngựa trong nghệ thuật gốm Việt Nam cũng hoá thân vào

huyền thoại, và ít nhiều nó đã mang màu sắc tôn giáo như con ngựa trong văn hoá Ấn Độ hay văn hoá Trung Quốc.



Câu Hiền, đình Hoành Sơn, Nghệ An



Quản ngựa, đình Hoành Sơn, Nghệ An

Hình tượng ngựa xuất hiện sớm nhất của mỹ thuật Việt Nam là vào khoảng giữa thế kỷ XI ở chùa Phật Tích (Bắc Ninh). Ngựa còn thấy xuất hiện trên đài sen, ở đất Phật, được Phật giác ngộ rồi tự nguyện chở kinh đi khắp nơi để giáo hóa chúng sinh. Hình tượng ngựa trong chùa cổ ở Bắc Bộ quan sát hệ thống kiến trúc cổ ở Bắc Bộ, rất dễ dàng tìm thấy hình ảnh về ngựa khắc trên vách, bức cốn, cửa vồng của chùa chiền. Ngựa tạo hình dân gian ở chùa chiền lắm kiểu cách, phổ biến nhất là loại ngựa thờ như "vân mã" (ngựa bay trên mây), "mã hầu" (khỉ ngồi trên đuôi ngựa), những mô típ "bát mã quần phi", "long mã", hay các loại ngựa bạch, ngựa hồng để biểu hiện cho quan hệ âm-dương, nóng-lạnh, lửa-nước. Ngựa thờ bằng gốm men thời Lý cũng được tìm thấy ở chùa Phật Tích. Sau thời nhà Lý, hình tượng con ngựa cũng vì thế mà ít được thấy trong nghệ thuật đương thời.



Tượng thờ ngựa đỏ tại chùa Từ Hiếu ở Huế

Trong các ngôi chùa cổ, hiện diện rất phổ biến những đôi ngựa bạch và ngựa hồng tạo tác bằng gỗ để biểu hiện cho quan hệ âm-dương. Tại tòa Tam bảo chùa Thầy (Hà Nội), tượng ngựa đỏ bày ở gian phải tòa Thượng điện và tượng ngựa trắng bày ở một gian nhỏ tại Tiền Đường có cửa trang trí con tiện để đứng ngoài vẫn thấy bên trong. Ngựa gỗ ở chùa Thầy (ngựa đỏ) Hai tượng ngựa được tạo tác với hình dáng và kích thước khá giống nhau: cao 2,1 m; dài 1,47 m; ngực rộng 0,94 m; đều có niên đại thế kỷ XIX.



Tượng Mã đầu Quán Âm ở chùa Cát Quế

(Hoài Đức - Hà Nội)

Ở chùa Hương Trại (Hoài Đức, Hà Nội), có tượng Quán Thế Âm đứng cạnh ngựa cũng được xếp vào nhóm tượng Mã đầu Quán Âm. Ở Bắc Bộ đã thống kê được 7 pho tượng như vậy, cùng niên đại thế kỷ XIX, được làm từ hai chất liệu gỗ và đất với chiều cao trung bình 90–110 cm, ngang vai 27–30 cm.

10.2. Ngựa trong Ấn giáo.



Người theo đạo Hindu cho rằng ngựa gần với các vị thần.

Theo Veda của Ấn Độ có vị thần Ashvin hiện thân cho tri thức mang dáng dấp đầu người mình ngựa (nhân mã). Thần Ashvin đầu ngựa liên quan với sự luân phiên đêm-ngày, là con trai của Saranya - vị nữ thần của những đám mây, vợ của thần Mặt Trời Surya. Họ biểu trưng cho ánh sáng chói lọi, sáng ngời của bình minh và hoàng hôn, hiện ra trên bầu trời trước rạng đông trong cỗ xe ngựa bằng vàng, mang châu báu đến cho con người, ngăn ngừa rủi ro, bất hạnh và bệnh tật.

Hình tượng con ngựa cũng có mối quan hệ mật thiết đến các vị thần thiên tượng của Hindu như: cỗ xe của thần Mặt Trời Surya kéo bởi một hay bảy con ngựa được ghi trong Rig-Veda mà theo một số nguồn tư liệu những con ngựa này có màu trắng hay màu cầu vồng. Cỗ xe thần Gió Vayu cũng được kéo bởi hàng nghìn con ngựa.



Thần Kalki/Kalkin, vị thần biểu trưng cho tương lai, hóa thân thứ 10 của thần Vishnu là con ngựa trắng. Phần nào con ngựa cũng biểu trưng cho chu kỳ chuyển động của mặt trời, tức sự chiếu sáng, nguồn ánh sáng mang lại sự sống cho vạn vật, tiêu trừ những tai chứng, bệnh dịch.

Hình tượng con ngựa ở đây dường như cũng bao hàm cả ý nghĩa lớn lao này. Con thiên mã màu trắng biểu thị cho bản năng đã được kiểm soát, được làm chủ, được thăng hoa, theo luân lý mới, nó là thành quả cao quý nhất của con người. Con ngựa là vật cưỡi, là phương tiện vận chuyển, là con tàu, và số mệnh của nó không thể tách rời số mệnh con người. Ở tột đỉnh của mọi sự thăng hoa, thăng thượng, con ngựa trắng là hình ảnh tượng trưng cho sự uy nghi, là vật cưỡi của các anh hùng, các thánh nhân, những người lập nên những kỳ công tinh thần.

10.3. Ngựa trong Phật giáo.

Trong Phật giáo, con ngựa không chỉ là một loài vật mà còn mang nhiều ý nghĩa biểu tượng sâu sắc về sự tu tập, lòng trung thành và các tầng bậc giác ngộ. Con ngựa thường là ẩn dụ về tâm thức con người hoặc các căn tính của người tu hành. Nó tượng

trưng cho sức mạnh, sự trung thành, kiên định và khả năng chịu đựng gian khổ để vượt qua khó khăn.

Dưới đây là những hình ảnh và ý nghĩa chính của con ngựa trong Phật giáo:

1) Ngựa Kanthaka (Kiền Trắc), ngựa Balaha.



Ngựa Kiền Trắc là con ngựa nổi tiếng nhất, gắn liền với cuộc đời Đức Phật Thích Ca. Kiền Trắc là người bạn đồng hành trung thành đã đưa Thái tử Tất Đạt Đa rời kinh thành đi tìm đường cứu khổ.

Kiền Trắc tượng trưng cho sự tận tụy và lòng trung thành tuyệt đối. Theo truyền thuyết, sau khi đưa Thái tử vượt sông và phải chia tay, ngựa Kiền Trắc vì quá thương nhớ chủ nên đã kiệt sức và qua đời, sau đó được tái sinh vào cõi trời.

Hình ảnh con ngựa cũng được dùng để biểu thị nghị lực, sự trung thành và bền bỉ, không ngại gian khổ trên con đường tìm cầu giác ngộ.

Ngoài ra, ngựa cũng xuất hiện trong các câu chuyện tiền thân của Đức Phật (Jataka) như chú ngựa Balaha cứu người khỏi đảo quỷ, tượng trưng cho hạnh nguyện cứu độ chúng sinh.

2) Ngựa biểu tượng của tâm thức.

Hình ảnh con ngựa mạnh mẽ nhưng mê lầm hoang dại, khó kiểm soát, thường được ví với tâm trí con người là "Tâm mã" – tâm như ngựa chạy (hay "Tâm viên Ý mã") cần được "thuần hóa" (chế ngự) thông qua việc tu tập.

Sự điều phục huấn luyện ngựa ví như quá trình tu tập để kiểm soát tâm ý, hướng vào con đường chánh đạo. Đức Phật còn được gọi là Điều Ngự Trượng Phu, người có khả năng thuần hóa mọi chúng sinh "bất trị" như cách người ta thuần hóa ngựa.

Trong kinh Pháp Cú, bài kệ 29 nói:

*Tinh cần giữa phóng dật,
Tinh thức giữa quần mê.
Người trí như ngựa phi,
Bỏ sau con ngựa hèn.*

3) Ý nghĩa về ngựa trong các tông phái.

- Ngựa trắng (Bạch mã): Trong truyền thống Mahayana, ngựa trắng gắn liền với sự truyền bá Phật pháp vào Trung Hoa (Chùa Bạch Mã) và tượng trưng cho sự thanh khiết, công đức.

- Ngựa gió (Lungta): Trong Phật giáo Tây Tạng, hình ảnh "ngựa gió" chở viên ngọc như ý trên lưng tượng trưng cho sự chuyển hóa vận may và năng lượng tâm linh lan tỏa khắp thế gian.

Ngoài ra, ngựa còn được xem là một trong "Thất bảo" (bảy món báu) của một vị Chuyển Luân Thánh Vương, tượng trưng cho sức mạnh và khả năng di chuyển nhanh chóng để giáo hóa chúng sinh.

4) Các bài kinh dẫn dụ về Ngựa.

1. Bốn loại ngựa trong kinh Gây Thúc Ngựa (Tăng Chi Bộ kinh).

Trong kinh Tăng Chi Bộ, bài kinh Gây Thúc Ngựa, Đức Phật dùng hình ảnh bốn loại ngựa để ví với bốn hạng người tu hành dựa trên sự nhạy bén đối với khổ đau và cái chết:

- Loại 1 (Thấy bóng roi đã chạy): Ngựa chỉ cần thấy bóng roi đã chạy, ẩn dụ người chỉ cần nghe về cái chết của người khác đã biết lo tu tập.

- Loại 2 (Quất roi mới chạy): Ngựa phải đợi roi chạm vào lông mới chạy, ẩn dụ người nhìn thấy tận mắt cái chết mới thức tỉnh.

- Loại 3 (Đánh mới chạy): Ngựa phải đợi roi đánh vào thịt mới chạy, ẩn dụ người có người thân qua đời mới biết sợ hãi mà tu hành.

- Loại 4 (Đập mới chạy): Ngựa phải đợi roi đánh thấu xương mới chạy, ẩn dụ người phải tự mình trải qua bệnh tật, khổ đau tột cùng mới chịu tìm đường giải thoát.

2. Bốn loại ngựa trong phẩm kinh Kesi (Tăng Chi Bộ kinh).

Trong kinh Tăng Chi Bộ (Anguttara Nikāya), phẩm Tứ (Catukka Nipāta), chương Kesi (Kesi Vagga), bài kinh số 111 (AN 4.111) có ghi:

Hôm nọ, có một chàng trai tên Kesi đến viếng Phật. Biết anh làm nghề luyện ngựa, Đức Đạo Sư bèn hỏi thăm anh về khả năng chuyên môn. Nghe đúng sở trường, Kesi thao thao giảng giải về bí quyết nghề nghiệp của mình:

- Bạch Thế Tôn, con thường chia ngựa ra làm bốn loại:

1. Loại được nhiếp phục bằng lời mềm mỏng.
2. Loại được nhiếp phục bằng lời thô ác.
3. Loại được nhiếp phục bằng lời mềm mỏng lẫn thô ác.
4. Loại bất trị, không thể nhiếp phục nổi. Với hạng này chỉ còn cách đem giết thịt để khỏi mất danh dự của nhà luyện ngựa”.

Xong, Kesi hỏi Phật về cách nhiếp phục hàng môn đệ. Đức Đạo Sư đáp rằng, Ngài cũng chia hàng đệ tử ra làm bốn loại:

1. Hạng người được nhiếp phục bằng lời mềm mỏng: khi được chỉ dạy về các việc thiện của thân, khẩu, ý cùng các quả báo tương ứng ở cõi trời, người, họ liền tinh cần tu tập.

2. Hạng người được nhiếp phục bằng lời cứng rắn: khi được chỉ dạy về các hành động bất thiện của thân, khẩu, ý, cần nên tránh vì chúng sẽ đưa đến quả báo tương xứng nơi ba đường ác.

3. Hạng người được nhiếp phục bằng lời mềm mỏng lẫn cứng rắn: bao gồm cả hai lỗi trên.

4. Hạng người bất trị, không thể nhiếp phục bằng lời mềm mỏng hay cứng rắn, thì đành phải giết đi.

Nghe đến đây, Kesi hốt hoảng hỏi: - Nhưng, bạch Thế Tôn, tại sao lại giết đi? Há không phải Ngài thường khuyên răn hàng môn đệ nên trì giới bất sát đó sao?

- Này chàng trai, trong giáo pháp của ta, giết đi chỉ có nghĩa là không thêm nói tới, vì đương sự không xứng đáng để bỏ công dạy dỗ, nhắc nhở nữa.

3. Tám loại ngựa bất trị trong Luật Tạng.

Trong Luật Tạng (Vinaya Pitaka), Đức Phật mượn hình ảnh tám loại ngựa bất trị (ngựa chứng) để ví von với những thói xấu của các vị Tỳ-kheo khi bị góp ý hoặc buộc tội. Dưới đây là tám loại ngựa bất trị và các hành vi tương ứng ở con người được mô tả trong Kinh Ngựa Chừa Điều Phục (Khaṇḍika Sutta - Tăng Chi Bộ):

1. **Ngựa thụt lùi:** Khi bị thúc đi, nó lại lùi lại. Tương ứng với hạng người khi bị chỉ lỗi thì **phủ nhận**, cho rằng mình không phạm lỗi.

2. **Ngựa nhảy vọt:** Khi bị thúc, nó nhảy vọt lên để hất người cưỡi. Tương ứng với hạng người khi bị chỉ lỗi thì **phản kháng**, đổ lỗi ngược lại cho người nhắc nhở.

3. **Ngựa chà sát:** Nó cọ sát vào cột hoặc cây để làm đau người cưỡi. Tương ứng với hạng người khi bị chỉ lỗi thì **tranh cãi**, dùng lời lẽ gay gắt để tấn công người chỉ lỗi.

4. **Ngựa nằm lì:** Nó nằm xuống đất không chịu đi. Tương ứng với hạng người khi bị chỉ lỗi thì **im lặng một cách bướng bỉnh**, không chịu hối lỗi hay sửa đổi.

5. **Ngựa chạy lông:** Nó chạy hỗn loạn không theo hướng nào. Tương ứng với hạng người khi bị chỉ lỗi thì **bỏ đi**, không muốn tiếp tục nghe lời khuyên bảo.

6. **Ngựa cắn dây cương:** Nó dùng răng cắn chặt dây cương để người cưỡi không điều khiển được. Tương ứng với hạng người khi bị chỉ lỗi thì **thách thức**, cho rằng người khác không có quyền phán xét mình.

7. **Ngựa đứng như cột:** Nó đứng im phăng phắc, không tiến cũng không lùi để trêu người. Tương ứng với hạng người khi bị chỉ lỗi thì **không xác nhận cũng không phủ nhận**, gây khó khăn cho tập thể.

8. **Ngựa tự gây thương tích:** Nó quỳ xuống hoặc làm mình bị thương để người cưỡi phải bỏ cuộc. Tương ứng với hạng người khi bị chỉ lỗi thì **tự hành hạ bản thân** hoặc tuyên bố **hoàn tục** để trả đũa, khiến người nhắc nhở cảm thấy tội lỗi.

Các ví dụ này được dùng để giáo hóa các tu sĩ giữ vững Giới luật và duy trì sự khiêm cung trong tu tập.

4. Ba loại ngựa tướng tốt.

Trong "Mã Hữu Tam Tướng Kinh * 馬有三相經", thuộc Tạng A-hàm (Āgama), nằm trong Đại Chánh tạng, tập T02, kinh số 114, còn gọi là Kinh Nói Về Ba Tướng Của Ngựa có đoạn sau:

Có một thời Đức Phật ở tại nước Xá Vệ, trong tịnh xá Kỳ-Thọ Cấp-Cô-Độc viên. Đức Phật bảo các Tỳ-Kheo rằng:

Ngựa tốt có ba tướng tốt, để cho các vua quan cưỡi dùng. Nếu được vua thích thì được gọi là ngựa quan. Cái gì gọi là ba tướng tốt? Tướng thứ nhất, ngựa có thiện tính, dễ cưỡi dễ chạy, tướng thứ nhì là có sức lực, tướng thứ ba là đoan trang và có màu sắc đẹp. Đó là ba tướng tốt của ngựa. Ngựa tốt được xếp vào loại ngựa của vua quan.

Người thiện cũng có ba tướng tốt. Người có thiện tính, nổi tiếng và hào sảng, sẵn sàng giúp đỡ những khó khăn của người khác, được mọi người tôn kính, được mọi người lễ ngộ, làm phúc cho thiên hạ. Cái gì gọi là ba cái tướng tốt của người thiện ? Người thiện đặc ý, cố chạy để giúp đời, đầy nghị lực, có tướng mạo đoan chính.

- Cái gì là người thiện đặc ý cố chạy để giúp đời ? Người thiện đặc ý, đầy khổ tâm để tìm biết, tìm học; vì tìm biết, tìm học mà chịu nhiều thất bại, chỉ vì tìm biết đạo để giúp đời. Đó là những người thiện đặc ý cố chạy giúp đời.

- Cái gì gọi là người thiện đặc ý đầy nghị lực ? Khi người thấy được những hành vi tệ bại sẽ tận lực tìm đoạn tuyệt nó. Cầu tinh tiến, bỏ những điều xấu. Những điều tệ bại. Những điều xấu chưa xuất hiện không cho nó xuất hiện. Những điều thiện chưa xuất hiện làm cho nó xuất hiện. Những điều thiện đã nảy sinh, đừng để quên đi, luôn làm nó tăng trưởng lên. Tận lực tận ý làm cho hành động và ý niệm của mình đều thiện, ức chế những ý niệm xấu, từ bỏ những điều ác. Đó là người thiện có nghị lực.

- Cái gì gọi là người thiện đặc ý có sắc đoan chánh ? Đó là người thiện cố tránh các khoái lạc về ngũ dục của con người, tránh những tệ ác, tránh xa các điều xấu có thể đưa đến tử khí. Đó là người thiện đặc ý có sắc đoan chánh.

Đó là ba nhân duyên của chân đế về tu hành. Người thiện đặc ý, danh được lưu truyền, giúp được những khó khăn của đời, được thiên hạ trọng vọng, đức Phật nói như vậy”.

5. Câu chuyện thiên sư Mã Tổ.

Trong Tục Tạng kinh còn ghi lại câu chuyện của Thiên sư Đạo Nhất (709-788), một vị cao tăng Trung Hoa thời Đường, đã được thời nhân gọi là Mã Tổ, một phần vì sư họ Mã, một phần vì lời tiên đoán của Lục Tổ Huệ Năng với vị thầy của ông, về sự xuất hiện của Đạo Nhất: **“Dưới chân người sẽ có con ngựa to đạp chết người trong thiên hạ”**. Chúng ta hãy nghe qua cách điều phục ngựa của sư.

Sư thường ngồi thiền mỗi ngày. Hôm nọ, Thiên sư Hoài Nhượng đến thăm, hỏi:

- Đại đức ngồi thiền để làm gì?

- Thưa, để làm Phật.

Thiền sư Hoài Nhượng bèn lấy một cục gạch đến trước am sư ngồi mài. Thấy lạ, sư hỏi:

- Thầy mài gạch để làm gì?

- Để làm gương.

- Gạch đấy thế nào làm gương được?

- Ngồi thiền đâu thế thành Phật nổi?

- Vậy phải làm thế nào mới được?

- Như trâu kéo xe, nếu xe không đi, nên đánh xe hay đánh trâu?

Sư lặng thinh, ngài Hoài Nhượng dạy tiếp:

- Ông học ngồi thiền, hay học làm Phật? Nếu học ngồi thiền, thiền không phải ngồi nằm. Nếu học làm Phật, Phật không có tướng nhất định. Đối pháp không trụ, chẳng nên thủ xả. Ông nếu ngồi để làm Phật tức là giết Phật, nếu chấp tướng ngồi thì chẳng đạt được ý kia.

Sư nghe đến đấy liền ngộ.

11. Danh nhân tuổi Ngọ trong lịch sử Việt Nam.

Tuổi Giáp Ngọ

1.- Nguyễn Hiền (1234-1254)

Vốn mồ côi cha từ nhỏ nhưng nhà gần chùa, trong chùa có sư ông giỏi chữ nghĩa mở lớp dạy học, Trọng hay lân la chơi ở ngoài nghe mà cũng biết. Rồi sau đấy nhà sư thấy ham học cho mượn sách về đọc, chỗ nào không hiểu thì sư giảng cho.

Chỉ tự học là chính như thế mà năm 13 tuổi, Nguyễn Hiền đi thi đậu Trạng Nguyên khoa thi năm 1247 thời vua Trần Thái Tông.

Lịch sử cũng ghi chép, Trạng Hiền là người giải các câu đố của sứ Mông Cổ đưa sang để thử xem triều đình nước Nam có nhân tài không. Những câu đố đó là bài thơ “Lưỡng nhật bình đầu nhật, tứ sơn diên đảo sơn, lưỡng vương tranh nhất quốc, tứ khẩu tung hoành giang” hay bức thư có câu “Thập nhị nguyệt vũ tốt”...

Trạng mất sớm khi mới ngoài 20 tuổi nên sự nghiệp để lại không nhiều nhưng với việc đỗ trạng nguyên khi mới 13 tuổi mà phần lớn chỉ do tự học cho thấy cụ có một trí thông minh siêu việt và một sức học đáng nể.

2.- Nguyễn Kim (1474 - 1545): Danh tướng, khai quốc công thần thời Hậu Lê, quê Thanh Hóa. Là người can đảm, kiên định, giàu chí tiến thủ, không phục tùng Mạc Đăng Dung cướp ngôi nhà Lê, ông lánh sang Lào, khởi binh chống lại. Tiến về Thanh Hóa, năm 1533 ông đưa Lê Ninh lên ngôi vua, mở đầu thời kỳ Lê Trung Hưng. Sau nhiều chiến thắng vang dội, năm 1542 ông cầm quân ra Bắc tiêu diệt nhà Mạc nhưng giữa đường chết đột ngột vì bị đầu độc (1545). Ông là Thái tổ của các chúa Nguyễn và Vương triều nhà Nguyễn sau này.

3.- Ngô Tất Tố (1894 - 1954):

Nhà báo, nhà văn danh tiếng, quê Hà Nội. Mẫn cảm, từng trải, dạy học rồi vào Nam viết báo, sau đó trở ra Bắc, chuyên tâm sáng tác văn thơ, nghiên cứu lịch sử, triết học, rất nổi trong làng báo, làng văn thời kỳ 1930 - 1945. Nhiệt thành yêu nước, tích cực hoạt động cách mạng trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Ông là nhà văn Việt Nam xuất sắc nhất của trào lưu văn học hiện thực phê phán, với các tác phẩm ấn tượng: Tắt đèn, Lều chõng, Việc làng ...

4.- Lê Đình Ba (1894 - 1979):

Là một cao tăng (pháp danh: Thích Trí Độ), quê ở Bình Định. Uyên bác, đạo hạnh, ông học ở Bình Định và Huế. Năm 1945 ông được mời ra giảng dạy tại chùa Quán Sứ (Hà Nội), rất tích cực tham gia các hoạt động văn hóa, xã hội, cứu quốc. Năm 1958 đắc cử Hội trưởng Hội Phật giáo thống nhất Việt Nam (miền bắc) và giữ chức vụ này đến lúc qua đời. Ông từng là Ủy viên Ủy ban Bảo vệ hòa bình thế giới, Ủy viên Mặt trận Tổ quốc

Việt Nam, Đại biểu Quốc Hội, công du nhiều nước và viết nhiều sách về Phật giáo, triết học có giá trị.

Tuổi Bính Ngọ

5.- Ngô Thì Sĩ (1726 - 1780):

Danh sĩ đời Lê Hiến Tông, quê Hà Nội. Nhà nghèo nhưng sáng dạ, hiếu học, năm 1766 đỗ Hoàng giáp, lần lượt làm quan đứng đầu các vùng: Thái Nguyên, Thanh Hóa, Nghệ An ... rồi thăng tới chức Thiên đô Ngự sử. Am hiểu, nhiệt tình, giao lưu rộng, ông được sĩ phu khắp nơi quý mến. Ông viết nhiều tác phẩm văn thơ, lịch sử và là người lập ra Ngô gia văn phái - một trường phái văn chương rất độc đáo của họ Ngô.

6.- Lê Quý Đôn (1726 - 1784):

Quý Đôn là nhà văn hoá, sử gia lớn Việt Nam thời Hậu Lê. Thuở nhỏ tên là Lê Danh Phương, sau đổi là Quý Đôn quê làng Duyên Hà, huyện Duyên Hà, nay là Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Ông xuất thân trong một gia đình khoa bảng lâu đời. Thuở nhỏ ông nổi tiếng thông minh, có trí nhớ phi thường nên được mọi người gọi là thần đồng.



Nhà bác học Lê Quý Đôn

Năm Quý Hợi (1743) đỗ giải Nguyên khi 17 tuổi, hội nguyên năm 26 tuổi và thi Đình đỗ Bảng nhãn. Năm 1752 đỗ Nhất giáp Tiến sĩ (Bảng nhãn). Giữ chức thị giảng Viện hàn lâm và Viện quốc sử (1757), lãnh chức phó sứ sang triều nhà Thanh (1760).

Học vấn uyên bác và tài ứng đối của ông đã làm cho các triều thần nhà Thanh và sứ thần Triều Tiên kính trọng. Sau khi về nước, ông làm đốc đồng Kinh Bắc, tham chính Hải Dương, tư nghiệp Quốc Tử Giám, kiêm trông coi việc biên soạn quốc sử (1767) và được thăng chức Bồi tụng ở Phủ chúa; Hiệp trấn ở Thuận Hoá và Tham tụng (quyền Tế tướng) ở Thăng Long (1776); hiệp trấn Nghệ An (1783).

Ông là nhà bác học có tri thức hết sức uyên thâm và đa dạng về lịch sử, luật pháp, văn thơ, kinh tế, xã hội, ngôn ngữ, địa lý, sinh vật, triết học ... Năng lực sáng tạo cao, cường độ làm việc nhanh, Lê Quý Đôn để lại sự nghiệp đồ sộ với hơn 40 bộ sách gồm hàng trăm quyển về nhiều lĩnh vực học thuật.

Khi mất, được truy tặng hàm thượng thư Bộ Công. Lê Quý Đôn đọc rộng, biết nhiều, trước tác bao gồm nhiều lĩnh vực. Là người Việt Nam đầu tiên biết đến lí thuyết quả đất tròn gồm bốn châu (Á, Âu, Phi, Mix), người sớm nhất lưu ý đến một số vấn đề khoa học tự nhiên. Về vũ trụ học, đề xuất thuyết "lí khí"; về trị nước, chủ trương "đức trị" đi đôi với "pháp trị", trọng dụng nhân tài. Có nhiều công trình nghiên cứu, biên soạn, sáng tác.

Nhiều trường học ở Việt Nam hiện nay vinh dự được mang tên ông, nhà bác học Lê Quý Đôn.

Tuổi Mậu Ngọ

7.- Trần Nhân Tông (1258 - 1308)

Còn gọi Trần Sâm, hay Trần Khâm, vua thứ ba nhà Trần, miếu hiệu Nhân Tông, Thiền gia, cũng là nhà Phật học, đứng đầu Trúc Lâm tam tổ, phái Thiền Tông Yên Tử. Sinh ngày 11/10/1258, con trưởng Thánh Tông.



Năm Mậu Dần 1278, ông lên ngôi, cùng với cha và các đại thần Trần Quốc Tuấn, Trần Quang Khải chấn chỉnh việc nước, vượt khó khăn, hai lần đánh tan quân Nguyên Mông xâm lược 1285 - 1287.

Triều đại ông nổi bật tinh thần quân dân đoàn kết, nổi tiếng qua hai cuộc Hội nghị Diên Hồng và Bình Than. Năm Quý Tỵ (1293) ông nhường ngôi cho con là Trần Thuyên (tức Anh Tông) làm Thái thượng hoàng, cùng con coi sóc việc chính trị.

Đến năm 1299, ông hoàn toàn phủi sạch trần tục, lên núi Yên Tử ẩn tu, pháp hiệu là Hương Vân đại đầu đà, khai sáng Thiền tông phái Yên Tử, cũng gọi là phái Trúc Lâm. Do đó, nhân dân cũng gọi ông là Trúc Lâm đại đầu đà hoặc Điều Ngự giác hoàng. Ngày 3/10 Mậu Thân, ông mất tại Yên Tử, hưởng dương 50 tuổi.

8.- **Nguyễn Quang Nhuận** (1678 - 1758): Danh thần đời Lê Hy Tông, quê Bắc Ninh. Thông tuệ, giỏi ứng xử, có tài về quân sự, năm 25 tuổi đỗ Tiến sĩ, làm quan đến Thượng thư các bộ Công - Lễ - Hộ, từng đi sứ Trung Quốc, sau đó thăng tới chức Tham tụng. Năm 1741, đất nước loạn lạc nhiều nơi, ông làm Tổng thống quân vụ, thống lĩnh toàn bộ quân đội, đảm trách chiêu an, bình định. Ông nổi tiếng bởi tính cách sắc bén, linh động và sự tận tụy với công việc.

9.- **Hoàng Hoa Thám** (1858 - 1913): Anh hùng kháng Pháp, quê ở Dị Chiến, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên. Thuở nhỏ có tên là Trương Văn Nghĩa gan dạ, mưu lược,

trung kiên, tham gia khởi nghĩa chống Pháp từ khi 16 tuổi. Năm 1892 trở thành thủ lĩnh phong trào Yên Thế (Bắc Giang) trong phong trào Cần Vương. Với sự lãnh đạo của ông, nghĩa quân làm nên những chiến thắng oanh liệt. địa bàn hoạt động mở rộng từ trung du tới đồng bằng, kể cả vùng Hà Nội. Bị tổn thất nặng nề, thực dân Pháp và tay sai dốc sức đàn áp nhưng không nổi, phải giảng hòa với ông năm 1894. Ít lâu sau, ông lại vùng lên kháng chiến, quyết liệt hơn trước, làm giặc thất điên bát đảo.



Hoàng Hoa Thám

Ông được mệnh danh là “Hùm thiêng Yên Thế”, biểu tượng cho lòng yêu nước, uy vũ hùng mạnh và khí tiết nam nhi. Năm 1905 đã từng tiếp xúc với Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh nên đã mở rộng địa bàn hoạt động. Ông bị Lương Tam Kỳ phản bội ám sát khi ông 55 tuổi.

10.- **Nguyễn Bính** (1918 - 1966): Nhà thơ danh tiếng, quê Nam Định. Mồ côi cha mẹ từ bé nhưng năng động, nghị lực và say mê văn chương, làm thơ đăng trên các báo, sớm nổi danh bởi bút pháp sôi nổi, tài hoa mà giản dị, đầy chất quê. Ông đi nhiều nơi ở cả 3 miền Bắc - Trung - Nam, tham gia kháng chiến chống Pháp và hoạt động cách mạng, trải qua nhiều chức vụ quan trọng. Sự nghiệp thơ của ông rất đồ sộ với hàng nghìn bài thơ, truyện thơ, kịch thơ ... ông được coi là nhà thơ chân quê xuất sắc nhất trong nền thi ca hiện đại Việt Nam.

Tuổi Canh Ngọ

11.- An Sinh Vương Trần Liễu (1210-1251)

Ông là con trưởng Thượng hoàng Trần Thừa, anh ruột vua Trần Thái Tông, Khâm Thiên tướng quốc Thái sư Trần Nhật Hiệu và công chúa Thụy Bà, sinh ra tại phủ đệ Tĩnh Cương, phủ Long Hưng (Nay là xã Tiến Đức, huyện Hưng Hà).



Đền thờ An Sinh Vương Trần Liễu

An Sinh Vương Trần Liễu được biết đến là người có chí lớn, ngày thường thì ung dung, hào hoa, gặp việc lớn thì sắt đá. Thời loạn lạc, phụ thân phải gánh vác việc nước, trọng trách trong nhà hầu hết đều do ông lo liệu.

Cuộc đời An Sinh Vương sống đạm bạc, lấy việc xây trang ấp giàu mạnh, dân trang ấp no đủ làm vui, dạy các con phương trưởng là điều hạnh phúc. Trong việc khai hoá vùng sơn dã thành một trung tâm văn hoá, khoa bảng nở rộ, tăng viện huy hoàng, đạo quán rộng khắp nổi tiếng vương triều, đều có công mở đường của An Sinh Vương.

Năm Tân Hợi, mùa hạ, tháng 4, niên hiệu Nguyên Phong thứ nhất (1251), An Sinh Vương tạ thế tại phủ đệ Yên Phụ, hưởng thọ 41 tuổi. Vua Trần Thái Tông truy phong tước Đại Vương, cho sửa chữa phủ đệ trên đỉnh núi Yên Phụ (Kim Môn, Hải Dương) thành đền Cao để thờ.

Trần Liễu sinh được 7 người con (2 trai 5 gái). Hai con ông là Trần Quốc Tung (có bản chép Trần Trung) và Trần Quốc Tuấn sinh ra từ ấp A Sào, trưởng thành lại về A Sào, Long Hưng xây dựng phòng tuyến chống giặc và đánh giặc.

12.- **Tuệ Tĩnh** (1330 - 1392): Danh y thời Trần, quê Hải Dương. Năm 1351 đỗ Tiến sĩ nhưng không ra làm quan mà tu ở chùa Nghiêm Quang, chuyên tâm nghiên cứu, viết sách y học, giáo lý, trồng cây thuốc và dốc sức chữa bệnh cho nhân dân bằng thuốc Nam. Năm 1384, vua Trần phái ông đi sứ Trung Quốc, đến nơi được vua nhà Minh cảm phục tài năng, phong tước hiệu cho ông là Đại y Thiên sư. Ông là một thầy thuốc nam nổi tiếng nhất trong lịch sử nước ta và có công lớn trong xây dựng nền y học dân tộc ngay từ buổi đầu.



Danh y Tuệ Tĩnh

13.- **Vũ Quỳnh** (1450- 1497): Nhà văn hóa, danh sĩ đời Lê Thánh Tông, quê Hải Dương. Đa tài, năng động, thông thái, đỗ Hoàng giáp năm 1478, làm quan đến Thượng thư các bộ Lễ - Binh - Công kiêm Tổng tài Quốc sử quán. Ông để lại các tác phẩm nổi tiếng về nhiều lĩnh vực: Đại Việt thông giám thông khảo (bộ sách lịch sử, 26 quyển), Tổ cầm tập (sách dạy đàn), Đại thành toán pháp (sách toán học) ...

14. **Phan Huy Ích – sinh năm Canh Ngọ (1750 - 1822)**

Phan Huy Ích là một danh sĩ cuối đời Hậu Lê, làm việc dưới trướng chúa Trịnh. Ông cũng là một công thần của nhà Tây Sơn.

Ông sinh ra năm 1750 ở làng Thu Hoạch, huyện Thiên Lộc, trấn Nghệ An, nay là xã Thạch Châu, huyện Thạch Hà, tỉnh Hà Tĩnh; với tên hiệu là Dụ Am, cũng có tự là Chi Hòa, hiệu Đức Hiên.



Chân dung cụ Phan Huy Ích

Năm 1771, ông đỗ giải nguyên trường thi Nghệ An. Năm 1775, đỗ hội nguyên được bổ làm Hàn lâm thừa chỉ, rồi làm Đốc đồng tỉnh Thanh Hóa, trông coi việc an ninh.

Năm 1777, làm Đốc đồng Thanh Hóa, sau về triều làm Thiên sai tri hình ở phủ chúa Trịnh, thay Phạm Nguyễn Du. Từ sau năm 1780, ông chán ghét chúa Trịnh vua Lê, mấy lần cáo bệnh xin về hưu đều không được chấp nhận.

Năm 1788, Nguyễn Huệ ra Bắc, xuống chiếu cầu hiền. Phan Huy Ích cùng Ngô Thì Nhậm, Đoàn Nguyên Tuấn, Nguyễn Thế Lịch ra hợp tác với Tây Sơn. Phan Huy Ích được phong làm các chức như Tả thị lang Bộ Hộ, Thị trung ngự sử ở tòa Nội các.

Sau khi nhà Tây Sơn suy vi, ông bị chúa Nguyễn Phúc Ánh bắt, đến tháng 2 năm Quý Hợi (1802) ông bị đánh đòn ở Văn Miếu, sau mới được thả về.

Năm 1803, ông về Sài Gòn ở ẩn, đến năm 1814 ông vào Thiên Lộc, Hà Tĩnh dạy học, cho đến năm 1819 về quê an dưỡng, nơi ở đặt tên là Bảo Chân quán.

Ngày 20/2 Âm lịch, Nhâm Ngọ 1822 ông mất, thọ 72 tuổi.

15.- **Trần Quý Cáp** (1870 - 1909): Danh sĩ thời Nguyễn, quê Quảng Nam. Năm 1904 đỗ Tiến sĩ, làm quan chức ngành sư phạm. Ông nhiệt thành yêu nước, hăng hái hưởng ứng các phong trào Cần vương, Đông du, tích cực hoạt động duy tân, nâng cao

dân trí, dân sinh nên rất được giới sĩ phu trong Nam, ngoài Bắc kính trọng, coi là lãnh tụ nhóm Tân học. Năm 1908, thực dân Pháp khủng bố trắng phong trào Duy tân, ông bị kết án tử hình. Ông đã để lại nhiều tác phẩm văn thơ giàu nhiệt huyết cách mạng, được phổ biến sâu rộng trong quần chúng với sức lay động lớn.

16.- Trần Tế Xương – Sinh năm Canh Ngọ 1870

Trần Tế Xương sinh năm Canh Ngọ 1870 ở Vị Xuyên, tỉnh Nam Định. Là một người thông minh, tài hoa, học giỏi nhưng 8 lần đi thi đều hỏng. Cố gắng mãi mới đỗ được Tú tài “Tám khoa chưa khỏi phạm trường quy”.

Cuộc đời và sự nghiệp của ông chỉ vắn vắn trong 37 năm nhưng Tú Xương để lại khoảng 150 bài thơ nôm, vài bài phú và văn tế. Có bài trào phúng. Có bài trữ tình. Có bài vừa trào phúng vừa trữ tình. Giọng thơ trào phúng của Tú Xương vô cùng cay độc, dữ dội mà xót xa. Ông là nhà thơ trào phúng bậc thầy trong nền văn học cận đại của dân tộc.

Nói đến tài thơ của Tú Xương, người ta chú ý đến sự kết hợp hài hòa giữa các yếu tố hiện thực, trào phúng và trữ tình mà trong đó trữ tình là gốc. Giai thoại làng văn kể rằng Tản Đà khi còn sống đã nói rằng “Trong những thi sĩ tiền bối, phục nhất Tú Xương”.

Tuổi Nhâm Ngọ

17.- **Hồ Quý Ly** (1342 - 1407): Nhà cải cách, hoàng đế khai sáng triều Hồ, quê Thanh Hóa. Là một chính trị gia lão luyện, đầy mưu lược, lại văn võ song toàn, ông được các vua Trần tin dùng và leo nhanh trên nấc thang quyền lực. Năm 1400, ông phế bỏ Trần Thiếu Đế, lập ra nhà Hồ, tiến hành hàng loạt cải cách vĩ đại về kinh tế, văn hóa, xã hội, lễ giáo, quân sự.

18.- Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888):

Nguyễn Đình Chiểu là một nhà văn hóa, danh sĩ, chí sĩ cận đại của Việt Nam, hiệu Trạc Phủ, con cụ Nguyễn Đình Huy và bà Trương Thị Thiệt, sinh ngày 1 tháng 7 năm 1822 tại làng Tân Khánh, phủ Tân Bình, tỉnh Gia Định.



Nguyễn Đình Chiểu

Cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu sớm trải qua những chuỗi ngày gia biến và quốc biến hãi hùng đã tác động đến nhận thức của ông. Ngay từ nhỏ, Nguyễn Đình Chiểu đã theo cha chạy giặc.

Năm 1843 ông đỗ Tú tài ở trường thi Gia Định, năm 1847 ông ra Huế học để chờ thi khoa Kỷ Dậu 1849. Nhưng sau đó, mẹ ông mất, ông trở về chịu tang mẹ, dọc đường vất vả lại thương mẹ khóc nhiều nên ông bị bệnh rồi mù cả đôi mắt. Về quê, chịu tang mẹ xong, ông lại bị một gia đình giàu có bội ước. Từ ấy ông vừa dạy học vừa làm thơ sống giữa tình thương của mọi người. Về sau có người học trò cảm nghĩa thầy đã gả em gái. Nhân dân thường gọi ông là Đồ Chiểu hay Tú Chiểu.

Khi Pháp xâm chiếm Gia Định, ông về ở Ba Tri, tỉnh Bến Tre, tiếp tục dạy học và làm thuốc. Vốn nhiệt tình yêu nước, ông liên hệ mật thiết với các nhóm nghĩa binh của Đốc binh Nguyễn Văn Là, lãnh binh Trương Định. Ông tích cực dùng văn chương kích động lòng yêu nước của sĩ phu và nhân dân.

Biết ông là người có uy tín lớn, Pháp nhiều lần mua chuộc nhưng ông vẫn nêu cao khí tiết, không chịu khuất phục.

Ông mất ngày 24/5 âm lịch, năm Mậu Tý (1888) thọ 66 tuổi.

19- **Thái Phiên** (1882 - 1916) : Nhà trung quân ái quốc thời nhà Nguyễn, quê ở Đà Nẵng. Thông minh, năng động, nồng nàn yêu nước, ông tham gia phong trào chống

Pháp và gây dựng cơ sở, lãnh đạo Hội Quang phục Việt Nam tại miền Trung. Năm 1916, ông mật ước với vua Duy Tân khẩn trương chuẩn bị cuộc nổi dậy lớn nhằm lật đổ ách thống trị thực dân Pháp. Sắp đến ngày khởi nghĩa thì kế hoạch bại lộ, ông cùng các đồng chí bị địch bắt và hy sinh.

12. Những năm Ngọ vẻ vang trong lịch sử dân tộc.

Trong lịch sử dân tộc ta, có nhiều năm Ngọ ghi những mốc son chói lọi bằng những chiến thắng chống giặc ngoại xâm bảo vệ Tổ quốc, xây dựng đất nước.

1. Năm 550 (Canh Ngọ): Triệu Quang phục (Triệu Việt Vương) đánh bại quân nhà Lương xâm lược giành lại quyền tự chủ đất nước.

Từ sau khi Nhà nước Vạn Xuân được thành lập, chính quyền phong kiến phương Bắc không ngừng tìm cách đánh phá để thống trị nước ta.

Năm 550, vua nhà Lương cho Trần Bá Tiên giữ chức Thứ sử Giao Châu, tiếp tục đàn áp dân ta. Nhưng do trong nước có loạn Hầu Cảnh (548-552), vua Lương phải gọi gấp Trần Bá Tiên đem quân về ứng cứu.

Ở Giao Châu chỉ còn Dương Sàn chỉ huy quân sỹ đương đầu với Triệu Việt Vương. Nhân cơ hội ấy, tháng Giêng năm Canh Ngọ 550, Triệu Quang Phục đem quân phản công, giết Dương Sàn, lấy được thành Long Biên và giành lại quyền tự chủ trên toàn đất nước, xây dựng lại nhà nước Vạn Xuân.

2. Năm 766 (Bính Ngọ): Phùng Hưng dấy binh khởi nghĩa.

Năm 766, Phùng Hưng, người quận Đường Lâm (nay thuộc Sơn Tây, Hà Nội) do căm ghét chính sách thống trị của quan lại nhà Đường, và nhân lòng căm phẫn của nhân dân, Phùng Hưng đã phát động một cuộc khởi nghĩa lớn chống chính quyền đô hộ nhà Đường.

Phùng Hưng đem quân vây đánh thành Tống Bình (Hà Nội). Do quân lính chết nhiều, Cao Chính Bình (viên quan nhà Đường đô hộ nước ta) phải vào cố thủ trong thành, lo sợ phát ốm rồi chết. Phùng Hưng chiếm lĩnh thành trì và coi việc chính sự đất nước.

Khi mất (năm 791), Phùng Hưng được nhân dân lập đền thờ và tôn là Bồ Cái Đại Vương để ghi nhớ công lao đánh giặc cứu dân.

3. Năm 970 (Canh Ngọ): Triều Đinh phát hành đồng tiền đúc.

Triều Đinh thực hiện cải cách tài chính và cho đúc tiền đồng, là tiền tệ xưa nhất ở Việt Nam, gọi là tiền đồng Thái Bình.



Nhà Đinh là triều đại đầu tiên đặt nền móng cho việc phát hành tiền tệ. Đồng tiền Thái Bình được đúc bằng đồng, hình tròn, lỗ vuông, có thể xâu thành chuỗi. Một mặt đúc bốn chữ "Thái Bình Hưng Bảo", mặt sau có đúc chữ "Đinh".

4. Năm 1042 (Nhâm Ngọ): Vua Lý Thái Tông ban hành Hình thư.

Vua Lý Thái Tông (1028-1054) đã ban hành Bộ hình thư, đây là bộ luật thành văn đầu tiên của Việt Nam; mở đầu trang mới trong lịch sử pháp quyền nước ta.

Từ nội dung của bộ luật đó mà sau này vào niên hiệu Hồng Đức, vua nhà Lê là Lê Thánh Tông làm cơ sở để cho biên soạn và ban hành bộ luật định thời Lê sơ mà ta quen gọi là bộ Luật Hồng Đức.

5. Năm 1054 (Giáp Ngọ): Triều Lý đổi tên nước là Đại Việt.

Lấy niên hiệu là Long Thụy Thái Bình, sau khi lên ngôi vua, Lý Thánh Tông (tức Thái tử Nhật Tôn) đã đổi Quốc hiệu là Đại Việt thể hiện niềm tự hào và tự tôn của dân tộc.

Vua Lý Thánh Tông là một ông vua nhân từ nên được trăm họ mến phục trong đời ngài làm vua ít có giặc giã nhiễu loạn, Lý Thánh Tông có nhiều công lao khai hóa sự nghiệp

văn học như lập văn miếu, lập tượng Chu Công, Khổng Tử và 72 vị tiền hiền của đất nước để tôn thờ. Nước ta có Văn Miếu thờ Khổng Tử và các chư hiền kể từ đây.

6. Năm 1258 (Mậu Ngọ): Nhà Trần đánh tan quân Nguyên – Mông xâm lược lần thứ nhất.

Năm 1258, tướng nhà Nguyên là Ngột Lương Hợp Thai đưa 3 vạn kỵ binh, bộ binh chia quân làm hai cánh theo đường sông Hồng tiến đánh Đại Việt.

Vua Trần Thái Tông cử Trần Quốc Tuấn đưa quân lên mạn biên giới án ngữ địch và tổ chức tuyến phòng ngự ở Bình Lệ Nguyên (phía Nam Phú Thọ ngày nay).

Trước thế giặc đang mạnh, vua Trần quyết định lui quân về phía nam, bảo toàn lực lượng. Sau đó triều đình chủ trương rời khỏi Thăng Long thực hiện kế sách “vườn không nhà trống”, lui về Thiên Mạc (Duy Tiên, Hà Nam).

Quân Nguyên-Mông dù không gặp phải sự kháng cự nào nhưng càng ở lâu trong thành Thăng Long càng thiếu lương thực, tinh thần dao động. Thừa cơ, vua tôi nhà Trần đã ngược sông Hồng tổ chức trận phản công quyết liệt ở Đông Bộ Đầu.

Bị đánh bật ra khỏi kinh thành, quân giặc tháo chạy ngược theo sông Hồng về phía Vân Nam. Quân dân nhà Trần đã đánh bại quân xâm lược.

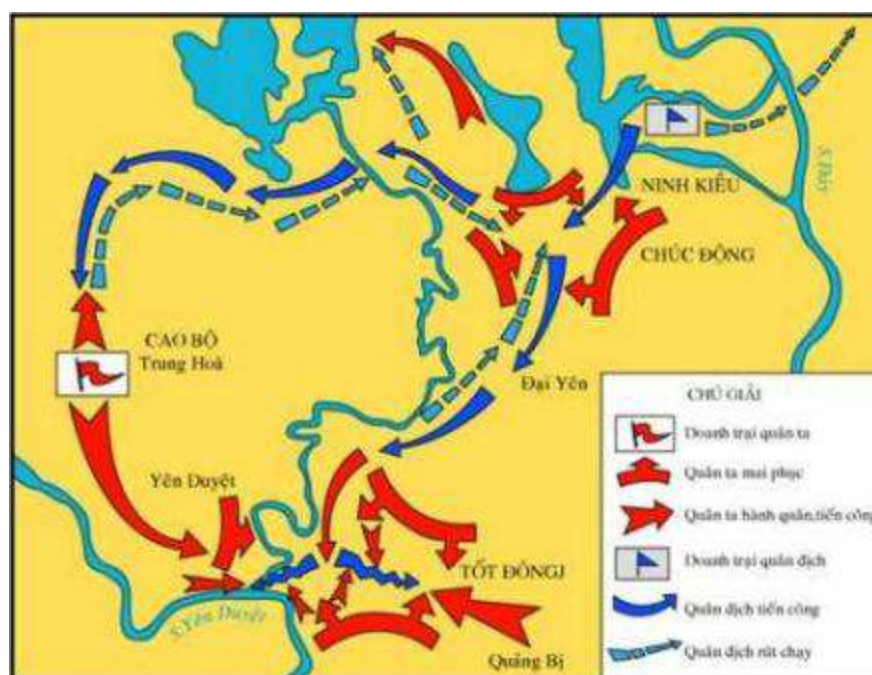
7. Năm Nhâm Ngọ (1282): Hội nghị Bình Than.

Sau thất bại lần thứ nhất, quân Mông-Nguyên lại rắp tâm xâm lược nước ta lần thứ 2. Trước tình thế vận mệnh đất nước lâm nguy, vào tháng 10 năm Nhâm Ngọ 1282, nhà Trần mở hội nghị Bình Than bàn kế chống quân xâm lược.

Ở hội nghị Bình Than, Vua Trần Nhân Tông và Thượng hoàng Trần Thánh Tông đã trao quyền Tổng chỉ huy quân đội cho Trần Quốc Tuấn; Nhân Huệ vương Trần Khánh Dư làm Phó đô tướng quân. Chính tại hội nghị này, Trần Quốc Tuấn vì còn trẻ tuổi nên không được dự đã bóp nát quả cam vua ban đang cầm trong tay rồi về tập trung hơn 1.000 gia nô tỵ nghĩa dưới cờ “Phá cường địch, báo hoàng ân” tham gia kháng chiến.

8. Năm Bính Ngọ (1426): Chiến thắng Tốt Động-Chúc Động.

Nghĩa quân Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo đại thắng quân Minh ở Tốt Động-Chúc Động (thuộc huyện Chương Mỹ, Hà Nội).



Vào tháng 10, khi nhận thấy quân Minh ở cả Nghệ An và ở ngoài Đông Đô không còn bao nhiêu, Bình Định Vương (Lê Lợi) bèn sai tướng Lý Triện, Phạm Văn Xảo, Trịnh Khả, Đỗ Bì tiến đánh vùng Quốc Oai, Quảng Oai, Gia Hưng, Quy Hóa, Đà Giang, Tam Đái (Bạch Hạc), Tuyên Quang để chặn đường viện binh của quân Minh từ Vân Nam sang.

Trận đánh bắt đầu diễn ra từ sáng ngày 7/11/1426. Cánh quân chính của nhà Minh do Vương Thông chỉ huy hành quân theo đội hình kéo dài. Khi tiền quân của chúng tới Tốt Động thì hậu quân mới vượt khỏi sông Ninh Giang (tức lọt vào trận địa mai phục của ta ở Chúc Động). Khi tiền quân của địch đã lọt vào trận địa mai phục ở Tốt Động và hậu quân đã qua hết sông Ninh Giang, quân mai phục của ta mới nhất tề xông ra đánh.

Quân Minh bị chặn đứng rồi tháo chạy. Sau đó, chúng lại lọt vào trận địa của ta ở Chúc Động. Cầu Ninh Kiều bị quân ta phá hủy, và dòng sông biến thành chiến tuyến cản đường rút chạy của địch về Đông Quan. Hàng vạn quân Minh bị giết và bị bắt. Bọn sống sót liều lĩnh vượt qua Ninh Giang bị chết đuối nhiều đến nỗi "... nước Ninh Kiều vì thế mà tắc nghẽn" (Đại Việt Sử ký toàn thư).

Trong trận đánh này, hơn 5 vạn quân Minh bị tiêu diệt, 1 vạn bị bắt sống. Quân ta còn thu được rất nhiều khí giới, voi, ngựa. Tướng giặc Phương Chính và Mã Kỳ hoảng loạn chạy tháo thân về thành Đông Quan cố thủ cùng Vương Thông. Thắng lợi đã tạo tiền đề cho cuộc chiến tranh giành độc lập dân tộc của nhân dân ta lên giai đoạn phát triển mới.

Nguyễn Trãi đã ghi lại chiến thắng này trong Đại cáo bình Ngô như sau: "...Trận Tốt Động như gió mạnh gãy cành cây, Trần Hiệp, Lý Lượng như dưới hố cộp sa, Vương Thông, Mã Kỳ như vạc sôi cá nháy..."

9. Năm 1786 (Bính Ngọ): Nghĩa quân Tây Sơn lật đổ chính quyền phong kiến Lê – Trịnh.

Sau khi đánh tan 5 vạn quân xâm lược Xiêm và đuổi Nguyễn Ánh khỏi đất Gia Định, Nguyễn Huệ được Nguyễn Nhạc giao nhiệm vụ chỉ huy quân Tây Sơn tiến đánh quân Trịnh ở Phú Xuân.



Sau khi thắng lợi ở Phú Xuân, Nguyễn Huệ cho người về Quy Nhơn báo tin thắng trận, đồng thời chuẩn bị lực lượng, cử Nguyễn Lữ ở lại trấn giữ Thuận Hoá, còn ông thì tiến quân ra Đà Nẵng ngoài.

Quân đội Tây Sơn dưới sự tổng chỉ huy của Nguyễn Huệ lần lượt đánh bại các đạo quân Trịnh do các tướng Trịnh Tự Quyền, Đinh Tiết Nhượng, Đỗ Thế Dẫn chỉ huy ở Sơn Nam rồi thẳng tiến đến Thăng Long, sau khi đã đánh tan quân Trịnh ở Thanh Trì. Chúa Trịnh bấy giờ là Trịnh Khải thua trận, trốn chạy lên vùng Sơn Tây, bị nhân dân bắt nộp cho Nguyễn Huệ.

Ngày 21/7/1786, Nguyễn Huệ kéo quân vào Thăng Long, lật đổ chính quyền họ Trịnh, và từ đây, đất nước ta chấm dứt thời kỳ Trịnh-Nguyễn phân tranh kéo dài gần 300 năm.

10. Năm 1858 (Mậu Ngọ): Liên quân Pháp – Tây Ban Nha nổ súng vào thành Đà Nẵng, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta

Năm 1857, vua Tự Đức vẫn duy trì chính sách cấm đạo nghiêm ngặt; tư bản phương Tây mượn cớ đó bèn đẩy mạnh việc vũ trang xâm lược nước ta. Giữa năm 1858, chiến hạm Pháp và chiến hạm Tây Ban Nha đến hội quân tại Hải Nam để chuẩn bị xâm lược Việt Nam.

Có tới 13 chiếc thuyền của liên quân Pháp – Tây Ban Nha trang bị vũ khí hiện đại, trong đó có tàu chở tới 50 đại bác dàn trận ở cửa biển Đà Nẵng.

Mở sáng ngày 1/9/1858, quân Pháp ngang ngược gửi tối hậu thư đòi triều đình phải trả lời. Sau đó, chúng ngang nhiên nổ đại bác vào, bắn phá hệ thống đồn lũy của quân đội nhà Nguyễn, vây đánh hai thành An Hải và Điện Hải, chiếm bán đảo Sơn Trà, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta.

Mặc cho thái độ do dự của nhà Nguyễn, nhân dân ta ngay từ đầu đã anh dũng chống trả quyết liệt các cuộc tấn công của quân xâm lược để bảo vệ Tổ quốc.

11. Năm 1930 (Canh Ngọ): Khởi nghĩa Yên Bái

Là cuộc nổi dậy bằng vũ trang nhằm lật đổ chính quyền thuộc địa của Pháp, bắt đầu vào đêm ngày 9 rạng ngày 10/2/1930, nơi nổ súng đầu tiên và quyết liệt nhất là ở Yên Bái sau đó lan rộng sang các tỉnh khác.

Do việc chuẩn bị không chu đáo, có nơi kế hoạch khởi nghĩa bị bại lộ trước giờ hành động, do tương quan lực lượng địch còn mạnh cũng như sự phối hợp tác chiến của nghĩa quân kém hiệu quả nên các cuộc khởi nghĩa nổ ra hầu hết bị nhanh chóng dập tắt. Các lãnh đạo cuộc khởi nghĩa như Nguyễn Khắc Nhu, Phó Đức Chính, Phạm Tuấn Tài, Nguyễn Thái Học đều bị bắt.

Khởi nghĩa Yên Bái với những hành động quả cảm của các nghĩa quân Việt Nam Quốc dân đảng đã thể hiện tinh thần yêu nước, chí khí quật cường của dân tộc ta, góp phần thổi bùng lên ngọn lửa yêu nước trong các tầng lớp nhân dân.

12. Năm 1954 (Giáp Ngọ): Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ.

Sau 56 ngày đêm chiến đấu anh dũng từ ngày 13/3 đến 7/5/1954, chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ toàn thắng. Ta tiêu diệt và bắt sống 16.200 tên địch, bắn rơi và phá huỷ 62 máy bay, thu toàn bộ vũ khí, kho xăng, đạn dược, quân trang quân dụng của địch.



Chiến thắng Điện Biên Phủ

Chiến thắng Điện Biên Phủ “Đã được ghi vào lịch sử như một Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa ở thế kỷ 20 và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công chói lọi, đột phá thành trì của hệ thống nô dịch thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc”.

Đây là chiến thắng có ý nghĩa quyết định đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp, một chiến công vĩ đại trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta, cổ vũ phong trào chống chủ nghĩa thực dân, giải phóng dân tộc trên thế giới.



Hoan nghênh các bạn góp ý trao đổi!
